UNODC
United Nations Office on Drugs and Crime

UN WOMEN
United Nations Entity for Gender Equality and the Empowerment of Women

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHỤ NỮ TRONG HỆ THỐNG TƯ PHÁP HÌNH SỰ VIỆT NAM

Nhằm hỗ trợ những nỗ lực của Chính phủ hướng tới đảm bảo hiệu quả vấn đề bình đẳng giới trong hệ thống tư pháp hình sự

Tháng 10/2013

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHỤ NỮ TRONG HỆ THỐNG TƯ PHÁP HÌNH SỰ VIỆT NAM

Nhằm hỗ trợ những nỗ lực của Chính phủ hướng tới đảm bảo hiệu quả vấn đề bình đẳng giới trong hệ thống tư pháp hình sự

MỤC LỤC

Danh mục từ viết tắt 3
TÓM TẮT TỔNG QUAN 4
GIỚI THIỆU 7
CHƯƠNG 1: PHỤ NỮ LÀ NẠN NHÂN CỦA TỘI PHẠM 12
PHẦN 1: TỔNG QUAN VÀ PHÂN TÍCH 12
A. Đáp ứng của hệ thống tư pháp hình sự với vấn đề bạo lực đối với phụ nữ 16
PHẦN II: NHU CẦU, KHOẢNG TRỐNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 31
CHƯƠNG 2: PHỤ NỮ CÓ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT 37
PHẦN I: TỔNG QUAN VÀ PHÂN TÍCH 37
A. Nữ bị can 39
B. Phạm nhân nữ 44
C. Phụ nữ bị buộc tội vi phạm hành chính 50
PHẦN II: NHU CẦU, KHOẢNG TRỐNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 51
CHƯƠNG 3: PHỤ NỮ LÀM VIỆC TRONG HỆ THỐNG TƯ PHÁP HÌNH SỰ 54
PHẦN I: TỔNG QUAN VÀ PHÂN TÍCH 54
A. Rào cản với phụ nữ làm việc trong ngành tư pháp hình sự 58
PHẦN II: NHU CẦU, KHOẢNG TRỐNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 64
KẾT LUẬN CHUNG 67
PHỤ LỤC 1. KHUÔN KHỔ PHÁP LUẬT 68
PHỤ LỤC 2. CÁC SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ BẠO LỰC GIA ĐÌNH 73
PHỤ LỤC 3. CHUYẾN CÔNG TÁC CỦA UNODC – UN WOMEN 77
PHỤ LỤC 4. CHUYẾN THĂM TỚI TRẠI GIAM PHÚ SƠN 4, TỈNH THÁI NGUYÊN 81
PHỤ LỤC 5. HỌP NHÓM CHUYÊN GIA ASEAN 83
TÀI LIỆU THAM KHẢO 87

Danh mục từ viết tắt

VIJUSAP	Hội Bảo trợ tư pháp cho người nghèo Việt Nam
CCIHP	Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số
CAT	Công ước chống Tra tấn và Trừng phạt hoặc Đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo làm mất phẩm giá khác
CFAW	Ban vì Sự tiến bộ của Phụ nữ
CRES	Trung tâm tư vấn pháp luật tái hòa nhập cộng đồng
CSAGA	Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Giới, Gia đình, Phụ nữ và Vị thành niên
BLGĐ	Bạo lực gia đình
BLTCSG	Bạo lực trên cơ sở giới
GE	Bình đẳng giới
GENCOMNET	Mạng Giới và Phát triển cộng đồng
GFCD	Trung tâm Nghiên cứu Giới-Gia đình và Phát triển cộng đồng
GSO	Tổng cục Thống kê
HEUNI	Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm
ICCPR	Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị
ICERD	Công ước quốc tế về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc
ICESCR	Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa
ILO	Tổ chức Lao động quốc tế
IOM	Tổ chức Di cư quốc tế
ISDS	Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội
BYT	Bộ Y tế
BTP	Bộ Tư pháp
BVHTTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
BLĐTBXH	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
BCA	Bộ Công an
NCFAW	Ủy ban Quốc gia vì sự Tiến bộ của Phụ nữ
NGO	Tổ chức phi chính phủ
CTGPL	Cục trợ giúp pháp lý
OMCT	Tổ chức thế giới chống tra tấn
VKSNDTC	Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao
TANDTC	Tòa án Nhân dân tối cao
TIPP	Nghị định thư về Buôn bán người
UN	Liên Hợp Quốc
UNDP	Chương trình phát triển Liên hợp quốc
UNFPA	Quỹ dân số Liên Hợp Quốc
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc
UNIAP	Dự án Liên minh các tổ chức Liên hợp quốc về phòng chống buôn bán người
UNODC	Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm của Liên Hợp Quốc
UNTOC	Công ước Liên Hợp Quốc về chống Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia
UN Women	Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ
BLĐVPN	Bạo lực đối với phụ nữ
HHLSVN	Hiệp hội Luật sư Việt Nam
HLHPNVN	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới

TÓM TẮT TỔNG QUAN

Trong những năm vừa qua, Việt Nam đã đạt được những sự tiến bộ to lớn trong việc cải cách hệ thống luật pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng về giới. Luật Bình đẳng giới năm 2006 thể hiện cam kết của Chính phủ trong lĩnh vực này bên cạnh những đóng góp của các chính sách và luật liên quan trong việc thúc đẩy các quyền của phụ nữ. Tuy nhiên, phụ nữ tiếp tục đối mặt với những bất lợi trong nhiều lĩnh vực của xã hội, bao gồm cả các bất lợi khi tham gia vào hệ thống tư pháp hình sự. Dù là nạn nhân của tội phạm, là người phạm tội hay là người công tác trong hệ thống tư pháp hình sự, phụ nữ phải đối mặt với một hệ thống phụ hệ với nhiều định kiến về giới. Nhằm đóng góp vào nỗ lực nghiên cứu về giới ngày càng gia tăng ở Việt Nam, Liên Hợp Quốc tại Việt Nam đã thực hiện một đánh giá nhằm nghiên cứu vai trò của phụ nữ trong hệ thống tư pháp hình sự và xác định các lĩnh vực cần cải thiện. Đánh giá này được thực hiện trên cơ sơ nghiên cứu các tài liệu sẵn có và phỏng vấn các bên liên quan trong chuyến công tác tại Hà Nội, Việt Nam của nhóm chuyên gia đánh giá của Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (UNODC) và sự hỗ trợ quan trọng từ Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ (UN Women) và Quỹ dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA). Báo cáo này là sản phẩm đầu ra của đoàn đánh giá, tập trung vào ba lĩnh vực lớn: phụ nữ là nạn nhân của tội phạm, phụ nữ vi phạm pháp luật và phụ nữ công tác trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Mỗi chương của báo cáo đều bắt đầu bằng phần mô tả thực trạng và trình bầy khung nghiên cứu chuẩn, theo sau là phần phân tích số liệu sẵn có và đưa ra các khuyến nghị mang tính chiến lược với các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam. Cả ba lĩnh vực nghiên cứu đều chỉ ra sự cần thiết phải tăng cường việc thực hiện, theo dõi và đánh giá hệ thống luật và chính sách liên quan tới bạo lực với phụ nữ, cũng như các nghiên cứu và phân tích tiếp theo nhằm xây dựng các chính sách và chương trình dựa vào bằng chứng và nhạy cảm về giới.

CHƯƠNG 1: PHỤ NỮ LÀ NẠN NHÂN CỦA TỘI PHẠM

Chương hai nghiên cứu trải nghiệm của các phụ nữ là nạn nhân của tội phạm và đề cập cụ thể tới các khó khăn đối với những phụ nữ từng bị bạo hành. Ở Việt Nam, bạo lực gia đình là một trọng tâm của các hoạt động can thiệp của chính phủ liên quan tới bạo lực đối với phụ nữ. Một nghiên cứu gần đây cho thấy 58% phụ nữ Việt Nam từng bị bạo hành về tinh thần, thể chất hoặc tình dục trong đời. Các hình thức bạo lực đối với phụ nữ khác như buôn bán người, quấy rối tình dục và tảo hôn đã và đang diễn ra ở Việt Nam, nhưng có ít nghiên cứu về vấn đề này. Do đó, chương này tập trung vào đối tượng phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình, đồng thời cũng lưu ý tới một số khó khăn đặc thù với các nạn nhân của các dạng bạo lực đối với phụ nữ khác.

Chương này tìm hiểu các quy định của luật liên quan tới phòng chống bạo lực đối với phụ nữ cũng như bối cảnh xã hội của Việt Nam. Ở Việt Nam, các chuẩn mực của chế độ phụ hệ đã tạo ra một xã hội trong đó bạo hành với phụ nữ thường được coi là “bình thường” và phụ nữ được khuyến khích không nên viện tới tư pháp hình sự khi bị bạo hành. Do đó, tỷ lệ báo cáo về bạo lực đối với phụ nữ là khá thấp và các nạn nhân thường dựa vào các cán bộ hòa giải tại địa phương để xử lý vụ việc trước khi đưa ra pháp luật. Đối với các trường hợp viện tới hệ thống tư pháp hình sự, quá trình

điều tra và thu thập chứng cứ gặp phải nhiều khó khăn. Dù đã có luật về phòng chống bạo lực đối với phụ nữ, hệ thống công an và viện kiểm sát[1] ít có hướng dẫn hoặc đào tạo về việc thực thi pháp luật trong lĩnh vực này. Khi vụ việc được đưa ra tòa, phụ nữ thường không tiếp cận được dịch vụ trợ giúp về pháp lý và tòa án cũng chưa có quy trình phù hợp để giải quyết các nhu cầu đặc thù của các nạn nhân bạo hành. Vì các lý do này cũng như các lý do khác được phát hiện trong báo cáo, tỷ lệ kết án với các vụ bạo hành với phụ nữ là rất thấp và kẻ phạm tội ít khi bị trừng phạt cho những bạo hành mình đã gây ra.

Báo cáo này đưa ra ba khuyến nghị lớn với các nhà hoạch định chính sách của Việt nam nhằm giải quyết các khó khăn đối với phụ nữ là nạn nhân của tội phạm.

1. Tăng cường các quy định của pháp luật liên quan tới các vụ bạo lực đối với phụ nữ và sửa đổi Luật hình sự.
2. Cải thiện việc thực hiện, theo dõi và đánh giá các luật và chính sách hiện hành liên quan tới bạo lực đối với phụ nữ
3. Tiếp tục nghiên cứu và phân tích nhằm xây dựng các chính sách và chương trình dựa vào bằng chứng và nhạy cảm về giới.

CHƯƠNG 2: PHỤ NỮ VI PHẠM PHÁP LUẬT

Chương hai tập trung vào đối tượng phụ nữ vi phạm pháp luật và tham gia vào hệ thống tư pháp hình sự với tư cách là nghi can, bị cáo, người vi phạm và tù nhân. Chương này xem xét các chuẩn mực quốc tế và luật Việt Nam liên quan tới vi phạm pháp luật hình sự và hành chính của nữ giới. Tương tự với trường hợp phụ nữ là nạn nhân của tội phạm, định kiến giới ảnh hưởng với việc đối xử với các đối tượng phụ nữ trên. Nhóm đánh giá gặp khó khăn trong việc thu thập đầy đủ thông tin hiện trạng về vấn đề này, tuy nhiên các số liệu đã có cho thấy tỷ lệ phụ nữ phạm tội ở Việt Nam thấp hơn so với nam giới và chỉ 10% phạm nhân hiện nay là nữ giới. Phân tích pháp lý cho thấy mặc dù luật đã có những điều khoản riêng liên quan tới người phạm tội và tù nhân là nữ giới, hệ thống tư pháp hình sự vẫn tập trung vào đối tượng nam giới và do nam giới làm chủ. Phụ nữ có các nhu cầu sinh học (mang thai và sinh đẻ) và xã hội (phụ nữ thường là người chăm sóc con cái) đặc thù mà hệ thống tư pháp hình sự không phải lúc nào cũng tính đến. Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ (Bộ Quy tắc Băng-cốc) mà Đại hội đồng Liên Hợp Quốc phê chuẩn vào năm 2010 đã đưa ra các chỉ dẫn cụ thể liên quan tới nữ phạm nhân và người vi phạm pháp luật là nữ. Mặc dù không có đầy đủ số liệu để thực hiện một phân tích hoàn chỉnh, chương này xem xét Bộ Quy tắc Băng-cốc trong bối cảnh của Việt Nam và tập trung vào các điều khoản đang được thực thi tại Việt Nam.

Chương hai cũng xem xét một quy định gần đây về việc đóng cửa các “trung tâm 05” với các phụ nữ làm nghề mại dâm. Quy định này là một bước tiến đáng kể của Chính phủ trong việc giảm kỳ thị với nữ giới tham gia hoạt động mại dâm. Các tổ chức phi chính phủ và các bộ ngành của Chính phủ đang xây dựng kế hoạch nhằm tái hòa nhập xã hội những phụ nữ từng bị giam giữ trong các trung

[1] Viện Kiểm sát

tâm này. Chính phủ cũng đang xây dựng các chính sách mới liên quan tới các phụ nữ hoạt động mại dâm.

Trên cơ sở các thông tin đã có, báo cáo này đưa ra bốn khuyến nghị lớn đối với các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam nhằm giải quyết các khó khăn đối với các phụ nữ vi phạm pháp luật.

1. Thực hiện các nghiên cứu và phân tích nhằm xây dựng các chính sách và chương trình dựa vào bằng chứng và nhạy cảm về giới.
2. Tăng cường thực thi các chính sách và luật hiện hành.
3. Phê chuẩn Công ước chống Tra tấn và Trừng phạt hoặc Đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo làm mất phẩm giá khác (CAT).
4. Hỗ trợ việc tái hòa nhập các cựu phạm nhân và những người bị giam giữ vào cộng đồng.

CHƯƠNG 3 – PHỤ NỮ CÔNG TÁC TRONG HỆ THỐNG TƯ PHÁP HÌNH SỰ

Chương ba đề cập tới các khó khăn đối với phụ nữ đang công tác trong hệ thống tư pháp hình sự. Phụ nữ hiện đang chiếm một tỷ lệ nhỏ trong lực lượng cán bộ tư pháp hình sự và vẫn chỉ tập trung ở các vị trí quản lý cấp thấp. Việt Nam đã ban hành một số luật và chính sách nhằm tăng cường bình đẳng giới và đã thiết lập các chỉ tiêu, hạn mức về nhân sự nhằm tăng tỷ lệ cán bộ nữ trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, hệ thống tư pháp hình sự vẫn được xây dựng trên nền tảng văn hóa nam giới làm chủ, theo đó phụ nữ thường bị xem là thiếu khả năng thực hiện các nhiệm vụ tương tự của nam giới. Đồng thời, ở Việt Nam phụ nữ là người chăm sóc con cái chủ yếu trong khi các cơ quan tư pháp có ít linh động trong việc tạo điều kiện cho nữ cán bộ cân đối các trách nhiệm với công việc và gia đình. Cuối cùng, quy định phân biệt tuổi nghỉ hưu với nữ giới là 55 và nam giới là 60 là một cản trở đối với thăng tiến nghề nghiệp với phụ nữ công tác trong lĩnh vực tư pháp hình sự vì quy định này làm ảnh hưởng tới số năm kinh nghiệm của phụ nữ khi xét điều kiện cho một số vị trí công việc. Đồng thời, phải lưu ý là hiện tượng quấy rối tình dục cũng xảy ra ở các cơ quan tư pháp hình sự và khiến cho môi trường làm việc không thân thiện với nữ giới.

Trên cơ sở các thông tin đã có, báo cáo này đưa ra bốn khuyến nghị lớn đối với các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam nhằm giải quyết các khó khăn đối với các phụ nữ công tác trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

1. Thực hiện các nghiên cứu và phân tích nhằm xây dựng các chính sách và chương trình dựa vào bằng chứng và nhạy cảm về giới.
2. Tăng cường thực thi các chính sách và luật hiện hành về bình đẳng giới.
3. Đồng nhất tuổi nghỉ hưu của nam giới và nữ giới.
4. Giải quyết tình trạng phân biệt giới và thúc đẩy các thay đổi về văn hóa nhằm tăng cường bình đẳng giới.

GIỚI THIỆU

Từ khi triển khai các cam kết xây dựng nhà nước pháp quyền vào năm 1991 và thực hiện chính sách cải cách tư pháp năm 2005, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ to lớn trong việc cải cách hệ thống luật pháp.[2] Các cải cách này, cùng với việc ban hành Luật Bình đẳng giới năm 2006,[3] đã khẳng định quyết tâm của Chính phủ trong việc xây dựng một hệ thống pháp luật công bằng và dân chủ đáp ứng được các nhu cầu của công dân Việt Nam. Tuy đã có những tiến bộ trong hệ thống luật pháp, phụ nữ Việt Nam vẫn gặp phải những khó khăn trong lĩnh vực tư pháp hình sự, dù là nạn nhân của tội phạm, là người phạm tội hay là người công tác trong hệ thống tư pháp hình sự.[4] Liên Hợp Quốc tại Việt Nam đã thực hiện một đánh giá nhằm nghiên cứu vai trò của phụ nữ trong hệ thống tư pháp hình sự và xác định các lĩnh vực cần cải thiện. Hệ thống tư pháp hình sự của Việt Nam, giống như ở nhiều nước, do nam giới xây dựng và cho nam giới. Do đó, tăng cường sự tiếp cận bình đẳng trong hệ thống tư pháp vô tình lại tạo ra nguy cơ củng cố bất bình đẳng về giới. Cần phải nhìn nhận các tác động đặc thù của luật và chính sách đối với nam giới và phụ nữ. Phụ nữ thường gặp phải sự bất bình đẳng mang tính hệ thống do sự phân biệt về quyền lực đã ăn sâu trong xã hội theo đó nam giới được ưu đãi hơn phụ nữ và phụ nữ bị phân biệt đối xử trong mọi lĩnh vực xã hội. Do các định chế được xây dựng theo hướng có lợi cho nam giới, việc thực thi hiệu quả Luật Bình đẳng giới không nhất thiết yêu cầu đối xử với phụ nữ giống hệt như với giới, vì điều này vẫn có thể dẫn tới sự phân biệt. Ngược lại, trong một số trường hợp cần áp dụng các biện pháp đặc thù với phụ nữ nhằm đảm bảo họ được hưởng sự bình đẳng đầy đủ so với nam giới và tiếp cận được tất cả các quyền của mình.

---

[2] Bắt đầu từ Đại hội Đảng Cộng sản lần thứ 7 năm 1991, cấu phần cơ bản của khái niệm pháp quyền được chính thức ghi nhận trong văn kiện của Đảng và được triển khai thành một số luật và quy định. Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt nam về xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 tuyên bố Đảng cam kết lãnh đạo đất nước theo hướng "nhà nước xã hội chủ nghĩa dựa vào pháp quyền"(Cương lĩnh của Đảng Cộng sản về Xây dựng Đất nước 1991). Năm 2005, Đảng cộng sản Việt Nam đã thông qua Chiến lược Cải cách Tư Pháp (Nghị quyết số 49). Chiến lược nhấn mạnh mục tiêu của cải cách pháp luật là "Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao". Chiến lược nêu rõ những thay đổi cần thiết để hiện thực những mục tiêu trong bảy lĩnh vực chính: 1) luật chính sách dân sự và hình sự và các quy trình tư pháp, 2) cơ cấu tổ chức của các cơ quan tư pháp với tập trung vào các tòa án nhân dân, 3) các tổ chức trợ giúp pháp lý, 4) cán bộ tư pháp và cán bộ hỗ trợ có phẩm chất đạo đức, lành mạnh, 5) các cơ quan được chỉ định giám sát hệ thống tư pháp, 6) hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp, và 7) cơ sở hạ tầng vật chất cho các hoạt động tư pháp. Tại Phiên họp lần thứ 5 của Ban Chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương tháng 4 năm 2012, những đề án liên quan tới các vấn đề chính về cải cách hoạt động và tổ chức lại các cơ quan pháp luật trong quá trình cải cách tư pháp đã được bàn tới. Để biết thêm thông tin về cải cách tư pháp, xem thêm "Lồng ghép giới trong xây dựng và thực thi pháp luật: vai trò của ngành tư pháp trong giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới và bảo vệ quyền của phụ nữ." (Chính phủ Việt Nam và UNDP: tháng 9 năm 2011); "Diễn đàn Đối tác Pháp luật lần thứ 8: Tăng cường Cải cách Tư pháp và Pháp luật" (Chính phủ Việt Nam và UNDP: tháng 12 năm 2011)"; "Bản tin: Tăng cường Tiếp cận Tư pháp và Bảo vệ Quyền tại Việt Nam" (Bản tin số 5, tháng 12 năm 2011 và Số 6, tháng 5 năm 2012).

[3] Việt Nam, Quốc hội, Luật bình đẳng giới, 2006, Số. 73/2006/QH11, 12/12/ 2006. Khoản 7 Điều 5: Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới bằng cách xác định vấn đề giới, dự báo tác động giới của văn bản, trách nhiệm, nguồn lực để giải quyết vấn đề giới trong các quan hệ xã hội được văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

[4] Nhận thấy không phải mọi phụ nữ và em gái đều giống nhau, tài liệu đánh giá này cố gắng lưu tâm tới sự khác biệt trong bản thân phụ nữ và trẻ em gái; tuổi, địa vị kinh tế xã hội, hôn nhân, chủng tộc và trình độ giáo dục có thể ảnh hưởng đến nhu cầu và cơ hội của phụ nữ và trẻ em gái. Trong bản báo cáo này, thuật ngữ "phụ nữ" sẽ bao gồm cả phụ nữ và trẻ em gái, trừ khi có giải thích cụ thể về nhóm "trẻ em gái".

Mục đích của Báo cáo

Mục tiêu của đánh giá này là nghiên cứu sâu về hiện trạng của phụ nữ trong hệ thống tư pháp hình sự, tập trung vào ba lĩnh vực: phụ nữ là nạn nhân của tội phạm, phụ nữ là người phạm tội và phụ nữ công tác trong hệ thống tư pháp hình sự. Báo cáo này tóm tắt các thông tin chính thu thập được từ cuộc khảo sát và đưa ra các khuyến nghị đối với Chính phủ Việt Nam nhằm đạt được các tiến bộ về vấn đề này, đồng thời xác định các lĩnh vực mà Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế có thể tham gia hỗ trợ. Đánh giá này được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu sẵn có và phỏng vấn các bên liên quan trong chuyến công tác tại Hà Nội, Việt Nam của nhóm chuyên gia đánh giá của UNODC-UN Women từ 12 -23 tháng 11 năm 2012.[5] Do các khó khăn liên quan tới thu thập thông tin và số liệu, một số phần của báo cáo có đầy đủ thông tin hơn các phần khác. Tuy nhiên, báo cáo này là điểm khởi đầu quan trọng nhằm khởi động các cuộc thảo luận toàn diện về các vấn đề lớn đối với phụ nữ trong hệ thống tư pháp hình sự và là cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo.

Khung pháp lý

Việt Nam đã tham gia ký kết nhiều điều ước quốc tế, bao gồm:

- Công ước quốc tế về Quyền Dân sự và chính trị (ICCPR)
- Công ước quốc tế về quyền Kinh tế, Chính trị và Văn hóa (ICESCR)
- Công ước quốc tế về quyền trẻ em (CRC) và các Nghị định thư liên quan
- Công ước Liên hợp quốc về Phòng, chống Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC) và Nghị định thư về Buôn bán người (TIPP)
- Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD)
- Công ước liên quan đến phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp (Tổ chức Lao động thế giới).
- Việt Nam hiện cũng đang xem xét việc ký kết Công ước chống Tra tấn và Trừng phạt hoặc đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo, làm mất phẩm giá khác (CAT).

Qua các điều ước này, Việt Nam đã thể hiện một cam kết mạnh mẽ trong việc tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về công bằng, chống phân biệt và thúc đẩy quyền con người. Nhiều điều khoản về bình đẳng giới đã được nội luật hóa. Trên thực tế, Hiến pháp hiện hành được sửa đổi năm 2001, nêu rõ: "công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình" và "nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ".[6] Tương tự, Luật Bình đẳng giới quy định nam nữ bình đẳng trong mọi lĩnh vực và không được phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức.[7] Luật cũng quy định rõ vấn đề bình đẳng trong hôn nhân. Theo đó, vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình. Đồng thời, vợ, chồng có trách nhiệm chia sẻ

[5] Chi tiết các cuộc họp này được tóm tắt trong Phụ lục 4.
[6] Việt Nam, Quốc hội, Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 15/4/1992: Điều 63.
[7] Việt Nam, Quốc hội, Luật Bình đẳng giới, Số. 73/2006/QH11, 12/12/2006: Điều 18.

công việc gia đình. Tuy nhiên, việc thực thi các nghĩa vụ pháp lý này còn gặp nhiều khó khăn, như sẽ trình bầy trong phần sau của báo cáo này.

Từ khi Việt Nam cam kết xây dựng nhà nước pháp quyền vào năm 1999, có nhiều thành tựu đáng chú ý, bao gồm việc thiết lập khung pháp lý và cải cách thể chế nhằm củng cố Tòa án Nhân dân tối cao (TANDTC), tòa án cấp cao nhất ở Việt Nam. Việt Nam cũng đã cải cách các cơ sở đào tạo về luật cũng như hệ thống tư pháp hành chính. Việt Nam đã xây dựng một chương trình hỗ trợ pháp lý cho các đối tượng thiệt thòi nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận công lý cho mọi người, không phụ thuộc vào năng lực tài chính của họ. Trong thập kỷ qua, Việt Nam đã tăng cường năng lực và tiếp tục cải cách các thể chế chính, bao gồm cơ quan lập pháp là Quốc hội và cơ quan công tố là Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (gọi tắt là VKSNDTC hay Viện Kiểm sát). Từng chương trong báo cáo này sẽ rà soát các luật và chính sách liên quan, xem xét tác động của chúng với phụ nữ và cập nhật về tình hình thực hiện luật, chính sách.

Bối cảnh xã hội

Ở Việt Nam, đạo Khổng có ảnh hưởng mạnh mẽ, định hướng các khuôn mẫu giới và củng cố quan điểm gia trưởng. Đạo Khổng đề cao chế độ phụ hệ, trách nhiệm theo chồng của phụ nữ, đặc quyền cho nam giới và các mối quan hệ tôn ti trật tự.[8] Điều này nuôi dưỡng những định kiến giới và góp phần hình thành quan niệm về việc nam giới và nữ giới nên cư xử như thế nào. Ví dụ, phụ nữ có trách nhiệm làm việc nhà, đẻ và nuôi nấng con trai để duy trì nòi giống gia đình nhà chồng trong khi nam giới quyết định các vấn đề trong cộng đồng và gia đình. Trong quan hệ tình dục, phụ nữ phải làm hài lòng, đáp ứng nhu cầu của người chồng. Quan niệm văn hóa về phái mạnh và phái yếu ảnh hưởng rất lớn đến cách mọi người xử lý cơn giận[9]. Nam giới được cho là có bản tính nóng giận và thiếu kiềm chế, vì vậy dùng bạo lực để "chỉnh đốn" hành vi của phụ nữ được chấp nhận hoặc coi là bình thường đối với cá nhân và cộng đồng.[10]

Bên cạnh quy ước chặt chẽ về vai trò của từng giới, tầm quan trọng của gia đình được nhấn mạnh trong văn hoá, luật pháp và chính sách của Việt Nam. Theo Hiến pháp, gia đình là tế bào cơ bản và tự nhiên của xã hội[11]. Để có gia đình lành mạnh, hôn nhân tiến bộ và gia đình hạnh phúc, các thành viên trong gia đình cần đối xử tôn trọng và coi trọng phẩm giá của nhau. Do đó, luật pháp của Việt Nam được thực thi trong bối cảnh đề cao ý tưởng về "gia đình hạnh phúc"[12]. Cụ thể là hòa giải trong các vụ bạo lực gia đình thường tập trung vào việc khôi phục sự bình ổn trong gia

[8] Gardsbane, D., Vu, H.S., Taylor, K., Chathanvysouk, K. (2010). *Bạo lực trên cơ sở giới: Báo cáo chuyên đề*. Hà Nội : Liên Hợp Quốc tại Việt Nam. Xem thêm : Việt Nam, Tổng Cục thống kê (2010). Kết quả từ Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực gia đình đối với Phụ nữ ở Việt Nam 2010: « Chịu nhịn là chết đấy". Hà Nội. So với phụ nữ ở thành thị, phụ nữ ở khu vực nông thôn có xu hướng đồng ý cao hơn với ý kiến cho rằng nam giới là người đưa ra các quyết định trong gia đình, phụ nữ phải nghe lời chồng, và phụ nữ không được từ chối quan hệ tình dục.

[9] Việt Nam, Tổng cục Thống kê (2010). Kết quả từ Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực gia đình đối với Phụ nữ ở Việt Nam: « Chịu nhịn là chết đấy". Hà Nội.

[10] *Như trên.*

[11] Việt Nam, Quốc hội, Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 15/4/1992: Điều 64.

[12] Gardsbane, D., Vu, H.S., Taylor, K., Chathanvysouk, K. (2010). *Bạo lực trên cơ sở giới: Báo cáo chuyên đề*. Hà Nội : Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, Quyết định phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Xây dựng gia đình tại Việt Nam tới năm 2020 với tầm nhìn tới năm 2030, Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2912.

đình và duy trì sự vẹn toàn của gia đình hơn là chú ý tới sự an toàn của người phụ nữ. Danh hiệu "làng văn hóa" có thể mang lại lợi ích tài chính cho chính quyền địa phương thông qua số vụ hòa giải vợ chồng thành công và số gia đình vẫn sống cùng nhau[13]. Các chiến dịch của Chính phủ nhằm đề cao "gia đình hạnh phúc" có thể đưa ra các thông điệp gây nhầm lẫn. Mặc dù có mục tiêu tôn vinh và tăng cường sự tôn trọng với phụ nữ, các chiến dịch này thực tế lại khắc sâu thêm khuôn mẫu về vai trò người mẹ, người vợ và con dâu của phụ nữ; và vai trò người nắm giữ đặc quyền và thế mạnh của nam giới.[14] Với trọng tâm là duy trì sự vẹn toàn của gia đình, các chính sách này vô tình ngăn cản việc thực hiện quyền của các cá nhân, đặc biệt là của phụ nữ.

Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc thúc đẩy quyền của phụ nữ trong một số lĩnh vực, ví dụ như trong phát triển kinh tế. Từ cuối những năm 80, kinh tế Việt Nam bắt đầu phát triển mạnh mẽ nhờ chính sách cải cách đổi mới mở cửa, chuyển đổi nền kinh tế từ kinh tế tập trung sang nền kinh tế định hướng thị trường. Kết quả là, ngày càng có nhiều phụ nữ tham gia vào thị trường lao động, và phụ nữ hiện đã chiếm tới 46.6% lực lượng lao động.[15] Trong một số lĩnh vực như điện tử, may mặc, và sản xuất giầy dép, lao động nữ chiếm tới 70-80%.[16] Tuy nhiên, trong các ngành nghề không chính thức, lao động nữ chiếm đa số nhưng chỉ nhận được thu nhập bằng 50% thu nhập của nam giới và công việc cũng ít ổn định hơn.[17] Ngoài ra, chênh lệch về tiền lương giữa nam và nữ giới đã tăng lên kể từ năm 2008, cụ thể là phụ nữ thu nhập thấp hơn nam giới 13%.[18] Do đó, một số nghiên cứu cho thấy phụ nữ không được hưởng lợi từ đổi mới bằng nam giới, và thậm chí nguy cơ phụ nữ và trẻ em gái bị lạm dụng và bị bóc lột ở nơi làm việc và tại gia đình còn tăng lên.[19] Phụ nữ tiếp tục phải gánh vác các trách nhiệm truyền thống là chăm sóc con cái và làm việc nhà, đồng nghĩa với gánh nặng gấp đôi khi phụ nữ vừa làm việc ở gia đình và ngoài xã hội.

Thực tế cho thấy khung pháp lý về bình đẳng giới của Việt Nam là khá tốt, tuy nhiên Việt Nam cần phải đạt nhiều tiến bộ hơn nữa về vấn đề này. Điều này đặc biệt đúng đối với lĩnh vực tư pháp hình sự, vì đây là nơi phụ nữ bị đối xử khác biệt so với nam giới dù ở vị trí nạn nhân của tội phạm, người phạm tội hay người hoạt động trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Báo cáo này đào sâu thêm các vấn đề trên và nghiên cứu các khó khăn phụ nữ gặp phải tại các cơ quan tư pháp hình sự.

---

[13] "Tại Việt Nam, gia đình được xem như là "mái ấm", là nền móng của xã hội, mang lại hạnh phúc cho mỗi cá nhân và sự ổn định của xã hội". UNODC cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI) tại Helsinki (2011) Nghiên cứu về *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*.Tài liệu làm việc.

[14] Để biết thêm chi tiết về thảo luận vấn đề bình đẳng giới trong bối cảnh "gia đình hạnh phúc" và để biết thêm tài liệu tham khảo của nghiên cứu cụ thể về vấn đề này, xem : Gardsbane, D., Vu, H.S., Taylor, K., Chathanvysouk, K. (2010). *Bạo lực trên cơ sở giới: Báo cáo chuyên đề*. Hà Nội : Liên Hợp Quốc tại Việt Nam

[15] Quỹ Phát triển Phụ nữ Liên Hợp Quốc (2010). *Báo cáo vắn tắt về các vấn đề Bình đẳng giới hiện nay.* Hà Nội

[16] Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (2010). *Sự tham gia của phụ nữ vào nền kinh tế Việt Nam: Chương trình hành động.* Washington, DC.

[17] *Như trên.*

[18] Tổ chức Lao động Quốc tế (2013). Mặc dù tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động cao, khoảng cách tiền lương giữa hai giới ngày càng tăng, ngày 07 tháng 3. Tham khảo tại: http://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS_206104/lang--en/index.htm

[19] Các nghiên cứu của Rushing's và Piper's được thảo luận chi tiết tại: Gardsbane, D., Vu, H.S., Taylor, K., Chathanvysouk, K. (2010). *Bạo lực trên cơ sở giới: Báo cáo chuyên đề*. Hà Nội: Liên Hợp Quốc tại Việt Nam

Chương một xem xét trải nghiệm của một số phụ nữ là nạn nhân của tội phạm, đặc biệt là nạn nhân của bạo hành và đưa ra các khuyến nghị nhằm góp phần cải thiện thực trạng. Chương hai tập trung vào các vấn đề của phụ nữ vi phạm pháp luật, bao gồm của nghi can, người vi phạm hoặc phạm nhân nữ và xác định các lĩnh vực cần cải thiện. Phần cuối cùng, chương ba xem xét trải nghiệm của phụ nữ công tác trong lĩnh vực tư pháp hình sự, mô tả những khó khăn họ gặp phải và đề xuất các biện pháp nhằm cải thiện tình hình.

CHƯƠNG 1: PHỤ NỮ LÀ NẠN NHÂN CỦA TỘI PHẠM

PHẦN 1: TỔNG QUAN VÀ PHÂN TÍCH

Trên thế giới, cứ một trong ba phụ nữ từng là nạn nhân của bạo hành về tinh thần, thể chất hoặc tình dục trong đời.[20] Mặc dù chưa có thống kê đầy đủ về bạo lực đối với phụ nữ tại Việt Nam, Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực gia đình tại Việt Nam (Nghiên cứu quốc gia 2010) cho thấy, 58% phụ nữ kết hôn đã từng bị bạo hành về tinh thần, thể chất hoặc tình dục trong đời.[21] Đa số các nạn nhân của bạo lực gia đình không báo cáo vụ việc với các cơ quan chính quyền.[22] Chương này xem xét cách thức phụ nữ là nạn nhân của bạo hành tiếp cận hệ thống tư pháp hình sự và đánh giá cách thức các cơ quan tư pháp hình sự giải quyết các trường hợp bạo lực đối với bạo lực với phụ nữ từ quan điểm giới. Mặc dù pháp luật Việt Nam gần đây có nhiều tiến bộ trong việc thúc đẩy bình đẳng giới, lĩnh vực tư pháp hình sự vẫn thiếu một khung thể chế phù hợp nhằm phòng chống bạo lực với phụ nữ. Hơn nữa, định kiến giới, một trong những yếu tố góp phần duy trì tình trạng bạo lực với phụ nữ đã ăn sâu vào văn hóa Việt Nam và có tác động tới những người công tác trong hệ thống tư pháp hình sự.

Khung pháp lý

Việt Nam đã tham gia ký kết một loạt các điều ước quốc tế liên quan tới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ. Chính phủ Việt Nam đã nội luật hóa nhiều quy định trong các điều ước này. Bạo lực đối với phụ nữ, bao gồm bạo lực tình dục, bạo lực gia đình, buôn bán phụ nữ và trẻ em gái, rình rập quấy nhiễu/ quấy rối tình dục, và cưỡng ép kết hôn/tảo hôn bị pháp luật nghiêm cấm, thể hiện trong: Bộ luật Hình sự, Luật Phòng chống Bạo lực gia đình, Luật Phòng chống Buôn bán người, Pháp lệnh về Phòng chống Mại dâm và Bộ luật Lao động.[23] Do đó, hệ thống tư pháp hình sự có nhiệm vụ phòng chống và bảo vệ phụ nữ trước bạo lực và truy tố các đối tượng gây bạo hành. Tuy nhiên, như phân tích trong phần tiếp theo của báo cáo, nhiều điều khoản trong các luật này không được thực thi đầy đủ do thiếu các hướng dẫn của Chính phủ cũng như các định kiến về giới trong hệ thống tư pháp hình sự, làm giảm tầm quan trọng của vấn đề bạo lực với phụ nữ.

Năm 2009, Chính phủ Việt Nam ban hành Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, và Bộ Tư pháp hiện đang rà soát Bộ Luật hình sự để sửa đổi một lần nữa vào năm 2015.[24] Bộ Lao

---

[20] Tổ chức Y tế Thế giới (2013). *Ước tính về Bạo lực với phụ nữ phạm vi toàn cầu và khu vực: tính phổ biến và tác động đối với sức khỏe của bạo lực do bạn đời gây ra và bạo lực không phải do bạn đời gây ra.* Geneva.

[21] Việt Nam, Tổng cục Thống kê (2010). *Kết quả Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: "Chịu nhịn là chết đấy".* Hà Nội.

[22] Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2012). Ước tính chi phí của bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam. Hà Nội.

[23] Việt Nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 tháng 12 1999. (Sửa đổi năm 2009: Việt Nam, Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, số 37/2009/QH12, ngày 29 tháng 6 năm 2009.) Việt Nam, Quốc hội, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, số 02/2007/QH12, ngày 5 tháng 12 năm 2007. Việt Nam, Luật Phòng chống buôn bán người, số 66/2011/QH12, ngày 29 tháng ba 2011. Việt Nam, Pháp lệnh Phòng chống mại dâm, số 10/2003/PL-UBTVQH11, ngày 17 Tháng Ba 2003. Việt Nam, Quốc hội, Bộ Luật Lao động, số 10/2012/QH13, ngày 18 tháng 6 2012 (có quy định cấm quấy rối tình dục.)

[24] Việt Nam, Quốc hội, Nghị quyết về Chương trình xây dựng các luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII, số 20/2011/QH13, ngày 26 tháng 11 năm 2011.

động, Thương binh và Xã hội (cơ quan đầu mối về Luật Bình đẳng giới), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cơ quan đầu mối về Luật Phòng chống Bạo lực Gia đình) và Hội phụ nữ Việt Nam sẽ tham gia vào quá trình sửa đổi nhằm đảm bảo Bộ luật mới nhất quán với các điều luật về bình đẳng giới và bảo vệ quyền của phụ nữ.[25] Các khuyến nghị của báo cáo này hy vọng sẽ có ích với Bộ Tư pháp trong quá trình rà soát, sửa đổi luật.

Thuật ngữ:
Báo cáo này sẽ sử dụng các thuật ngữ "bạo lực đối với phụ nữ" (BLĐVPN) thay vì "bạo lực trên cơ sở giới và giới tính (BLTCSDGT).Theo định nghĩa nêu trong Tuyên bố của Liên Hợp Quốc về Xóa bỏ Bạo lực đối với Phụ nữ, BLĐVPN được định nghĩa là "bất kỳ hành động bạo lực trên cơ sở giới dẫn đến, hoặc có thể dẫn đến sự tổn thương và chịu đựng về thể chất, tình dục hoặc tâm lý cho phụ nữ , bao gồm việc đe dọa thực hiện các hành vi, ép buộc hoặc tước đoạt tùy tiện sự tự do, diễn ra ở nơi công cộng hay riêng tư". Điều này bao gồm bạo lực gia đình (BLGĐ), cưỡng bức tình dục trong hôn nhân, cưỡng ép hôn nhân, hiếp dâm, lạm dụng tình dục, quấy rối tình dục và đe dọa, buôn bán phụ nữ, ép buộc mại dâm và bạo lực trong các tổ chức nhà nước như các trại giam và trại tạm giam.

Bên cạnh các điều luật về cấm bạo lực đối với phụ nữ, một số luật góp phần vào việc thực thi các điều luật này. Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật Xử lý Vi phạm Hành chính, và Luật Giám định tư pháp đề ra các biện pháp trừng phạt với các đối tượng gây bạo hành.[26] Luật Phòng chống Bạo lực Gia đình đưa ra các biện pháp bảo vệ với nạn nhân, bao gồm việc ban hành các án lệnh cấm tiếp xúc với nạn nhân.

Về mặt pháp lý, có hình thức xử lý các vụ việc bạo lực đối với phụ nữ, đó là: hình sự, hành chính và cơ chế hòa giải khác. Hành vi bạo lực gia đình bị truy tố tùy theo mức độ nghiêm trọng của tổn thương, được xác định căn cứ vào tỷ lệ thương tật và hình thức bạo hành. Điều kiện để mở điều tra hình sự với một hành vi bạo lực gia đình là nạn nhân có tỷ lệ thương tật trên 11% theo kết luận giám định y khoa.[27] Các hành vi như vậy sẽ do cơ quan công an và Cơ quan cảnh sát điều tra[28] điều

[25] Đại diện của BLĐTBXH thông báo với chúng tôi trong cuộc họp ngày 15/11/2012 rằng Bộ sẽ có ý kiến đóng góp vào năm 2013 và dự thảo Bộ luật hình sự có thể được trình Quốc hội vào năm 2014. Đại diện của Bộ Tư pháp cũng khẳng định việc rà soát sửa đổi và cho biết có thể dự thảo sẽ được trình Quốc hội vào năm 2015.

[26] Việt Nam, Quốc hội, Bộ Luật Tố tụng Hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003. Việt Nam, Luật Xử lý Vi phạm Hành chính, số 15/2012/QH13, ngày 20 tháng 6 năm 2012 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2013). Việt Nam, Quốc hội, Luật giám định tư pháp, số 13/2012/QH13, ngày 20 tháng 6 năm 2012.

[27] Việt Nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 tháng 12 1999: Điều 104 quy định 4 loại tỷ lệ thương tật và Thông tư liên tịch số 12/1995 quy định các tiêu chuẩn tỷ lệ thương tật cho các chuyên viên giám định pháp y sử dụng. Do đó luật chỉ tập trung vào một vụ bạo lực và tỷ lệ tổn thương thể chất vĩnh viễn. Ví dụ, để lại sẹo ở cổ, gây khó khăn cho việc nói và nuốt (41-45%); các vết thương ở cổ họng gây khó khăn cho việc nuốt (21-25%); mất khả năng nghe một tai (25%); mất chức năng ở ngón cái phải (30%); mất chức năng ở ngón cái trái (20%); nứt sọ, có thể lành nhưng để lại hậu quả lâu dài (21-25%); gãy 3-5 xương sườn có ảnh hưởng nhẹ đến hô hấp (10-12%); gãy mũi nhưng không ảnh hưởng đến hô hấp/ngửi (10%); và sẹo bỏng ở bàn chân, dẫn đến việc khó cử động (21-24%). Để biết thêm thông tin xem Văn phòng Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (2011). Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (2011). *Công tác phòng chống bạo lực gia đình: Tài liệu tập huấn cho ngành hành pháp và tư pháp tại Việt Nam (tái bản lần thứ 2).* Hà Nội. Trang 77.

tra, Viện kiểm sát truy tố[29] và xét xử tại Tòa án. Đối tượng gây bạo hành theo quy định của Bộ luật Hình sự có thể bị kết án tù. Hành vi bạo hành gây thương tật dưới 11% sẽ bị xử lý hành chính. Theo Luật Xử lý Vi phạm Hành chính (có hiệu lực từ ngày 1/7/2013), vi phạm luật hành chính cũng bị điều tra bởi cơ quan công an và đưa ra xét xử tại Tòa án. Trước đây, các chế tài xử phạt do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân địa phương quyết định. Cuối cùng, các hành vi bạo lực gia đình ít nghiêm trọng hơn hoặc xảy ra một lần được hòa giải ở tổ hòa giải cấp cơ sở để tìm giải pháp đồng thuận giữa nạn nhân và đối tượng gây bạo hành.[30] Pháp lệnh về Tổ chức và Hoạt động Hòa giải ở cấp cơ sở là cơ chế để cộng đồng có thể tham gia vào vấn đề này. [31] Quy định này nhằm giải quyết các tranh chấp nhỏ. Pháp lệnh quy định chỉ sử dụng biện pháp hòa giải khi nạn nhân không yêu cầu hoặc rút lại yêu cầu truy tố, khi Viện kiểm sát hoặc Tòa án ngừng quá trình tố tụng hoặc đối tượng vi phạm sẽ không bị xử phạt hành chính. Luật quy định rõ là hòa giải không phù hợp để giải quyết các vi phạm có tính chất hình sự hoặc hành chính.[32] Tuy nhiên, đa số các vụ bạo lực gia đình hiện đang được giải quyết bằng biện pháp hòa giải[33], và là một trở lực lớn đối với hoạt động khởi tố các hành vi bạo lực gia đình.

Hệ thống tư pháp hiện nay được thiết lập để xử lý các vụ việc bạo lực nhiều cấp khác nhau và cho phép nạn nhân được lựa chọn một số cơ chế để bảo vệ quyền lợi của mình. Tuy nhiên, hệ thống này còn chưa đáp ứng được các mong muốn của nạn nhân bị bạo hành và trong nhiều trường hợp chưa tạo được cơ chế pháp lý thích hợp để họ có thể theo đuổi thủ tục pháp lý.

Các dạng bạo lực đối với phụ nữ bị cấm trong luật[34]	
Bạo lực tình dục	Hiếp dâm, cưỡng ép quan hệ tình dục, dâm ô trẻ em, cưỡng ép quan hệ tình dục trong hôn nhân
	Bộ luật hình sự (điều 111, 113); Luật phòng chống bạo lực gia đình (điều 2)
Bạo lực gia đình	Các tội hình sự: cố ý gây thương tích, ngược đãi hoặc hành hạ

[28] Việt Nam, Quốc hội, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, số 23/2004/PL-UBTVQH11, ngày 20 tháng 8 năm 2008. và văn bản sửa đổi năm 2009.
[29] Viện Kiểm sát.
[30] Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (2011). *Công tác phòng chống bạo lực gia đình: Tài liệu tập huấn cho ngành hành pháp và tư pháp tại Việt Nam (tái bản lần thứ 2).* Hà Nội.
[31] Việt Nam, Quốc hội, Pháp lệnh về Tổ chức và Hoạt động Hoà giải ở Cơ sở, số 09/1998/PL-UBTVQH10, ngày 25 Tháng 12 năm 1998. Hiện Quốc hội đang thảo luận về Dự thảo Luật Hòa giải cơ sở để thông qua vào năm 2013.
[32] Điều này được khẳng định trong: Việt Nam, Quốc hội, Luật Phòng chống Bạo lực Gia đình, số 02/2007/QH12, ngày 05 tháng 12 năm 2007: Điều 12 về nguyên tắc hoà giải trong trường hợp bạo lực gia đình.
[33] UNODC cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI) tại Helsinki (2011) *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*. Tài liệu làm việc.
[34] Xem phụ lục 2 để biết thêm chi tiết về các điều khoản cụ thể. Các định nghĩa được trích dẫn từ: Việt Nam,Quốc hội, Bộ Luật hình sự, số 15/1999/GH10, ngày 21/12/1999.

	chồng/vợ; giết người, làm nhục người khác, Vi phạm hành chính: đánh đập, chửi mắng, cưỡng ép quan hệ tình dục, đập phá tài sản, bạo lực kinh tế, đuổi thành viên gia đình ra khỏi nhà…
	Bộ luật hình sự (điều 104, 151, 93, 121), Luật phòng chống bạo lực gia đình (điều 2(1)(a)- (i))
Buôn bán phụ nữ và trẻ em gái	Buôn bán người, buôn bán trẻ em
	Bộ luật hình sự (điều 119, 120); Luật phòng chống buôn bán người
Theo dõi/quấy rối tình dục	Quấy rối, vi phạm quyền bình đẳng của phụ nữ
	Bộ luật lao động (điều 8), Bộ luật hình sự (điều 130)
Tội phạm/ vi phạm liên quan tới mại dâm	Tội phạm hình sự: chứa chấp mại dâm, mua dâm, mua dâm người chưa thành niên, mua dâm và bán dâm, tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, v.v…
	Bộ luật hình sự (điều 254, 255, 256), Pháp lệnh về phòng chống mại dâm
Cưỡng ép kết hôn và tảo hôn	Cưỡng ép kết hôn; tổ chức tảo hôn
	Luật hình sự (điều 146, 148)

Bối cảnh xã hội

Văn hóa Việt Nam còn tồn tại các chuẩn mực chặt chẽ về giới, theo đó phụ nữ được đóng vai trò người chăm sóc gia đình và ở vị trí phụ thuộc, trong khi nam giới là người ra quyết định. Các định kiến về giới này đã tạo ra một hệ thống bất bình đẳng về cơ bản; và bạo hành vừa là nguyên nhân và vừa là kết quả của hệ thống ấy. Quan niệm về nam quyền và nữ quyền có ảnh hưởng đáng kể tới quan điểm về bạo lực gia đình và bạo lực đối với phụ nữ. Có những trường hợp nhân viên y tế, công an hoặc lãnh đạo chính quyền cho rằng nam giới đánh vợ vì bị vợ "chọc giận", thay vì hỗ trợ giải quyết vụ việc hoặc bênh vực người phụ nữ.[35] Theo nghiên cứu Quốc gia năm 2010, nam giới là những người có "máu nóng", dễ nổi giận và ưa bạo lực, trong khi phụ nữ được xem phải thuần phục và làm hài lòng chồng. Theo nghiên cứu này, mặc dù việc cưỡng ép quen hệ vợ chồng là trái pháp luật, chưa có trường hợp cưỡng ép quan hệ nào bị điều tra hoặc truy tố.[36] Trên thực tế, công an thường không xác định người vợ là nạn nhân bị cưỡng dâm, vì theo chuẩn mực văn hóa người phụ nữ không được từ chối đáp ứng nhu cầu tình dục của chồng.[37] Hình thức bạo hành này được coi là một điều bình thường trong cuộc sống gia đình.[38] Mặc dù gần đây đã có những tiến bộ trong quy định luật về bạo lực gia đình và chống buôn bán người, các cán bộ điều tra thường nghi ngờ độ tin cậy của các nạn nhân và xã hội vẫn phán xét nạn nhân hơn là các đối tượng gây bạo hành. Ngoài ra, vì quan niệm "gia đình hạnh phúc", theo đó người ta phải giữ gìn hạnh phúc gia đình dù có mâu thuẫn hay va chạm, các nạn nhân bị bạo hành thường được khuyên là không nên chia sẻ chuyện nhà với người ngoài. Do đó, bạo lực gia đình được coi là việc nội bộ gia đình và người

[35] Mạng lưới phòng chống bạo lực gia đình (2010). *Báo cáo đánh giá: việc thực hiện pháp luật về bạo lực gia đình. Hà Nội.*

[36] Thảo luận nhóm với công an, ngày 14 tháng 11 năm 2012, Hải Dương và gặp gỡ đại diện của Bộ Tư pháp, 16 tháng 11 năm 2012, Hà Nội.

[37] Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (năm 2012). *Ước tính chi phí của bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam*, Hà Nội.

[38] Việt Nam, Tổng cục Thống kê (2010). *Kết quả Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: "Chịu nhịn là chết đấy".* Hà Nội.

ngoài, kể cả nhân viên y tế hay công an không nên can thiệp.[39] Theo quy chuẩn văn hóa nói trên, các cơ quan tư pháp hình sự thường không xử lý các vụ bạo lực gia đình hay bạo lực đối với phụ nữ một cách kiên quyết và chuẩn mực so với các loại tội phạm khác. Đây là một khiếm khuyết lớn trong hệ thống, và sẽ được phân tích kỹ hơn trong phần sau của chương này.

A. Đáp ứng của hệ thống tư pháp hình sự với vấn đề bạo lực đối với phụ nữ

Trình báo vụ việc bạo hành

Một phần do quan niệm của xã hội về giới, tỷ lệ trình báo các vụ bạo lực đối với phụ nữ là khá thấp. Theo Nghiên cứu quốc gia năm 2010, 87% các phụ nữ bị bạo hành tham gia nghiên cứu chưa bao giờ tìm kiếm sự hỗ trợ từ các dịch vụ hoặc các cơ quan trợ giúp chính thức.[40] Theo một nghiên cứu khác, chỉ có 43% các vụ bạo lực gia đình được báo cho công an, trong đó 67% vụ việc do nạn nhân và số còn lại do các thành viên khác trong gia đình hoặc hàng xóm trình báo.[41] Một số nạn nhân, do tập quán văn hóa, không coi bạo lực gia đình là vi phạm pháp luật.[42] Một số nạn nhân khác thì nghi ngờ hiệu quả của phương cách này trong giải quyết bạo lực gia đình vì các cơ quan chính quyền do nam giới làm chủ thường giải quyết các vụ bạo lực gia đình một cách thiếu tế nhị hoặc tìm cách đổ lỗi cho nạn nhân.[43] Để duy trì "gia đình hạnh phúc" hoặc đảm bảo danh hiệu hay khen thưởng vật chất cho "làng văn hóa" có tỷ lệ ly hôn và bạo lực gia đình thấp, áp lực của gia đình hoặc cộng đồng khiến nhiều nạn nhân chọn cách giải quyết vụ việc trong cộng đồng thay vì đưa ra pháp luật. Cuối cùng, tương tự các nạn nhân bạo lực gia đình ở khắp nơi trên thế giới, nhiều nạn nhân của bạo lực gia đình lo sợ bị đối tượng bạo hành trả thù nếu họ trình báo vụ việc.

Có ít số liệu báo cáo về các loại hình bạo hành khác đối với phụ nữ. Những người làm nghề mại dâm khi bị cưỡng hiếp thường không trình báo vụ việc do sự kỳ thị của xã hội và do hành vi bán dâm là một vi phạm hành chính theo quy định của Pháp lệnh về Phòng chống Mại dâm. Nạn nhân bị buôn bán thường khó trình báo sự việc do hạn chế về đi lại hoặc có sự hăm dọa của kẻ giam giữ, do thiếu hiểu biết về luật Việt Nam cũng như rào cản về ngôn ngữ, đặc biệt khi họ là phụ nữ dân tộc thiểu số hay người nước ngoài. Ngoài ra, mặc dù được chính quyền khuyến khích tham gia hỗ trợ truy tố những đối tượng vi phạm, nạn nhân của nạn buôn người không được hưởng chế độ bảo vệ nhân chứng, và sợ bị trả thù nếu trình báo vụ việc.

---

[39] Mạng lưới phòng chống bạo lực gia đình (2010*). Báo cáo đánh giá: việc thực hiện pháp luật về bạo lực gia đình.* Hà Nội.

[40] Việt Nam, Tổng cục Thống kê (2010). *Kết quả Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: "Chịu nhịn là chết đấy".* Hà Nội.

[41] UNODC cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI) tại Helsinki (2011) *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*. Tài liệu làm việc.

[42] Theo nghiên cứu của UNODC, chỉ có 37% được phỏng vấn cho rằng bạo lực gia đình là một dạng tội phạm, 54% cho rằng hành vi này sai nhưng không phải là một tội phạm và 7% nghĩ rằng đó đơn giản là một sự kiện đã xảy ra. UNODC phối hợp với Trung tâm nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI) (2011) *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam.*

[43] Xem UNODC cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI) tại Helsinki (2011) *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*. Tài liệu làm việc.

Do vậy, phần lớn các vụ bạo lực đối với phụ nữ chưa bao giờ được trình báo tới các cơ quan tư pháp hình sự. Tuy nhiên, những phụ nữ từng tìm kiếm sự hỗ trợ của các cơ quan này lại phải đối mặt với một hệ thống chưa hoàn chỉnh và không thể đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của họ.

Xử lý các vụ việc được trình báo

Sau khi một vụ bạo hành được trình báo, bước đầu tiên là công an khu vực hoặc cán bộ xác minh sẽ tới thăm gia đình nạn nhân, đánh giá tình hình và xác định xem vụ việc là phạm pháp hình sự, hành chính hay chỉ cần xử lý thông qua hòa giải.[44] Tuy nhiên, quá trình này hoàn toàn phụ thuộc vào cán bộ xác minh và thường không được thực hiện một cách có hệ thống. Hơn nữa, nghiên cứu về bạo lực gia đình cho thấy chỉ 83% vụ việc trình báo là có công an tới xác minh[45]. Công an thường có xu hướng chỉ đánh giá các sự việc vừa xảy ra mà không chú ý tới thực tế là bạo lực gia đình là một quá trình bạo hành kéo dài.[46]

Hòa giải

Đa số các vụ bạo lực gia đình có trình báo tới công an được chuyển tới các cán bộ hòa giải [47], do Hội phụ nữ hoặc chính quyền thôn, xóm bảo trợ. Mục tiêu của hòa giải là thuyết phục đôi bên thỏa hiệp để đảm bảo sự hòa thuận của gia đình. Có thông tin được phản ánh cho thấy nạn nhân và người gây bạo hành phải ký kết một cam kết thay đổi hành vi của mình như là kết quả của việc hòa giải.[48] Nếu hòa giải không thành và bạo hành tiếp tục xảy ra, người gây bạo hành sẽ được triệu tập để kiểm điểm trước cộng đồng trong một cuộc họp kiểm điểm do chính quyền địa phương tổ chức.[49] Việc kiểm điểm này sẽ được ghi thành biên bản và gửi tới chính quyền địa phương. Nếu sau cuộc họp này người gây bạo hành tiếp tục lặp lại hành vi vi phạm thì công an mới vào cuộc. Pháp lệnh về Tổ chức và Hoạt động Hòa giải ở cấp Cơ sở quy định chỉ áp dụng biện pháp hòa giải với những vụ việc không có tính chất hình sự hay vi phạm hành chính. Tuy nhiên, theo kết quả thảo luận nhóm với các đại diện từ cơ quan công an, vẫn chưa rõ là họ có áp dụng điều khoản này một cách có hệ thống, nhất quán trong đánh giá tính chất vụ việc và xác định xem nạn nhân có tự

[44] Công an cấp xã (nông thôn) làm việc bán thời gian. Công an cấp phường (thành thị) toàn thời gian. Ở cấp thôn (nông thôn) không có công an. Trưởng thôn thường là đầu tiên tới hỏi han các vụ BLGĐ và tư vấn hoặc trình báo vấn đề này với công an. Ở thành thị, người đứng đầu của khu phố đảm nhận trách nhiệm này. UNODC cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI) tại Helsinki (2011) *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*. Tài liệu làm việc.

[45] UNODC cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI) tại Helsinki (2011) *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*. Tài liệu làm việc.

[46] Thảo luận nhóm với công an, ngày 14 tháng 12 năm 2012, Hải Dương.

[47] UNODC cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI) tại Helsinki (2011) *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*. Tài liệu làm việc.

[48] Gặp gỡ cán bộ và nạn nhân nhà tạm lánh, 13 tháng 12 năm 2012, Hà Nội.

[49] Việt Nam, Nghị định Quy định chi tiết và Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống bạo lực gia đình, số 08/2009/ND-CP, ngày 04 tháng 2 năm 2009. Nghị định 08 quy định về tư vấn, khiếu nại trong cộng đồng, và áp dụng quyết định cấm tiếp xúc và nhà tạm lánh

nguyện tham gia hòa giải trên cơ sở được cung cấp thông tin đầy đủ hay không trước khi giới thiệu họ tới tổ hòa giải.[50]

Có một số quan ngại về việc áp dụng biện pháp hòa giải với các vụ bạo lực gia đình. Theo nghiên cứu của UNODC, các cơ quan công quyền dường như không nhận thấy hết được đặc tính cá nhân của bạo lực và tác động của nó đối với sự an toàn và khả năng quyết định tham gia hòa giải của nạn nhân. Tổ hòa giải có thể không nhận thấy hết được sự đe dọa của người gây bạo hành với nạn nhân trước và trong thời gian hòa giải. Điều này có thể làm hỏng quá trình hòa giải vì nạn nhân có xu hướng đồng thuận với kết quả hòa giải chỉ để làm hài lòng đối tượng bạo hành. Hòa giải thậm chí còn được sử dụng trong trường hợp bạo lực gia đình tái diễn nhiều lần. Điều này cho thấy sự hạn chế của biện pháp này vì nó không có giúp thay đổi hành vi và chấm dứt bạo lực một cách có hiệu quả. Theo nghiên cứu của UNODC, 77% vụ được hòa giải không đạt được kết quả mong đợi và bạo lực vẫn tiếp diễn.[51] Theo nhận định ở trên, do quan ngại về ảnh hưởng của tình trạng bạo lực gia đình trong cộng đồng tới cơ hội nhận khen thưởng cho danh hiệu "làng văn hóa", tổ hòa giải cấp cơ sở có thể gây áp lực để các cặp vợ chồng tham gia hòa giải kể cả trong khi biện pháp này không có lợi cho nạn nhân. Suy cho cùng, hòa giải không thể và thực tế đã không giải quyết được nguyên nhân gốc rễ của vấn đề bạo lực gia đình cũng như đem lại một giải pháp lâu dài cho các nạn nhân.[52]

Điều tra hình sự và hành chính

Một số vụ bạo hành gia đình được chuyển sang giai đoạn điều tra để bắt đầu quá trình tố tụng đối với vi phạm hành chính hoặc hình sự. Tuy nhiên, quá trình còn gặp rất nhiều trở ngại. Ở Việt Nam, nạn nhân có trách nhiệm đề nghị khởi tố qua việc khiếu nại.[53] Điều này rất không hợp lý với các lý do như sau. Trước hết, nhiều phụ nữ không biết đến quy định này vì thiếu hiểu biết. Ở các vùng nông thôn, phụ nữ thậm chí còn không thể đi một quãng đường xa đến trụ sở công an để nộp đơn khiếu nại. Phụ nữ cũng quá bận việc gia đình và ít có thời gian cũng như tiền bạc để chuẩn bị đơn khiếu nại.[54] Đồng thời, vì coi bạo lực gia đình là "bình thường" và nghĩ rằng mình phải nhẫn nại và chịu đựng vì sự hòa thuận của gia đình, rất ít phụ nữ từng có ý định nộp đơn khiếu nại.[55]

Sau khi nhận được đơn khiếu nại và bắt đầu quá trình điều tra, cảnh sát cần được sự thuận tình của nạn nhân nếu tỷ lệ thương tật dưới ngưỡng quy định theo Bộ Luật hình sự.[56] Trong thời gian điều tra, một số phụ nữ rút lại đơn vì sợ bị đối tượng gây bạo hành trả thù, làm cản trở quá trình điều tra. Ngoài ra, nhiều trường hợp bạo hành do các nhân chứng là thành viên gia đình hoặc đại diện của Hội phụ nữ trình báo, và nạn nhân có thể không đồng ý tiến hành điều tra. Đáng lưu ý là

[50] Thảo luận nhóm với công an, ngày 14 tháng 12 năm 2012, Hải Dương.

[51] Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc, Bộ Tư pháp (2009). *Tóm tắt đánh giá thực tiễn xử phạt hành chính và hòa giải hiện nay khi giải quyết các vụ việc bạo lực gia đình tại Việt Nam.* Hà Nội.

[52] Gardsbane, D., Vu, H.S., Taylor, K., Chanthavysouk, K. (2010). *Bạo lực trên cơ sở giới: Báo cáo chuyên đề*. Hà Nội: Liên hợp quốc tại Việt Nam.

[53] Việt Nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 52, khoản 1 & Điều 101.

[54] Ngân hàng thế giới (2011). Việt Nam: *Đánh giá Giới tại Việt Nam.* Hà Nội.

[55] Việt Nam, Tổng cục Thống kê (2010). *Kết quả Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: "Chịu nhịn là chết đấy".* Hà Nội.

[56] Việt Nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 tháng 12 năm 1999: Điều 104.

trong trường hợp bạo lực thể chất nghiêm trọng xảy ra với tính chất hình sự rõ ràng với tỷ lệ thương tật trên 31%, công an sẽ tiến hành điều tra dù nạn nhân có đồng tình hay không.[57] Trong những trường hợp cần có sự đồng tình của nạn nhân để có cơ sở khởi tố hình sự, cơ quan công an phải điều tra thu thập chứng cứ và dành thời gian để nạn nhân quyết định có yêu cầu khởi tố hay không. Hơn nữa, công an cũng xem xét có thể ghép vào các tội danh khác trong Bộ luật hình sự mà không cần có sự đồng tình của nạn nhân, như điều 151. Điều 151 quy định cấm "ngược đãi hoặc hành hạ" thành viên gia đình gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt mà còn vi phạm.[58] Điều luật này ít được phát huy tác dụng mặc dù nó có thể sử dụng làm căn cứ để khởi tố các vụ bạo lực gia đình có tính chất hình sự. Ngoài ra, xử phạt hành chính không cần phải có đề nghị của nạn nhân và do đó có thể là một phương án thay cho điều tra hình sự khi nạn nhân không có yêu cầu khởi tố.

Các chuẩn mực quốc tế quy định rằng trách nhiệm chính trong việc điều tra và khởi tố thuộc về công an và hệ thống tư pháp, không phụ thuộc vào nạn nhân của bạo lực, bất kể mức độ và loại thương tật gì.[59] Các nghiên cứu quốc tế cho thấy, việc phụ thuộc quá mức vào lời khai của nạn nhân hoặc mong muốn theo đuổi khiếu kiện của họ có thể làm giảm hiệu lực của công tác điều tra.[60] Cơ quan công an phải điều tra vụ việc ngay cả khi nạn nhân không thể hoặc không muốn làm chứng. Ở Việt Nam, đây là một lý do chính khiến cho một số lượng đáng kể các cáo buộc không tiến xa hơn khỏi giai đoạn điều tra.

Tương tác với cơ quan công an và sự nhạy cảm của cơ quan công an với bạo lực gia đình

Đánh giá sự tương tác của nạn nhân bạo lực gia đình với cơ quan công an mang lại nhiều giá trị về thông tin. Cơ quan công an cần đem tới cho nạn nhân sự yên tâm và ủng hộ, đặc biệt trong giai đoạn khởi đầu. Theo nghiên cứu tại Việt Nam, trong khi phần lớn các nạn nhân bạo lực gia đình đánh giá cán bộ công an là lịch sự và thông cảm, nhiều người không hài lòng với kết quả giải quyết của cơ quan công an và cho rằng họ cần áp dụng các biện pháp mạnh hơn.[61] Phần lớn các nạn nhân không hài lòng bởi vì công an không điều tra vụ việc hoặc không buộc tội đối tượng gây bạo hành. Các nạn nhân nói rằng họ muốn biết thêm thông tin về tiến trình vụ án và các hành động của cơ quan công an đối với đối tượng gây bạo hành cũng như thông tin về các dịch vụ trợ giúp hiện có. Sự ủng hộ đối với nạn nhân và nghiệp vụ của cán bộ tham gia điều tra các vụ án bạo lực đối với

[57] Việt Nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 tháng 12 năm 1999: Điều 104.
[58] Việt Nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 tháng 12 năm 1999: Điều 151.
[59] Liên hợp quốc, Đại hội đồng (năm 2011). Nghị quyết A/RES/65/228 Tăng cường phòng ngừa tội phạm và ứng phó tư pháp hình sự với bạo lực đối với phụ nữ. Tham khảo tại:
http://www.un.org/ga/search/view_doc.asp?symbol=A/RES/65/228
[60] Phối hợp Hành động đối với các Vi phạm Quyền con người (2008). *Yếu tố giới trong các vi phạm quyền con người: Trường hợp bạo lực giữa những người thân. Báo cáo cuối cùng giai đoạn 2004-2007.* Luxembourg: Văn phòng Xuất bản chính thức của Cộng đồng châu Âu.
[61] Theo nghiên cứu của UNODC, trong khi hầu hết các nạn nhân (65%) thấy việc báo cáo vụ việc BLGĐ cho công an là dễ dàng và nhận xét công an là lịch sự (76%) và đồng cảm (72%). Tuy nhiên, nhiều người không hài lòng với kết quả làm việc của công an (47%) và nghĩ rằng các biện pháp được thực hiện bởi công an không đủ nghiêm ngặt (54%), UNODC cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI) tại Helsinki (2011) *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*. Tài liệu làm việc.

phụ nữ là tối cần thiết. Các nghiên cứu quốc tế cho thấy việc chăm sóc và hỗ trợ tốt hơn cho nạn nhân trong quá trình điều tra các vụ hiếp dâm giúp hạ thấp tỷ lệ bỏ cuộc (đối tượng bị triệu tập, bắt giữ không bị xét xử) và tăng tỷ lệ kết án.[62]

Nhóm nghiên cứu được biết có những trường hợp đối tượng gây bạo hành đã hối lộ công an hoặc cán bộ xác minh. Tuy nhiên, không có thông tin chi tiết về ảnh hưởng của hành vi này với tỷ lệ bỏ cuộc hoặc các khó khăn gây ra với nạn nhân.[63] Mối quan hệ thân thiết giữa cán bộ công an và đối tượng gây bạo hành có thể là một cản trở việc thực thi nhiệm vụ của công an, đặc biệt là trong các làng, xã nhỏ.[64] Đại diện cơ quan công an được phỏng vấn cho biết nếu điều này xảy ra, nạn nhân có thể khiếu nại tới cơ quan điều tra cấp cao.[65] Tuy nhiên, nạn nhân cần phải có khiếu nại bằng văn bản và như đã phân tích ở phần trên, nhiều nạn nhân không sẵn sàng hoặc không thể tự viết đơn khiếu nại.

Thách thức với việc thực thi nhiệm vụ của cơ quan công an

Hiện tại vẫn chưa có cơ quan công an nào chuyên điều tra về bạo lực đối với phụ nữ hoặc bạo lực gia đình.[66] Theo các cuộc phỏng vấn sâu với đại diện cơ quan công an, họ được huấn luyện nghiệp vụ về xử lý bạo lực gia đình tới tận cấp xã, phường-nơi đầu tiên tiếp xúc với các vụ bạo lực gia đình. Bên cạnh đó, các nạn nhân thường mong muốn được làm việc với nữ công an hoặc nữ điều tra viên, nhưng có ít phụ nữ đảm nhận các vị trí này. Chuẩn mực quốc tế quy định rằng các nạn nhân có quyền lựa chọn trao đổi thông tin với cán bộ nữ.[67]

UNODC hiện đang thực hiện một dự án tăng cường năng lực cho các cán bộ thực thi pháp luật để giải quyết khoảng trống này. Tuy nhiên văn phòng Liên Hợp Quốc mong muốn có thể mở rộng phạm vi hỗ trợ đến các cán bộ trong lĩnh vực tư pháp hình sự khác như kiểm sát viên và thẩm phán.

Theo kết quả phỏng vấn sâu với công an, một trong những thách thức chính đối với họ là cơ chế thực thi luật (cả luật về phòng chống bạo lực gia đình và luật buôn bán người) đều chưa được thiết lập. Một ví dụ là cơ quan công an vẫn chờ thông tư và quy định định hướng dẫn về việc ban hành lệnh cấm tiếp xúc với nạn nhân, vì Chính phủ vẫn đang trong quá trình xây dựng các văn bản

[62] Phối hợp Hành động đối với các Vi phạm Quyền con người (2008). *Yếu tố giới trong các vi phạm quyền con người: Trường hợp bạo lực giữa những người thân. Báo cáo cuối cùng giai đoạn 2004-2007.* Luxembourg: Văn phòng Xuất bản chính thức của Cộng đồng châu Âu.

[63] Nguồn: cựu cán bộ công an biệt phái tới UNODC nêu ra. Liên Hợp Quốc, Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (2011). *Công tác phòng chống bạo lực gia đình: Tài liệu tập huấn cho ngành hành pháp và tư pháp tại Việt Nam (tái bản lần thứ 2).* Hà Nội.

[64] UNODC cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI) tại Helsinki (2011) *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*. Tài liệu làm việc.

[65] Thảo luận nhóm với công an, ngày 14 tháng 12 năm 2012, Hải Dương.

[66] Từ phỏng vấn sâu trong nghiên cứu của UNODC và xác nhận trong thảo luận nhóm với công an, ngày 14 tháng 12 năm 2012, Hải Dương

[67] Liên hợp quốc, Đại hội đồng (năm 2011). Nghị quyết A/RES/65/228 Tăng cường phòng ngừa tội phạm và ứng phó tư pháp hình sự với bạo lực đối với phụ nữ.

này.[68] Tại "Hội thảo Liên bộ về những Thách thức và Giải pháp nhằm Xử lý Hiệu quả Bạo lực Gia đình, Tăng cường Bảo vệ Nạn nhân ở Việt Nam" (tháng 12/2011), các đại biểu đưa ra một số khuyến nghị liên quan. Hội thảo đã đề xuất trình tự, thủ tục cho cơ quan công an trong việc xử lý vụ việc bạo lực gia đình; đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong khiếu nại, tố cáo; và củng cố hệ thống hồ sơ và báo cáo.[69]Tuy nhiên, vẫn chỉ có các vụ bạo hành nghiêm trọng được lập hồ sơ vụ án. Những khuyến nghị này phù hợp với khuyến nghị của cuộc Họp Nhóm chuyên gia về Thực tiễn tốt trong pháp luật phòng chống bạo lực với phụ nữ tổ chức năm 2008. Cụ thể, nhóm chuyên gia kêu gọi xây dựng quy định rõ ràng về nhiệm vụ của cơ quan công an trong việc xử lý nhanh chóng mọi yêu cầu về hỗ trợ và bảo vệ trong những vụ bạo lực đối với phụ nữ.[70] Hơn nữa, họ yêu cầu ưu tiên xử lý tin báo về các vụ bạo lực đối với phụ nữ tương đương với tin báo về các hành vi liên quan tới bạo lực khác. Khi nhận được khiếu nại, cơ quan công an phải tiến hành xét nghiệm hiện trường và phản hồi một cách phù hợp, bằng ngôn ngữ dễ hiểu đối với người khiếu nại/nạn nhân. Công an phải phỏng vấn các bên và người làm chứng ở những phòng riêng biệt; ghi lại chi tiết khiếu nại; tư vấn cho người khiếu nại về quyền của mình; điền và lưu giữ báo cáo chính thức về khiếu nại; cung cấp hoặc sắp xếp phương tiện để đưa nạn nhân tới bệnh viện hoặc cơ sở y tế gần nhất để chữa trị nếu cần thiết hoặc nếu được yêu cầu; cung cấp và sắp xếp phương tiện cho người khiếu nại và những người phụ thuộc nếu cần thiết hoặc nếu được yêu cầu; và thực hiện các biện pháp bảo vệ nạn nhân.[71]

Quyết định khởi tố

Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định rằng khi vụ án chuyển sang giai đoạn điều tra, Viện Kiểm sát có trách nhiệm phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can theo đề nghị của cơ quan CS điều tra và giám sát điều tra. Hợp tác giữa Viện kiểm sát và cơ quan công an là cực kỳ quan trọng nhằm cải thiện hoạt động truy tố các vụ án hiếp dâm và bạo lực gia đình. Hiện vẫn chưa rõ là đã có quy định gì về việc phối hợp giữa hai cơ quan trên trong việc xử lý các vụ án này, mặc dù đại diện của Bộ Tư pháp cho biết Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao đang soạn thảo một thông tư về giải quyết các vụ bạo lực gia đình.[72] Nghiên cứu cũng chưa thể đánh giá được mức độ thường xuyên của Viện Kiểm sát, với tư cách là cơ quan giám sát điều tra, xem lại quyết định của cơ quan công an về việc chuyển vụ án sang xử lý hành chính thay vì điều tra hình sự. Cũng chưa có hướng dẫn cụ thể cho kiểm sát viên trong việc thụ lý các vụ án liên quan đến bạo hành phụ nữ. Viện Kiếm sát Nhân dân Tối cao chưa khẳng định về chính sách khuyến khích truy tố vụ việc bạo hành với phụ nữ khi có lý do để tin rằng phạm pháp hình sự đã

[68] Gặp gỡ các nhân viên công an, ngày 14 tháng 11 năm 2012, Hải Dương, và với một đại diện, Bộ Công an Việt Nam, ngày 23 tháng mười một năm 2012, Hà Nội.

[69] Những phát hiện và khuyến nghị của Hội nghị liên Bộ trưởng về những thách thức và các giải pháp để ứng phó hiệu quả BLGĐ và tăng cường bảo vệ các nạn nhân ở Việt Nam, 1-2 tháng 12 năm 2011, thành phố Hạ Long, Việt Nam do Tổng cục Cảnh sát chống tội phạm, Bộ Công an chủ trì.

[70] Liên Hợp Quốc (2008). Họp Nhóm chuyên gia về Thực tiễn tốt trong pháp luật phòng chống bạo lực với phụ nữ, Báo cáo cuối cùng. Vienna.

[71] Như trên.

[72] Cuộc họp với Bộ Tư pháp. Xem Phụ lục 3

xảy ra.[73] Theo các thông tin hiện có, không có điều khoản nào quy định Viện Kiểm sát phải giải thích lý do dừng điều tra vụ án. Các nghiên cứu quốc tế cho thấy một điều đáng lo ngại là mặc dù được đào tạo tập huấn, nhiều cán bộ của các cơ quan tố tụng vẫn tin rằng bạo lực đối với phụ nữ không cấu thành tội phạm và coi đó là căn cứ quyết định dừng vụ án.[74]

Nhóm nghiên cứu chưa phân tích được đầy đủ về quy trình buộc tội các đối tượng gây bạo hành với phụ nữ để khẳng định về việc chỉ tiến hành khởi tố hình sự với các vụ việc bạo lực về thể chất. Hơn nữa, cũng không có thông tin cụ thể về việc cách thức thông báo quyết định buộc tội tới cho nạn nhân.

Xây dựng căn cứ vụ án

Thu thập chứng cứ về bạo lực với phụ nữ

Sau khi có kết luận buộc tội và quyết định chuyển vụ án sang giai đoạn điều tra, các quy định về chứng cứ và cách sử dụng chứng cứ có thể gây khó khăn cho phụ nữ là nạn nhân của bạo lực trong việc theo đuổi thủ tục pháp lý. Bất kỳ biện pháp xác định chứng cứ nào cũng cần phục hồi và củng cố sự tự chủ, tự quyết, tự trọng và tôn trọng sự riêng tư của phụ nữ nhằm tránh để nạn nhân bị tổn thương một lần nữa. Trong Bộ luật Tố tụng hình sự của Việt Nam, chương V đưa ra các quy định về chứng cứ áp dụng cho tất cả các vụ án hình sự. Luật yêu cầu vật chứng cần được thu thập, bảo quản kịp thời và được mô tả đúng thực trạng trong hồ sơ vụ án.[75] Chứng cứ bao gồm vật chứng, lời khai của người làm chứng, nạn nhân, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (như công an, điều tra viên); kết luận giám định; và biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác.[76] Biên bản điều tra và xét xử phải bao gồm biên bản về bắt giữ, khám xét và khám nghiệm hiện trường. Để thu thập chứng cứ, cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án có quyền triệu tập những người liên quan đến để tiến hành khám xét, khám nghiệm, chuẩn bị lời khai hoặc cung cấp tài liệu.[77] Mỗi bằng chứng sau đó được đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án.[78] Chuẩn mực quốc tế cho thấy việc thu thập chứng cứ cẩn thận là rất quan trọng với các vụ án bạo hành với phụ nữ.[79] Ở Việt Nam, hiện chưa có hướng dẫn cụ thể dành cho cảnh sát và các cơ quan điều tra về thu thập chứng cứ trong các vụ án bạo lực đối với phụ nữ, cũng như chưa có bất kỳ nghiên cứu nào về tính nhạy cảm giới và sự quan tâm đến nạn nhân trong các quy định hiện hành về chứng cứ. Ngoài ra, cũng không có một điều luật rõ ràng

[73] Cuộc họp với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, ngày 23 tháng 11 năm 2012, Hà Nội. Tiêu chuẩn quốc tế khuyến nghị đưa các chính sách tạo điều kiện cho truy tố vào luật. Xem: Liên Hợp Quốc, Ban Các vấn đề kinh tế và xã hội, Phòng Vì sự tiến bộ của phụ nữ (2010). *Sổ tay pháp luật về bạo lực với phụ nữ.* New York: Liên Hợp Quốc.

[74] Liên Hợp Quốc, Ban Các vấn đề kinh tế và xã hội, Phòng Vì sự tiến bộ của phụ nữ (2010). *Sổ tay pháp luật về bạo lực với phụ nữ.* New York: Liên Hợp Quốc: 3.8.3.

[75] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 74-75.

[76] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 64 (2).

[77] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 65

[78] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 66 (1) … Việc xác định các chứng cứ thu thập được phải đảm bảo đủ để giải quyết vụ án hình sự. (2) Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm xác định và đánh giá mọi chứng cứ với đầy đủ tinh thần trách nhiệm, sau khi nghiên cứu một cách tổng hợp, khách quan, toàn diện và đầy đủ tất cả các tình tiết của vụ án.

[79] Liên Hợp Quốc, Ban Các vấn đề kinh tế và xã hội, Phòng Vì sự tiến bộ của phụ nữ (2010). *Sổ tay pháp luật về bạo lực với phụ nữ.* New York: Liên Hợp Quốc.

nào về trách nhiệm của các cơ quan liên quan phải thu thập chứng cứ một cách ít xâm phạm sự riêng tư nhất và bảo vệ nhân phẩm cho nạn nhân.[80]

Bộ Luật hình sự quy định nạn nhân thay vì đối tượng bạo hành có trách nhiệm cung cấp chứng cứ. Điều này có thể làm cho quá trình tố tụng trở nên khó khăn với nạn nhân và khiến họ ngại trình báo vụ việc. Để chứng minh mình bị hiếp dâm và cưỡng ép quan hệ tình dục, nạn nhân phải chứng minh là đã bị quan hệ tình dục "ngược lại mong muốn" của bản thân. Qua trao đổi với đại diện công an, quy định này đặt trách nhiệm chứng minh lên nạn nhân và biến hành vi của nạn nhân thành yếu tố trung tâm trong việc xác định tội phạm tình dục.[81] Các chuyên gia quốc tế khẳng định rằng, pháp luật về tấn công tình dục phải đặt trách nhiệm chứng minh đối với bị cáo chứ không phải nạn nhân.[82]

Lời khai của nạn nhân

Lời khai của nạn nhân được coi là chứng cứ để xét xử vụ án hình sự nhưng không đủ để tiến hành buộc tội[83]. Các vụ bạo hành với phụ nữ càng khó điều tra vì cảnh sát thường tới hiện trường sau khi bạo lực đã xảy ra và khó có thể thu thập được chứng cứ để chứng minh lời khai của nạn nhân[84]. Như đã phân tích ở trên, các nạn nhân không phải lúc nào cũng muốn trình báo chính thức vụ việc và có thể rút lại khiếu nại trong quá trình điều tra vụ án. Tương tự với trường hợp các nhân chứng là thành viên gia đình của nạn nhân, họ thường khai báo không rõ ràng hoặc rút lại lời khai vì muốn giữ kín chuyện gia đình. Công an thường không lấy lời khai đầy đủ tại hiện trường, gây khó khăn cho các hoạt động điều tra tiếp theo.[85] Một ví dụ là trong các cuộc điều tra sơ bộ, chỉ có 2% nạn nhân được hỏi về bạo lực tình dục và 32% được hỏi về các nguy cơ bị tấn công tình dục[86].

Theo chuẩn mực quốc tế, luật pháp cần quy định khả năng truy tố các vụ bạo lực đối với phụ nữ mà nạn nhân không thể hoặc không muốn ra làm chứng. [87]Trong tình huống bạo lực gia đình, một

---

[80] Quy định nghĩa vụ rõ ràng đối với các cơ quan nhằm bảo vệ phẩm giá của phụ nữ trong việc thu thập bằng chứng và thu thập theo cách ít xâm nhập nhất có thể được Liên Hợp Quốc xem là một thực hành tốt và đã được ban hành thành hướng dẫn cho Luật tội phạm tình dục của Kenya(2006) . Quốc hội Kenya, Luật Tội phạm tình dục số 3 năm 2006. Tham khảo tại http://www.kenyalaw.org/family/statutes/download.php?file=Sexual Offences Act.pdf

[81] Thảo luận với cán bộ công an trong quá trình xây dựng tài liệu tập huấn của UNODC. Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (2011). *Công tác phòng chống bạo lực gia đình: Tài liệu tập huấn cho ngành hành pháp và tư pháp tại Việt Nam (tái bản lần thứ 2).* Hà Nội.

[82] Liên Hợp Quốc (2008). Họp Nhóm chuyên gia về Thực tiễn tốt trong pháp luật phòng chống bạo lực với phụ nữ, Báo cáo cuối cùng. Vienna. Liên Hợp Quốc, Ban Các vấn đề kinh tế và xã hội, Phòng Vì sự tiến bộ của phụ nữ (2010). *Sổ tay pháp luật về bạo lực với phụ nữ.* New York: Liên Hợp Quốc. Cơ quan Phụ nữ Liên Hợp Quốc (2012). Trung tâm Tri thức điện tử nhằm Chấm dứt bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái. Module Chương trình: Pháp luật. Tham khảo tại: http://www.endvawnow.org/

[83] Thảo luận nhóm với công an, ngày 14 tháng 12 năm 2012, Hải Dương..

[84] UNODC cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI) tại Helsinki (2011) *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*. Tài liệu làm việc.

[85] *Như trên.*

[86] UNODC cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI) tại Helsinki (2011) *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*. Tài liệu làm việc.

[87] Liên Hợp Quốc, Ban Các vấn đề kinh tế và xã hội, Phòng Vì sự tiến bộ của phụ nữ (2010). *Sổ tay pháp luật về bạo lực với phụ nữ.* New York: Liên Hợp Quốc: 3.9.5.

số nạn nhân gọi cảnh sát chỉ vì muốn bạo lực chấm dứt mà không muốn người vi phạm bị xử lý hình sự hoặc hành chính. Do đó, một số nạn nhân có thể không hợp tác triệt để và không cung cấp thông tin cần thiết để cảnh sát có thể thực hiện đánh giá đầy đủ về tình huống. Một số nạn nhân có thể khai giảm mức độ bạo hành mà mình phải chịu đựng hoặc gặp khó khăn trong việc cung cấp thông tin cho cảnh sát do bị chấn thương hoặc do sợ người gây bạo lực[88]. Các hướng dẫn về thu thập chứng cứ cần hướng tới xây dựng một quy trình nhanh chóng, toàn diện nhạy cảm về giới và lấy nạn nhân làm trung tâm.

Bằng chứng pháp y và y học

Luật pháp Việt Nam tương đối thiếu các quy định về bảo vệ nạn nhân trong quá trình thu thập chứng cứ. Luật không yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phải đảm bảo việc thu thập và nộp cho tòa bằng chứng pháp y và y học phù hợp cũng như không yêu cầu kiểm tra kịp thời các chứng cứ pháp y và y khoa thu thập được. Theo nghiên cứu của UNODC, cảnh sát ít khi đánh giá mức độ thương tích (5%) hoặc chụp ảnh vết thương. [89] Dường như cảnh sát gặp khó khăn khi xác định một số hình thức bạo lực (tình dục, tinh thần), nên họ chủ yếu lập biên bản các vụ việc bạo lực thể chất. Theo quy định của pháp luật tại Điều 104 Bộ Luật hình sự, các vụ bạo hành gây thương tật với tỷ lệ trên 11% được xác định là phạm tội hình sự và phải được điều tra. Do vậy, tất các vụ bạo lực được trình báo đều phải được giám định mức độ thương tật bởi một ủy ban giám định y khoa có ít nhất một thành viên để có căn cứ ra quyết định điều tra và đảm bảo điều trị y tế phù hợp cho nạn nhân. Tuy nhiên bằng chứng cho thấy công tác này chưa được thực hiện. [90]

Một trở ngại khác là phần lớn các nhân viên y tế không báo cáo với các cơ quan chức năng như cảnh sát khi họ nghi ngờ một bệnh nhân nữ là nạn nhân của bạo lực. Cần cải thiện hệ thống chuyển gửi và tăng cường sự phối hợp giữa lĩnh vực hành pháp và y tế vì cảnh sát cần thu thập tất cả bằng chứng liên quan để Viện kiểm sát có cơ sở luận tội. Trong khi Chính phủ đang nỗ lực cải thiện quy trình thu thập chứng cứ với việc ban hành Luật về Giám định tư pháp, vẫn còn sự thiếu nhất quán trong các quy định liên quan. Luật Giám định tư pháp có hiệu lực từ ngày 1/1/2013, quy định chi tiết quy trình thu thập chứng cứ, bao gồm cả chứng cứ pháp y[91]. Tuy nhiên, quy định này hiện chưa nhất quán với Bộ Luật hình sự, như quy định tại điều 151, theo đó không cần phải có chứng nhận y khoa để kết tội một số loại tội phạm.

Chứng cứ y khoa và pháp y có vai trò rất quan trọng để truy tố các vụ án bạo lực gia đình, nhưng cần được thu thập một cách kịp thời và nghiêm túc, không gây tốn kém và ảnh hưởng tới sự an toàn của nạn nhân, và không bị ảnh hưởng bởi khả năng và sự sẵng tham gia vào hoạt động điều

[88] Việt Nam, Tổng cục Thống kê (2010). *Kết quả Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: "Chịu nhịn là chết đấy".* Hà Nội.

[89] UNODC cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI) tại Helsinki (2011) *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*. Tài liệu làm việc.

[90] *Như trên*.

[91] Việt Nam, Quốc hội, Luật Giám định Tư pháp, số 13/2012/QH13, ngày 20 tháng 6 năm 2012 (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2013.)

tra và khởi tố vụ án của nạn nhân[92]. Do nhóm nghiên cứu không có cơ hội chứng kiến việc thu thập chứng cứ y khoa và pháp y tại hiện trường, chúng tôi không đánh giá được mức độ an toàn và bí mật của các hoạt động thu thập chứng cứ với các nạn nhân nữ. Tuy nhiên, theo nghiên cứu «Ước tính Chi phí của Bạo lực Gia đình tại Việt Nam », các nạn nhân phải trả phí cho các dịch vụ này. Một ca giám định pháp y có mức phí từ 850.000 VND đến 3.500.000 VND, tùy theo mức độ nghiêm trọng của tổn thương.[93] Hơn nữa, cảnh sát thường không tiếp tục điều tra nếu nạn nhân từ chối giám định y khoa. Ngược lại, nạn nhân không thể tiếp cận dịch vụ giám định y khoa và pháp y nếu họ không trình báo vụ việc với cảnh sát hoặc không hợp tác với các cơ quan tư pháp hình sự.[94]

Tuy nhiên, hoạt động điều tra và truy tố hình sự không nên chỉ dựa vào các chứng cứ loại này. Theo các chuẩn mực quốc tế, luật pháp cần quy định rõ là không phải có bằng chứng pháp y và y khoa để kết án đối tượng vi phạm. [95] Điều này tương đương với việc công nhận rằng không phải trường hợp nào cũng có những bằng chứng như vậy cho các phiên tòa hình sự. Ví dụ, trong trường hợp bạo lực tình dục, nạn nhân có thể tắm rửa sau khi bị xâm hại hoặc không lập tức tìm kiếm sự hỗ trợ do lo sợ sự kỳ thị của xã hội[96]. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn còn thiếu cơ sở vật chất và nhân sự được đào tạo để thu thập chứng cứ về bạo lực đối với phụ nữ một cách tế nhị với nạn nhân.[97]

Ở Việt Nam, luật không quy định phải có chứng nhận y khoa thì mới tiếp tục điều tra. Tuy nhiên trên thực tế, nếu nạn nhân từ chối đi giám định y khoa, cảnh sát sẽ thực hiện hòa giải sau khi yêu cầu nạn nhân ký vào cam kết sẽ không khiếu nại nếu cảnh sát không tiến hành điều tra. [98] Tài liệu tập huấn của cảnh sát khuyến nghị rằng các cơ quan chức năng cần quan tâm tới mức độ tổn thương của nạn nhân và khuyến khích nạn nhân điều trị y tế dù sau đó họ không muốn khởi kiện.[99] Tuy nhiên, trên thực tế việc thiếu chứng nhận y khoa thường là một lý do khiến cảnh sát dừng hoạt động điều tra.[100]

Chứng cứ là kết luận giám định

---

[92] Liên Hợp Quốc, Ban Các vấn đề kinh tế và xã hội, Phòng Vì sự tiến bộ của phụ nữ (2010). *Sổ tay pháp luật về bạo lực với phụ nữ.* New York: Liên Hợp Quốc.

[93] LHQ tại Việt Nam (2012) *Ước tính chi phí của bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam.* Hà Nội.

[94] Thảo luận nhóm với công an, ngày 14 tháng 12 năm 2012, Hải Dương..

[95] Liên Hợp Quốc, Ban Các vấn đề kinh tế và xã hội, Phòng Vì sự tiến bộ của phụ nữ (2010). *Sổ tay pháp luật về bạo lực với phụ nữ.* New York: Liên Hợp Quốc: 3.9.5.

[96] Việt Nam, Tổng cục Thống kê (2010). *Kết quả Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: "Chịu nhịn là chết đấy".* Hà Nội.

[97] *Như trên.*

[98] Thảo luận với cán bộ công an trong quá trình xây dựng tài liệu tập huấn của UNODC. Liên Hợp Quốc, Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (2011). *Công tác phòng chống bạo lực gia đình: Tài liệu tập huấn cho ngành hành pháp và tư pháp tại Việt Nam (tái bản lần thứ 2).* Hà Nội.

[99] Tài liệu tập huấn của UNODC cho các cán bộ công an về xử lý bạo lực gia đình. Liên Hợp Quốc, Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (2011). *Công tác phòng chống bạo lực gia đình: Tài liệu tập huấn cho ngành hành pháp và tư pháp tại Việt Nam (tái bản lần thứ 2).* Hà Nội.

[100] Thảo luận nhóm với cán bộ công an, với ý kiến đồng tình của đại diện Hội Phụ nữ Việt Nam trong quá trình xây dựng tài liệu tập huấn của UNODC. Liên Hợp Quốc, Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (2011). *Công tác phòng chống bạo lực gia đình: Tài liệu tập huấn cho ngành hành pháp và tư pháp tại Việt Nam (tái bản lần thứ 2).* Hà Nội.

Trên lý thuyết, luật cho phép trình chứng cứ là kết luận giám định bằng văn bản trong quá trình khởi tố vụ án[101]. Tuy nhiên, nhóm công tác chưa có cơ hội nghiên cứu dữ liệu để xem kết luận giám định có được sử dụng trong các vụ án bạo lực đối với phụ nữ hay không. Theo các tiêu chuẩn quốc tế, quan điểm giám định về hành vi thông thường của nạn nhân khi bị bạo lực gia đình hoặc tấn công tình dục có thể cung cấp các định hướng quan trọng cho quá trình khởi tố vụ án. [102] Ví dụ trong các vụ hiếp dâm, thẩm phán có thể đặt vấn đề nghi vấn nếu nạn nhân không chống trả kẻ hiếp dâm hoặc chờ đợi rất lâu mới trình báo vụ việc.

Truy tố hành vi bạo lực đối với phụ nữ

Như đã phân tích ở trên, quá trình thu thập chứng cứ để truy tố các hành vi bạo lực đối với phụ nữ còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Tuy nhiên, khó khăn không chỉ có ở giai đoạn này mà còn xuất hiện nhiều khi vụ án được đưa ra xét xử.

Hỗ trợ pháp lý

Rất ít nạn nhân nữ bị bạo hành được cung cấp đầy đủ các hỗ trợ pháp lý trong quá trình theo đuổi vụ việc. Phần lớn các trường hợp chưa được các cơ quan trợ giúp pháp lý quan tâm và chưa đủ điều kiện để được nhận trợ giúp do nhà nước chỉ định. Theo Luật về Trợ giúp pháp lý năm 2006, các cá nhân sau được nhận trợ giúp pháp lý: người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, cựu chiến binh, thành viên gia đình của cựu chiến binh hoặc người dân tộc thiểu số ở những nơi có hoàn cảnh kinh tế, xã hội khó khăn[103]. Phụ nữ có thu thập hộ gia đình trên ngưỡng nghèo (400.000 VND/tháng ở vùng nông thôn hoặc 500.000 VND/tháng ở thành thị) không được tiếp cận các dịch vụ này, ngay cả khi bản thân họ không được quyền sử dụng nguồn thu nhập của gia đình [104]. Nhằm giải quyết cụ thể vấn đề bạo hành với phụ nữ, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 07 năm 2011 trong đó có quy định các đối tượng phụ nữ được ưu tiên nhận trợ giúp pháp lý, bao gồm nạn nhân bạo hành, nạn nhân của nạn buôn bán người, nạn nhân bị khai thác và lạm dụng tình dục. Tuy nhiên, có một số nhầm lẫn về hiệu lực pháp lý của Thông tư này vì Luật về Trợ giúp Pháp lý chưa được sửa đổi và chưa bao gồm điều khoản nói trên. Do vậy, Thông tư chưa được áp dụng thống nhất ở Việt Nam.

Xét xử

Ở Việt Nam, có một số biện pháp đặc biệt để hỗ trợ sự tham gia của phụ nữ bị bạo hành vào phiên xét xử. Tòa án có thể chỉ định một "phiên tòa kín" nếu cần phải bảo vệ sự bí mật cho nạn nhân.[105] Trước phiên tòa xét xử, thẩm phán có thể ra lệnh tạm giữ bị can khi có căn cứ để cho rằng bị can

[101] Việt Nam, Quốc hội, Bộ Luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 73 (2) Trong trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng không đồng ý với kết luận giám định thì phải nêu rõ lý do, nếu kết luận như vậy là không rõ ràng hoặc không đầy đủ, các cơ quan tiến hành tố tụng quyết định trưng cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại theo thủ tục chung.

[102] Cơ quan Phụ nữ Liên Hợp Quốc (2012). Trung tâm Tri thức điện tử nhằm Chấm dứt bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái, Module Chương trình: Pháp luật. Tham khảo tại: http://www.endvawnow.org/

[103] Việt Nam, Quốc hội, Luật Trợ giúp pháp lý, số 69/2006/QH11, ngày 12 tháng 7 năm 2006: Điều 10.

[104] Trung tâm Kinh tế học quốc tế. *Phân tích nghèo Việt Nam*. Canberra. Tham khảo tại: http://www.ausaid.gov.au/Publications/Documents/vietnam_poverty_analysis.pdf

[105] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 18.

đe dọa hoặc xâm hại tính mạng, danh dự và phẩm giá của nạn nhân và những người thân của họ và có thể làm ảnh hưởng đến tiến trình xét xử.[106] Kiểm sát viên phải có nhiệm vụ thông báo cho tòa án nếu được biết các nguy cơ đó. Theo chuẩn mực quốc tế, các vụ bạo lực đối với phụ nữ phải được xử kín để bảo vệ danh tính của nạn nhân, và đảm bảo quá trình tố tụng công bằng và vô tư.[107] Trong mọi trường hợp, đương sự phải được biết về quyền được yêu cầu đảm bảo bí mật trong xét xử. Các biện pháp khác cũng phải được áp dụng để đảm bảo nạn nhân không cần tiếp xúc với kẻ bạo hành trong thời gian xét xử. Ví dụ, ghế ngồi của nạn nhân được bố trí xa chỗ ngồi của bị cáo, hoặc tòa án có thể sắp xếp cho nạn nhân ngồi ở một phòng khác và chỉ cần vào phòng xử án để lấy lời khai. Bị cáo có thể được đưa ra ngoài khi nạn nhân được đưa vào phòng xử án để họ không nhìn thấy nhau. Lời khai sẽ được đọc tại tòa. Tòa án cũng sẽ đảm bảo rằng bị cáo sẽ không hỏi những câu hỏi làm nạn nhân rơi vào tình huống khó xử và không liên quan tới vụ án đang xét xử.

Tuy nhiên, dường như các biện pháp đặc biệt sẽ không được tự động áp dụng nếu nạn nhân không đề nghị trước phiên tòa. Nhóm nghiên cứu không thu thập được thông tin về mức độ áp dụng của các biện pháp này với các nạn nhân dễ bị tổn thương. Cũng không rõ là thẩm phán hay kiểm sát viên có thể xác định được là nếu nạn nhân bị đe dọa hay bị tổn thương. Nghiên cứu ở một số nước cho thấy thẩm phán thường từ chối áp dụng các biện pháp đặc biệt như sử dụng màn chắn trong các vụ xét xử bạo lực gia đình với lý do nạn nhân và bị cáo đã biết nhau.[108] Điều này cho thấy thẩm phán có thể chưa đánh giá hết được động lực của bạo lực gia đình và khả năng kiểm soát và ảnh hưởng của bị cáo đối với nạn nhân.

Bên cạnh các biện pháp đặc biệt áp dụng trong thời gian xét xử, các chuyên gia quốc tế khuyến nghị là tòa án nên có khu vực chờ đợi thuận tiện cho trẻ em cho những phụ nữ phải đem con ra tòa.[109] Điều này có thể làm giảm sự lo lắng của người mẹ và giúp họ tập trung cung cấp lời khai tại phiên tòa. Nhóm đánh giá không có cơ hội đến thăm tòa án, nên chưa đánh giá được thực trạng cơ sở vật chất của tòa án dành cho nạn nhân.

Vấn đề chứng cứ tại tòa

Tại một số quốc gia, luật về chứng cứ có thể bị áp dụng một cách phân biệt đối xử trong các vụ việc bạo lực đối với phụ nữ. Ví dụ, tòa án có thể cho phép sử dụng quá khứ về tình dục của nạn nhân hoặc đưa ra các giả định về nạn nhân nếu khi trình báo chậm. Không có thông tin về cách áp dụng quy định về chứng cứ trong Bộ luật Tố tụng Hình sự trong các vụ bạo lực đối với phụ nữ, vì vậy nhóm nghiên cứu không thể đánh giá được liệu tại Việt Nam tất cả các chứng cứ liên quan có được đưa ra trước tòa hay không. Khi đánh giá quy định của luật, các chuyên gia Liên hợp quốc đề

[106] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 80.
[107] Chiongson, Rea Abada (2009). *CEDAW và Pháp luật: Nghiên cứu rà soát văn bản pháp luật Việt Nam trên cơ sở quyền và giới qua lăng kính CEDAW*. Hà Nội: Quỹ Phát triển Phụ nữ Liên Hợp Quốc.
[108] Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự (2009). *Đưa giới vào công lý – từ Chính sách đến Thực tiễn: Báo cáo cuối cùng của Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự.* London: Fawcett Society.

[109] Cơ quan Phụ nữ Liên Hợp Quốc (2012). Trung tâm Tri thức điện tử nhằm Chấm dứt bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái, Module Chương trình: Pháp luật. Tham khảo tại: http://www.endvawnow.org/

xuất rằng khi truy tố hành vi hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng ép quan hệ tình dục và cưỡng ép quan hệ tình dục với trẻ em, tòa không nên chấp nhận bằng chứng về hành vi tình dục trong quá khứ của nạn nhân, dư luận hoặc danh tiếng về nạn nhân làm chứng cứ. [110] Thông tin có được cho thấy tòa không cho phép đề cập đến quá khứ tình dục của nạn nhân vì xét thấy không liên quan. [111]

Chưa có dữ liệu nào cho thấy tòa án sẽ kết luận bất lợi do nạn nhân trình báo chậm các hành vi bạo lực. Tuy nhiên từ các thông tin nhận được, có vẻ những vụ việc như vậy sẽ khó được đưa ra tòa do quá phụ thuộc vào chứng cứ giám định pháp y và việc trình báo chậm làm giảm khả năng thu thập chứng cứ loại này. [112] Trong khi luật không quy định rõ ràng việc chứng thực bằng chứng pháp y để làm chứng cứ ủng hộ lời khai của nạn nhân, thực tiễn cho thấy nếu không có chứng thực lời khai của nạn nhân thì cảnh sát sẽ không tiến hành điều tra và vụ án không được khởi tố. [113] Tuy nhiên do khó khăn trong việc thu thập các chứng cứ loại này, các chuyên gia quốc tế khuyến nghị rằng luật cần nêu rõ việc chứng thực là không bắt buộc trong các vụ án bạo lực tình dục. [114]

Cũng như cảnh sát và kiểm sát viên, thẩm phán có thể bị tác động bởi những quan niệm xã hội về vấn đề bạo lực đối với phụ nữ, và điều này có thể ảnh hưởng đến sự đánh giá của họ về mức độ tin cậy của nhân chứng. Ví dụ, thẩm phán có thể không coi nạn nhân của nạn buôn người là nguồn cung cấp thông tin đáng tin cậy vì họ thường bị giam giữ biệt lập và khó nắm được một số loại thông tin. Hướng dẫn cho các thẩm phán về cách đánh giá chứng cứ một cách khách quan là một biện pháp nhằm làm giảm những quan niệm sai lệch do các định kiến của xã hội về giới gây ra[115]. Các cuộc phỏng vấn thực hiện trong nghiên cứu "Đánh giá về tổn thất do nạn bạo hành với phụ nữ tại Việt Nam" cho thấy không có cán bộ tòa án được phỏng vấn nào được đào tạo chuyên sâu về các vấn đề bạo lực gia đình.[116]

Kết án và tuyên án

Các khó khăn trong quá trình điều tra và khởi tố các vụ án bạo lực với phụ nữ sẽ đóng góp vào tỷ lệ bỏ cuộc cao (khi vụ án không được xét xử hoặc tuyên án) và tỷ lệ tuyên án thấp. Một nghiên cứu của UNODC cho biết chỉ 8 trong 46[117] vụ bạo lực gia đình được nghiên cứu được đưa ra tòa, và

[110] Chiongson, Rea Abada (2009). *CEDAW và Pháp luật: Nghiên cứu rà soát văn bản pháp luật Việt Nam trên cơ sở quyền và giới qua lăng kính CEDAW*. Hà Nội: Quỹ Phát triển Phụ nữ Liên Hợp Quốc.

[111] Gặp gỡ với các đại diện của Bộ Tư pháp. Xem Phụ lục 3

[112] Thảo luận với cán bộ công an tại Hải Dương, gặp gỡ đại diện của Bộ Tư pháp, Viện KSNDTC và Toàn án NDTC trong quá trình xây dựng tài liệu tập huấn của UNODC. Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (2011). *Công tác phòng chống bạo lực gia đình: Tài liệu tập huấn cho ngành hành pháp và tư pháp tại Việt Nam (tái bản lần thứ 2).* Hà Nội.

[113] Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (2011). *Công tác phòng chống bạo lực gia đình: Tài liệu tập huấn cho ngành hành pháp và tư pháp tại Việt Nam (tái bản lần thứ 2).* Hà Nội.

[114] Liên Hợp Quốc, Ban Các vấn đề kinh tế và xã hội, Phòng Vì sự tiến bộ của phụ nữ (2010). *Sổ tay pháp luật về bạo lực với phụ nữ.* New York: Liên Hợp Quốc: 3.9.7.

[115] Chiongson, Rea Abada (2009). *CEDAW và Pháp luật: Nghiên cứu rà soát văn bản pháp luật Việt Nam trên cơ sở quyền và giới qua lăng kính CEDAW*. Hà Nội: Quỹ Phát triển Phụ nữ Liên Hợp Quốc.

[116] LHQ tại Việt Nam (2012) *Ước tính chi phí của bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam.* Hà Nội.

[117] Dữ liệu này có được từ các cuộc phỏng vấn thực hiện năm 2009 trong khuôn khổ tài liệu làm việc sau: UNODC cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm

được tuyên án.[118] Điều này có nghĩa là chỉ có 1 trong 100 vụ trình báo về bạo lực gia đình được tuyên án tại tòa. Nhóm đánh giá không có đủ thông tin để phân tích lý do tại sao và vào giai đoạn nào (vào thời điểm trình báo, điều tra hay khởi tố) các vụ án bị hủy bỏ, hoặc ai chịu trách nhiệm hủy bỏ (cơ quan công an hay viện kiểm sát). Tuy nhiên số vụ án bị hủy bỏ là khá cao. Nhóm nghiên cứu không có số liệu về các vụ hiếp dâm, bạo lực tình dục, buôn bán người, cưỡng ép kết hôn, và mại dâm cưỡng bức để phân tích tỷ lệ kết án với các loại tội phạm này, nhưng thông tin có được cho thấy rất ít các vụ hiếp dâm và bạo lực tình dục được đưa ra tòa .[119] Theo Khảo sát quốc tế về Bạo lực đối với phụ nữ, điều này cũng tương đồng với xu hướng quốc tế.[120]

Phụ nữ là nạn nhân của tội phạm cần phải có niềm tin vào Viện Kiểm sát để có thể tự tin trình báo tội phạm và theo đuổi vụ kiện.[121] Tỷ lệ kết án là một chỉ báo về sự đáp ứng của hệ thống tư pháp hình sự với các vụ án. Kết án tội phạm đối với phụ nữ có tác dụng răn đe kẻ bạo hành và củng cố niềm tin của các nạn nhân vào hệ thống tư pháp. Như đã nêu ở phần trên, nhóm nghiên cứu không có dữ liệu để đánh giá chính sách và quy trình kết án với các vụ án bạo lực đối với phụ nữ. Vì vậy, chúng tôi chưa rõ việc tuyên án ở Việt Nam có đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về việc truy cứu trách nhiệm của bị cáo, lên án và ngăn chặn bạo lực đối với phụ nữ, chấm dứt hành vi bạo lực, đảm bảo an toàn cho nạn nhân, khắc phục hậu quả, quan tâm phục hồi và tái hòa nhập cho người gây bạo lực hay không.[122]

Các cơ chế hỗ trợ khác đối với nạn nhân

Như đã phân tích trong chương này, nạn nhân nữ phải đối mặt với nhiều khó khăn trong hệ thống tư pháp hình sự. Phần này sẽ trình bày vắn tắt về các loại dịch vụ hỗ trợ khác bên cạnh các biện pháp tư pháp hình sự.

Luật Phòng chống Bạo lực gia đình

Luật Phòng chống Bạo lực gia đình quy định các cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm tổ chức các trung tâm tư vấn và trung tâm hỗ trợ nạn nhân. UNFPA và các tổ chức phi chính phủ thử nghiệm một số dịch vụ hỗ trợ và tư vấn về y tế cho nạn nhân, nhưng không phải địa phương nào cũng có, nhất là tại các vùng nông thôn.[123] Ngoài ra, chính phủ chưa xây dựng được hệ thống nhà tạm lánh nhằm bảo vệ và đảm bảo an toàn cho nạn nhân.

(HEUNI) tại Helsinki (2011) *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*. Tài liệu làm việc.

[118] UNODC cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển tại Hà Nội và Viện Châu Âu về Phòng chống Tội phạm (HEUNI) tại Helsinki (2011) *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*. Tài liệu làm việc.

[119] Phỏng vấn với cán bộ công an và VKSNDTC, 14 tháng 11 năm 2012, Hải Dương.

[120] Johnson, H., Ollus, N., Nevela, S. (2008) *Bạo lực với phụ nữ: từ góc độ quốc tế.* Helsinki: Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI).

[121] Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự (2009). *Đưa giới vào công lý – từ Chính sách đến Thực tiễn: Báo cáo cuối cùng của Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự.* London: Fawcett Society.

[122] Các mục tiêu này được đặt ra ở: Liên hợp quốc, Đại hội đồng (năm 2011). Nghị quyết A/RES/65/228 Tăng cường phòng ngừa tội phạm và ứng phó tư pháp hình sự với bạo lực đối với phụ nữ. Tham khảo tại: http://www.un.org/ga/search/view_doc.asp?symbol=A/RES/65/228

[123] Quỹ Dân Số Liên Hợp Quốc (2012). *Phòng, chống và ứng phó đối với bạo lực gia đình ở Việt Nam: Bài học từ mô hình can thiệp tại tỉnh Phú Thọ và Bến Tre.* Hà Nội.

Nạn nhân của bạo lực gia đình cần tiếp cận kịp thời tới các dịch vụ hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe để xử lý những tổn thương cấp tính, để được bảo vệ không tiếp tục bị bạo hành, và được giải quyết các nhu cầu dài hạn của họ. Ở Việt Nam, những dịch vụ như vậy gần đây mới được quy định trong luật. Do vậy những dịch vụ này thường được các tổ chức phi chính phủ hoặc Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cung cấp với nguồn lực tài chính hạn hẹp và tài trợ không ổn định từ Chính phủ. Hậu quả là nhiều phụ nữ đã trải qua bạo hành không nhận được các dịch vụ hỗ trợ hoặc nhận được những dịch vụ không đầy đủ[124]. Thông qua các tổ chức nhà nước hoặc các tổ chức dân sự vì phụ nữ, Nhà nước cần phải đảm bảo cung các hỗ trợ đặc thù về giới, lấy nạn nhân làm trung tâm, nâng cao quyền năng và toàn diện cho những phụ nữ là nạn nhân của bạo lực.[125] UNFPA hiện đang hỗ trợ một dự án xây dựng gói can thiệp tối thiểu cho nạn nhân của bạo lực gia đình, bao gồm các dịch vụ y tế, chuyển gửi và chăm sóc ban đầu.

Nhà tạm lánh

Ở Việt Nam có hai nhà tạm lánh dành cho các nạn nhân của bạo lực gia đình, chín nhà tạm lánh và trung tâm tiếp nhận nạn nhân của nạn buôn người, cung cấp thức ăn, nơi ở, chăm sóc y tế, tư vấn, dạy nghề và trợ giúp pháp lý cho các nạn nhân[126]. Các cơ sở y tế cũng cho phép các nạn nhân lưu lại viện thêm vài ngày để tránh bị tiếp tục bạo hành. Tuy nhiên, hiện nay hầu như chưa có các nhà tạm lánh của chính phủ dành cho các nạn nhân. Do đó, 20% nạn nhân của bạo lực gia đình rời nhà sau khi bị bạo hành không biết đi đâu, phải trở về nhà và tiếp tục trở lại tình trạng cũ[127]. Những nhà tạm lánh nói trên do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức phi chính phủ vận hành với sự hỗ trợ từ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các nhà tài trợ quốc tế. Theo các thông tin đã có, các nhà tạm lánh hoạt động chủ yếu dựa trên nguồn tài trợ quốc tế. Trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay, có lý do để lo ngại về tính bền vững về nguồn lực để tiếp tục duy trì hoạt động của các nhà tạm lánh.[128]

Các dịch vụ y tế

Phụ nữ nạn nhân của bạo lực gia đình sử dụng các dịch vụ y tế nhiều hơn các phụ nữ bình thường khác[129]. Tuy nhiên, các dịch vụ y tế được cung cấp không thống nhất trên toàn quốc [130]. Chi phí là

[124] 87% nạn nhân không bao giờ tìm kiếm sự hỗ trợ từ các dịch vụ chính thức hoặc người chịu trách nhiệm tại địa phương. Việt Nam, Tổng cục Thống kê (2010). *Kết quả Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: "Chịu nhịn là chết đấy".* Hà Nội.

[125] Quỹ Dân Số Liên Hợp Quốc (2012). *Phòng, chống và ứng phó đối với bạo lực gia đình ở Việt Nam: Bài học từ mô hình can thiệp tại tỉnh Phú Thọ và Bến Tre.* Hà Nội.

[126] Thông tư liên tịch số 03/2088/TTLC-BCA-MOD-MOFA-BLĐTBXH – Hướng dẫn về quy trình và thủ tục xác định và tiếp nhận phụ nữ và trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài. Số 17/2007/QD-TT Hà Nội ngày 29/1/2007 – Quyết định ban hành quy tắc về tiếp nhận và hỗ trợ tái hòa nhập cho phụ nữ và trẻ em bị buôn bán trở về nhà từ nước ngoài. Thông tư số 7/2011 hướng dẫn thực hiện bình đẳng giới với nhân sự và hoạt động trợ giúp pháp lý, 31/3/2011. Việt Nam, Kế hoạch hành động quốc gia về phòng chống tội buôn bán phụ nữ và trẻ em 2004-2010 (Ban hành kèm Quyết định số 130/2004/QD-TTg), ngày 14/7/2004.

[127] Việt Nam, Tổng cục Thống kê (2010). *Kết quả Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: "Chịu nhịn là chết đấy".* Hà Nội.

[128] Thông tin thu được từ các cuộc họp với đại diện của Hội Liên hiệp Phụ nữ, nhân viên của Nhà Bình yên tại Hà Nội và cuộc họp với các nhà tài trợ quốc tế. Xem phụ lục 3

[129] LHQ tại Việt Nam (2012) *Ước tính chi phí của bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam.* Hà Nội.

trở ngại chính đối với phụ nữ trong việc tiếp cận các dịch vụ này. Các nạn nhân phải nộp viện phí và phí giám định pháp y[131]. Theo điều tra chọn mẫu trong nghiên cứu "Ước tính chi phí của bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam", trung bình mỗi phụ nữ nạn nhân của bạo lực gia đình mất tới 65.124.000 VND cho dịch vụ chăm sóc y tế sau mỗi vụ bạo hành[132]. Như đã nêu trên, giám định pháp y có mức phí từ 850.000 VND đến 3.500.000 VND. Năm 2009, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 16 hướng dẫn hệ thống y tế trong hoạt động cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, điều trị, tư vấn, sàng lọc và báo cáo về các tình huống bạo lực gia đình[133]. Mặc dù Thông tư yêu cầu phải có ngân sách cho hoạt động trên, các bệnh viện khi phân bổ ngân sách vẫn chưa ưu tiên khoản mục này trong hoạt động của họ. Vì vậy, một số bệnh viện đã dựa vào hỗ trợ từ UNFPA và Quỹ Ford nhằm triển khai các điều khoản trong Thông tư số 16. Tuy nhiên, nguồn tài trợ này không bền vững và chỉ giới hạn trong số rất ít các bệnh viện được chọn áp dụng thí điểm.[134]

Tư vấn

Theo Luật Trợ giúp Pháp lý, Việt Nam cần phải có một mạng lưới các trung tâm tư vấn cho các nạn nhân. Một số trung tâm nằm trong bệnh viện hoặc liên kết với bệnh viện nhưng nằm ở địa điểm khác. Các tổ chức xã hội dân sự cũng tổ chức các nhóm tự lực. [135] Một hình thức tư vấn khác ở Việt Nam là thông qua các đường dây nóng, với dịch vụ tư vấn về tâm lý và hỗ trợ pháp lý. Tuy nhiên, các đường dây nóng này thường do các tổ chức phi chính phủ tổ chức và không bao phủ phạm vi toàn quốc, nên việc hỗ trợ cho các nạn nhân còn hạn chế[136]. Cần có thêm thông tin về sự sẵn có và mức độ sử dụng các hỗ trợ y tế và tâm lý cho nạn nhân và khả năng nhận biết và tiếp cận những dịch vụ này của họ. Chúng tôi cũng chưa rõ là các dịch vụ tư vấn trên có kết nối với hệ thống tư pháp hình sự trong các vụ bạo lực gia đình hay không.

PHẦN II: NHU CẦU, KHOẢNG TRỐNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trên cơ sở phân tích các thông tin hiện có, báo cáo này đưa ra một số khuyến nghị đối với chính phủ nhằm tăng cường khả năng xử lý của hệ thống tư pháp hình sự đối với vấn đề bạo lực đối với phụ nữ cũng như bảo vệ, ngăn ngừa và khắc phục hậu quả cho các nạn nhân của bạo lực.

1. Củng cố các quy định pháp luật đối với vấn đề bạo lực với phụ nữ và sửa đổi Bộ Luật Hình sự

Phục vụ việc rà soát, sửa đổi Bộ Luật Hình sự, phần này đưa ra một số khuyến nghị liên quan đến định nghĩa lại một số tội danh nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động điều tra, khởi tố và xử phạt

---

[130] *Như trên.*
[131] *Như trên.*
[132] *Như trên.*
[133] Việt Nam, Bộ Y tế, Thông tư hướng dẫn đối với hệ thống y tế về sàng lọc, tư vấn, điều trị và báo cáo của các nạn nhân bạo lực gia đình, số 16/2009/TT-BYT. Ngày 22 tháng 9 năm 2009.
[134] Quỹ Dân Số Liên Hợp Quốc (2012). *Phòng, chống và ứng phó đối với bạo lực gia đình ở Việt Nam: Bài học từ mô hình can thiệp tại tỉnh Phú Thọ và Bến Tre.* Hà Nội.
[135] Phỏng vấn với CSAGA. Xem phụ lục 3.
[136] Hội Phụ nữ Việt Nam thông báo với nhóm nghiên cứu là họ hỗ trợ đường dây nóng ở một số địa phương bên cạnh một số đường dây nóng của các NGO quản lý. Họ công nhận sự cần thiết của một đường dây nóng quốc gia. Xem Phụ lục 3.

các đối tượng gây bạo hành và mang lại công lý cho các phụ nữ bị bạo hành.[137] Phần này cũng xem xét một số khoảng trống trong luật hiện hành và đề xuất các điểm cần cải thiện.

Hiếp dâm và các hình thức bạo lực tình dục khác

Hiếp dâm và cưỡng ép quan hệ tình dục là tội hình sự tại Việt Nam.[138] Tuy nhiên, như đã thảo luận ở trên, luật hiện hành đặt gánh nặng chứng cứ lên nạn nhân thay vì lên kẻ phạm tội vì nạn nhân phải chứng minh việc quan hệ tình dục là ngược lại mong muốn của mình. Theo khuyến nghị của cuộc Họp Nhóm chuyên gia về Thực tiễn tốt trong pháp luật phòng chống bạo lực với phụ nữ tổ chức năm 2008, các quy định pháp luật về xâm hại tình dục nên tập trung vào vấn đề đồng thuận chứ không phải vấn đề sử dụng vũ lực hay bạo lực làm căn cứ điều tra xét xử các tội phạm về tình dục.[139] Theo nhóm chuyên gia, bị cáo phải có trách nhiệm chứng minh rằng nạn nhân đã thể hiện "rõ ràng sự đồng tình tự nguyện" khi quan hệ tình dục. Bị cáo phải cung cấp bằng chứng chứng minh rằng nguyên đơn đồng thuận với hành vi giao cấu. Do đó, trách nhiệm chứng minh sự vô tội thuộc về bên phạm tội chứ không phải là của nạn nhân. Hơn nữa, pháp luật về xâm hại tình dục nên loại bỏ yêu cầu cung cấp bằng chứng về sự thâm nhập. Thay vào đó, luật nên tập trung vào các dạng hành vi tình dục khác nhau để công nhận việc nạn nhân miễn cưỡng tham gia hành vi tình dục mà không chống trả là do họ ở thế yếu so với kẻ phạm tội. Báo cáo rà soát luật Việt Nam của UNIFEM thực hiện năm 2009 đề xuất đưa các hành vi tình dục bị cấm vào định nghĩa về hiếp dâm và các hình thức tấn công tình dục[140]. Trong Bộ luật Hình sự hiện hành, cưỡng dâm là loại tội phạm tình dục duy nhất đối với phụ nữ và trẻ em gái trên 16 tuổi, điều này hạn chế khả năng kết tội với các loại tội phạm tình dục khác[141]. Hành vi lạm dụng tình dục chỉ bị coi là một tội phạm khi được thực hiện với trẻ em dưới 16 tuổi [142]. Các chuyên gia cũng cho rằng Việt Nam nên quy định tội tấn công tình dục và cưỡng bức tình dục trong hôn nhân là tội phạm hình sự.[143] Trong khi không có sự loại trừ rõ ràng trong Bộ luật Hình sự với tội cưỡng bức tình dục trong hôn nhân và do quan niệm truyền thống về quyền đòi hỏi quan hệ tình dục của người chồng, hành vi cưỡng bức tình dục trong hôn nhân chưa bao giờ bị truy tố hình sự. Cưỡng bức tình dục trong hôn nhân được xếp vào hành vi vi phạm hành chính trong Luật Phòng chống Bạo lực Gia đình, nhưng việc đưa tội

[137] Một phân tích sâu hơn để hỗ trợ sửa đổi Bộ luật hình sự là một trong những biện pháp can thiệp trong tương lai có thể được đề xuất thảo luận ở phần cuối của chương này.

[138] Việt Nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 tháng 12 năm 1999: Điều 111 (hiếp dâm), Điều 113 (cưỡng dâm), Điều 112 (tội hiếp dâm trẻ em), Điều 114 (cưỡng dâm đối với trẻ em), Điều 115 (quan hệ tình dục với trẻ em).

[139] Hội nghị Nhóm chuyên gia về Thực tiễn pháp luật tốt về bạo lực gia đình của Liên Hợp Quốc, Ban Các vấn đề kinh tế và xã hội, Phòng Vì sự tiến bộ của phụ nữ (2010). *Sổ tay pháp luật về bạo lực với phụ nữ.* New York: Liên Hợp Quốc. Cơ quan Phụ nữ Liên Hợp Quốc (2012). Trung tâm Tri thức điện tử nhằm Chấm dứt bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái, Module Chương trình: Pháp luật. Tham khảo tại: http://www.endvawnow.org/

[140] Chiongson, Rea Abada (2009). *CEDAW và Pháp luật: Nghiên cứu rà soát văn bản pháp luật Việt Nam trên cơ sở quyền và giới qua lăng kính CEDAW*. Hà Nội: Quỹ Phát triển Phụ nữ Liên Hợp Quốc.

[141] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 Tháng 12 năm 1999: Điều 116.

[142] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 Tháng 12 năm 1999: Điều 116.

[143] Liên Hợp Quốc (2008). Họp Nhóm chuyên gia về Thực tiễn tốt trong pháp luật phòng chống bạo lực với phụ nữ, Báo cáo cuối cùng. Vienna.

danh này vào Bộ luật hình sự sẽ giúp thay đổi quan niệm văn hóa và thúc đẩy thực thi pháp luật đối với loại tội phạm này[144].

Bạo lực gia đình

Bạo lực gia đình không được định nghĩa một cách rõ ràng thành một tội danh trong Bộ luật hình sự. Hành vi bạo lực về thể chất chỉ mang tính hình sự nếu gây ra một mức độ thương tổn về thể chất nhất định.[145] Như đã nêu trong các phần trên, nạn nhân phải có chứng nhận thương tật trên 11% của giám định pháp y thì hành vi bạo lực mới bị coi là phạm tội hình sự, trừ trường hợp có tình tiết tăng nặng (chẳng hạn như tấn công tình dục với phụ nữ mang thai[146]). Phải có sự đồng thuận của nạn nhân mới có thể tiến hành điều tra án hình sự với các vụ án mà nạn nhân có tỷ lệ thương tật dưới 31%. Trong trường hợp nạn nhân có tỷ lệ thương tật trên 31%, cảnh sát, điều tra viên, và kiểm sát viên có thể tiến hành điều tra, truy tố hình sự mà không cần sự đồng ý của nạn nhân.

Việc ghép các hành vi bạo lực gia đình gây hậu quả vào các tội danh cố ý gây thương tích là không đơn giản, trừ khi hành vi bạo lực gây chấn thương nghiêm trọng và vĩnh viễn. Tuy nhiên, hành vi bạo lực gia đình lặp đi lặp lại (bao gồm toàn bộ hoặc từng hành vi lạm dụng tâm lý, thể chất, tình dục và kinh tế) có thể trở thành tội phạm hình sự dưới tội danh ngược đãi nếu gây hậu quả nghiêm trọng[147]. Đây là một định nghĩa hữu ích với bạo lực gia đình vì nó có thể bao gồm những trường hợp lạm dụng lặp đi lặp lại và kéo dài, và việc lạm dụng bao hàm một loạt các hành vi, không chỉ là bạo lực thể chất. Điều này cũng không đòi hỏi phải có sự đồng ý của nạn nhân cũng như chứng nhận y khoa để tiến hành điều tra vụ việc, cũng như chứng minh rằng bị cáo có ý định gây thương tích hoặc tổn hại sức khoẻ. Tuy nhiên, quy định này là thường không được sử dụng và cần phải có thêm hướng dẫn để cơ quan công an và viện kiểm sát có thể áp dụng tội danh này. Các hành vi bị nghiêm cấm liên quan tới lạm dụng thể chất, tình dục, tâm lý và kinh tế theo quy định tại Luật Phòng chống bạo lực gia đình vẫn chưa phải là tội hình sự mà mới chỉ là vi phạm hành chính.

Buôn bán phụ nữ và trẻ em gái

Luật Phòng chống Buôn bán người vừa được thông qua đã mở rộng định nghĩa về buôn bán người bao gồm các hình thức buôn bán bị cấm trong Luật hình sự theo Điều 119 (buôn bán phụ nữ) và

[144] Việt Nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 tháng 12 năm 1999: Điều 111 (hiếp dâm), Điều 113 (cưỡng dâm), Điều 112 (tội hiếp dâm trẻ em), Điều 114 (cưỡng dâm đối với trẻ em), Điều 115 (quan hệ tình dục với trẻ em).

[145] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 Tháng 12 năm 1999: Điều 104.

[146] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 Tháng 12 năm 1999: Điều 104 quy định 4 loại tỷ lệ thương tật. Thông tư liên tịch số 12/1995 cung cấp các tiêu chuẩn tỷ lệ thương tật được giám định pháp y sử dụng. Do đó Bộ luật tập trung vào một sự cố bạo lực và tỷ lệ phần trăm thương tổn thể chất vĩnh viễn. Ví dụ, để lại sẹo trong phần dưới cổ họng, gây khó khăn để nói chuyện và nuốt (41-45%), chấn thương cổ họng gây khó khăn trong việc nuốt (21-25%), mất thính lực ở một bên tai (25%), mất chức năng trong ngón tay cái bên phải (30%), mất chức năng trong ngón tay cái bên trái (20%), gãy xương trong hộp sọ, sẽ chữa lành nhưng có hậu quả lâu dài (21-25%); 3-5 xương sườn bị gãy với tác động nhẹ trên hô hấp (10-12%), mũi bị hỏng mà không ảnh hưởng đến hô hấp / mùi (10%), và ghi vết sẹo trên chân, dẫn đến khó khăn trong việc di chuyển (21-24%).

[147] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 Tháng 12 năm 1999: Điều 151.

Điều 120 (mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em).[148] Để truy tố trách nhiệm với kẻ phạm tội theo các hành vi bị cấm theo luật mới, Chính phủ cần phải ban hành hướng dẫn chi tiết để thiết lập các hình phạt hình sự hoặc hành chính đối với những tội danh này. Báo cáo về tình hình Buôn bán người của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ năm 2012 bày tỏ quan ngại là các cán bộ tư pháp có thể hiểu rằng các quy định luật Hình sự chỉ áp dụng cho các trường hợp có giao dịch thanh toán với một bên thứ ba[149]. Ngoài ra, báo cáo cũng lưu ý rằng một số trường hợp buôn bán người đang được truy tố hình sự dưới tội danh đưa người di cư trái phép hay phạt vi phạm hành chính theo Luật Lao động thay vì xử phạt hình sự. Sự thiếu nhất quán này có thể làm giảm hiệu quả của pháp luật vì không có hình phạt thích đáng với cho tội phạm buôn bán người, và do đó không có tính răn đe tội phạm.[150] Trong khi Bộ luật Hình sự đề cập tới tội buôn bán phụ nữ, các luật liên quan chưa đủ các quy định để truy tố tội phạm. Ngoài ra, do Chính phủ chưa thực hiện hiệu quả chế độ bảo vệ nhân chứng, nạn nhân thường sợ bị trả thù và không trình báo vụ việc, tạo điều kiện để các hành vi vi phạm tiếp tục được thực hiện. Do đó Bộ luật Hình sự nên quy định tội hình sự cho tất cả các hình thức buôn bán người và thiết lập hình phạt thích đáng đối với thủ phạm.

Theo dõi/ quấy rối tình dục

Theo dõi và quấy rối tình dục không được định nghĩa hoặc quy định là tội hình sự trong bất kỳ văn bản pháp luật nào của Việt Nam, nhưng rõ ràng các hành vi này tác động đến sức khỏe, sự an toàn và tinh thần của nạn nhân. Bộ Luật Lao động mới sửa đổi quy định cấm quấy rối tình dục tại nơi làm việc nhưng không đưa ra định nghĩa cho các hành vi quấy rối[151]. Bộ Luật Hình sự đang được sửa đổi nên có quy định về tội theo dõi và quấy rối tình dục để bảo vệ quyền lợi của phụ nữ. Cuộc Họp Nhóm chuyên gia về Thực tiễn tốt trong pháp luật phòng chống bạo lực với phụ nữ tổ chức năm 2008 và Ủy ban Công ước Xóa bỏ mọi hình thức ngược đãi đối với phụ nữ (CEDAW) đề xuất các định nghĩa toàn diện về các tội phạm này cho các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam. Theo nhóm chuyên gia, có thể định nghĩa quấy rối tình dục là "*hành vi có tính chất tình dục không được hưởng ứng trong quan hệ cấp trên với cấp dưới và ngang cấp, tại nơi làm việc (kể cả trong khu vực làm việc không chính thức), trong hoạt động giáo dục, tiếp nhận hàng hóa và dịch vụ, các hoạt động thể thao và giao dịch bất động sản*".[152] Hành vi có tính chất tình dục không được hưởng ứng bao gồm, trực tiếp hoặc có hàm ý, "*tán tỉnh và có hành vi đụng chạm; đòi hỏi hoặc yêu cầu quan hệ tình dục; nhận xét có màu sắc tình dục; phô bày những tranh ảnh, áp phích hoặc hình vẽ về tình dục; hoặc bất kỳ hành vi nào về thể chất, bằng lời hoặc không bằng lời, mang tính chất tình dục mà không được hưởng ứng*" [153]. CEDAW định nghĩa quấy rối tình dục là "*hành vi không mong đợi về giới tính như tiếp xúc cơ thể và tán tỉnh, bình phẩm về giới tính, khoe ảnh khiêu dâm và thể*

[148] Hoa Kỳ, Bộ Ngoại giao (2012). *Báo cáo tình hình Buôn người năm 2012*. Washington, DC. Việt Nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 tháng 12 1999: Điều 119 cấm buôn bán người; Điều 120 cấm buôn bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em; điều 266-268, 284 xác định hành vi phạm tội khác có thể được áp dụng cho quá trình buôn bán người và tội phạm liên quan đến tài liệu gian lận; Điều 251 cấm rửa tiền thu được của tội phạm; Điều 257 cấm ép buộc người khác ở lại nước ngoài.

[149] Hoa Kỳ, Bộ Ngoại giao (2012). *Báo cáo tình hình Buôn người năm 2012*. Washington, DC.

[150] Như trên

[151] Việt Nam, Quốc hội, Bộ luật Lao động, số 10/2012/QH13, ngày 18 tháng 6 năm 2012: Điều 8.

[152] Liên Hợp Quốc (2008). Họp Nhóm chuyên gia về Thực tiễn tốt trong pháp luật phòng chống bạo lực với phụ nữ, Báo cáo cuối cùng. Vienna.

[153] *Như trên*.

hiện nhu cầu tình dục, bằng lời hay hành động. Hành vi như vậy có thể làm xúc phạm nhân phẩm và gây ra ảnh hưởng về an toàn và sức khỏe với người bị quấy rối; có tính chất phân biệt đối xử khi người phụ nữ có căn cứ hợp lý để tin rằng việc phản kháng sẽ gây trở ngại về công việc, bao gồm việc tuyển dụng hoặc thăng tiến, hoặc khi việc phản kháng dẫn tới môi trường làm việc không thân thiện" [154].

Cả hai định nghĩa trên đều phù hợp để làm rõ hơn các quy định hiện hành của pháp luật về quấy rối tình dục và đảm bảo trừng phạt thích đáng các hành vi vi phạm.

Các thay đổi về luật khác

Cần sửa đổi một số quy định về của luật tố tụng hình sự, trợ giúp pháp lý và chứng cứ cần để tăng cường hiệu quả của quá trình điều tra, khởi tố truy tố và trừng phạt tội phạm cũng như đảm bảo công lý cho các nạn nhân của bạo lực.

Các điểm đề xuất sửa đổi bao gồm:

- Đẩy mạnh việc cấm hòa giải trong các vụ bạo lực với phụ nữ có tính chất hình sự.
- Ban hành các quy định pháp lý để khuyến khích tiến hành thủ tục tố tụng kịp thời và nhanh chóng trong các vụ bạo lực đối với phụ nữ.
- Ban hành quy định pháp lý về trách nhiệm chính trong khởi xướng điều tra và truy tố của cơ quan công an và Viện kiểm sát, thay vì của nạn nhân.
- Trợ giúp pháp lý miễn phí cho các nạn nhân của bạo lực. Cần xử lý quy định chưa rõ trong Thông tư 07 và Luật Trợ giúp pháp lý.
- Cụ thể hóa hơn nữa quyền của nạn nhân trong quá trình tố tụng hình sự (các biện pháp đặc biệt để tạo điều kiện cho nạn nhân cung cấp lời khai, quyền được trao đổi với cán bộ nữ, vv).
- Làm rõ các vấn đề liên quan đến việc thu, nộp bằng chứng, đặc biệt quy định về sự cần thiết của giấy chứng nhận y khoa và sử dụng giám định và quy định cho phép truy tố "vắng mặt nạn nhân".
- Quy định rõ hơn về việc áp dụng và thực hiện lệnh cấm tiếp xúc với nạn nhân.
- Ban hành quy định pháp lý để xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của cơ quan công an, Viện kiểm sát và Toà án trong các vụ bạo lực đối với phụ nữ.

2. Tăng cường thực hiện, theo dõi và đánh giá luật và chính sách hiện hành liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ

Việt Nam đã đạt được tiến bộ đáng kể trong việc xây dựng pháp luật phòng chống bạo lực với phụ nữ, thể hiện ở cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong việc xóa bỏ hình thức bạo lực này. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật không được thực hiện đầy đủ. Để thực hiện có hiệu quả pháp luật về phòng chống bạo lực, cần phải xây dựng năng lực của các cơ quan thực thi pháp luật trong lĩnh vực này. Hiện có một số chương trình đào tạo dành cho công an khu vực và đại diện Hội Phụ nữ. Tuy nhiên, Chính phủ cần mở rộng chương trình đào tạo cho các cán bộ tư pháp hình sự khác, đặc biệt là các công tố viên và thẩm phán, và xem xét thí điểm mô hình cán bộ công an hoặc đơn vị

[154] Liên Hợp Quốc, Ủy ban về xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ (1992). Khuyến nghị chung số 19 của Công ước CEDAW: *Bạo lực đối với phụ nữ*. Tham khảo tại: http://www.refworld.org/docid/453882a422.html

chuyên ngành về giải quyết bạo lực đối với phụ nữ. Chính phủ cũng cần thiết lập một hệ thống giám sát và đánh giá toàn diện để đảm bảo trách nhiệm giải trình, và xây dựng các chỉ số đo lường để đánh giá sự đáp ứng các cơ quan tư pháp hình sự với các vụ bạo lực đối với phụ nữ. Liên Hợp Quốc đang hợp tác với Chính phủ để phát triển các gói can thiệp tiêu chuẩn tối thiểu cho các nạn nhân và cần tiếp tục hỗ trợ để tăng cường cơ chế bảo vệ pháp luật và cải thiện sự phối hợp giữa hệ thống tư pháp hình sự và các lĩnh vực khác.

3. Tiếp tục tiến hành các nghiên cứu và phân tích để phát triển các chính sách và chương trình dựa trên bằng chứng

Một trong những khó khăn lớn đối với đánh giá này là thiếu thông tin đầy đủ về tình hình bạo lực với phụ nữ và hệ thống tư pháp hình sự tại Việt Nam. Ngoài ra, phần lớn các dữ liệu có được chưa được công bố. Các nghiên cứu gần đây chỉ tập trung tìm hiểu mức độ phổ biến và tính chất của bạo lực gia đình, nên có rất ít thông tin về các hình thức bạo lực với phụ nữ khác, như hiếp dâm và bạo lực tình dục, cưỡng bức mại dâm và quấy rối tình dục. Cần phải thu thập dữ liệu phân tách theo giới một cách có hệ thống và sử dụng chúng để phân tích đầy đủ mức độ phổ biến của bạo lực và đánh giá các cơ chế xử lý hiện tại nhằm xây dựng các giải pháp và chiến lược phòng chống hiệu quả.

Cụ thể là, cần tiến hành thêm một nghiên cứu về cách thức xử lý của cơ quan công an và Viện kiểm sát và Tòa án đối với các trường hợp bạo lực với phụ nữ và thực trạng thực thi các quy định của luật hình sự, tố tụng hình sự và chứng cứ trong lĩnh vực này. Các thông tin từ nghiên cứu sẽ đặc biệt hữu ích để phân tích tỷ lệ bỏ cuộc với các vụ án bạo lực với phụ nữ và xác định nguyên nhân và thời điểm dừng vụ án để đề xuất cải tiến hệ thống và đảm bảo công lý cho các nạn nhân của bạo lực. Cần phải có thêm thông tin về các dịch vụ hỗ trợ cho các phụ nữ là nạn nhân của bạo lực (chuyển gửi bởi công an, tổ chức trợ giúp pháp lý, viện kiểm sát, tòa án, hoặc tự giới thiệu, phổ biến thông tin) và khả năng tiếp cận các dịch vụ cho các phụ nữ không trình báo vụ việc với công an hoặc không theo đuổi khiếu kiện để cải thiện quy trình cung cấp dịch vụ. Cần thu thập thông tin về mức độ nhận thức và thái độ của công chúng với các trường hợp bạo lực với phụ nữ và nạn nhân để lựa chọn chiến lược phòng chống tội phạm hiệu quả tại Việt Nam. Cần có thêm thông tin về việc áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính và hòa giải và ảnh hưởng của các biện pháp này đối với tình trạng không trình báo vụ việc hoặc từ bỏ khiếu kiện. Ngoài ra, cần tận dụng quy định gần đây Chính phủ về thành lập bộ phận thống kê trong tất cả các Bộ để thu thập số liệu thống kê tổng hợp và phân tách theo giới về tình hình bạo lực với phụ nữ trong cả nước. Chiến lược của Liên Hợp Quốc về Cập nhật mô hình và các biện pháp thực tế về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ trong lĩnh vực phòng chống tội phạm và tư pháp hình sự, được thông qua bởi Đại hội đồng trong tháng 12 năm 2010, có thể cung cấp các chỉ dẫn để xây dựng và tăng cường cơ chế thu thập thông tin về bạo lực với phụ nữ một cách thống nhất và có hệ thống.[155]

KẾT LUẬN

[155] Xem Phần IX: Liên hợp quốc, Đại hội đồng (năm 2011). Nghị quyết A/RES/65/228 Tăng cường phòng ngừa tội phạm và ứng phó tư pháp hình sự với bạo lực đối với phụ nữ. Tham khảo tại: http://www.un.org/ga/search/view_doc.asp?symbol=A/RES/65/228

Theo các đánh giá trên, rõ ràng là hệ thống tư pháp hình sự cần phải được củng cố để mang lại công lý và sự bảo vệ cho phụ nữ là nạn nhân của bạo lực. Việt Nam nên xem xét việc áp dụng các khuyến nghị này để cải thiện hệ thống cũng như trải nghiệm của các nạn nhân nữ trong hệ thống tư pháp hình sự. Các phần tiếp theo sẽ tìm hiểu trải nghiệm của những phụ nữ vi phạm pháp luật. Mặc dù hai nhóm phụ nữ này tương tác với hệ thống tư pháp hình sự vì những lý do rất khác nhau, họ đều gặp phải vấn đề chung về phân biệt đối xử giới và bất bình đẳng.

CHƯƠNG 2: PHỤ NỮ CÓ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT

PHẦN I: TỔNG QUAN VÀ PHÂN TÍCH

Như đã thảo luận trong chương trước, trải nghiệm của phụ nữ với hệ thống tư pháp từ vị trí nạn nhân và người vi phạm pháp luật đều khác với nam giới. Điều này xuất phát từ sự bất bình đẳng giới và phân biệt đối xử trên cơ sở giới bắt nguồn từ các chuẩn mực và định kiến xã hội. Trong một số trường hợp, hệ thống tư pháp góp phần củng cố vai trò và định kiến về phụ nữ là người được phân công về mặt xã hội là "phái yếu", nhưng lại bỏ qua yếu tố giới tính khi đề cập tới các nhu cầu đặc thù của phụ nữ. Phần này cung cấp một cái nhìn tổng quan sơ bộ về vấn đề phụ nữ là người vi phạm pháp luật hình sự và hành chính, từ thời điểm họ tham gia vào hệ thống tư pháp với tư cách bị cáo, đến giai đoạn bị giam giữ và tái hòa nhập cộng đồng. Chương này cũng phân tích một số quy định quan trọng của pháp luật (trong nước và quốc tế) liên quan đến tạm giữ, tạm giam với nữ giới.

Các thông tin trong chương này dựa trên việc nghiên cứu pháp luật Việt Nam và các văn bản dưới luật, và một số nghiên cứu quốc tế về kinh nghiệm và nhu cầu của phụ nữ phạm tội. Thông tin bổ sung có được từ các cuộc phỏng vấn với các thành viên của Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Viện Kiểm sát), Vụ Kiểm sát việc Tạm giữ, Tạm giam, và Thi hành án Hình sự (Vụ 4), cán bộ và nhân viên trại giam, và một số phạm nhân nữ (xem Phụ lục 5: Chuyến công tác tại trại giam Phú Sơn 4).

Khung pháp lý

Việt Nam tham gia ký kết một số công ước về nhân quyền quốc tế, bao gồm Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR) [156], Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR) [157] và Công ước Quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW). [158] Việt Nam chưa phê chuẩn Công ước chống Tra tấn và Trừng phạt hoặc Đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo làm mất phẩm giá khác (CAT). [159] Năm 2010, Đại hội đồng LHQ đã thông qua Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ

[156] Liên hợp quốc, Đại hội đồng, Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị, 16 Tháng 12 năm 1966, Liên hợp quốc, Tuyển tập Hiệp ước, tập. 999, trang.171, Tham khảo tại: http://www.refworld.org/docid/3ae6b3aa0.html
[157] Liên hợp quốc, Đại hội đồng, Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị, 16 Tháng 12 năm 1966, Liên hợp quốc, Tuyển tập Hiệp ước, tập 993, trang 3, Tham khảo tại: http://www.refworld.org/docid/3ae6b36c0.html
[158] Liên hợp quốc, Đại hội đồng, *Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ*, 14 tháng 12 năm 1990, A/RES/45/124, Tham khảo tại: http://www.refworld.org/docid/3b00efe914.html
[159] Liên hợp quốc, Đại hội đồng, *Công ước chống Tra tấn và Trừng phạt hoặc Đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo làm mất phẩm giá khác*, 10 Tháng 12 năm 1984, Liên Hợp Quốc quốc, Tuyển tập Hiệp ước, tập. 1465, trang.85, Tham khảo tại: http://www.refworld.org/docid/3ae6b3a94.html

(Bộ Quy tắc Băng-cốc). [160] Những nguyên tắc này bổ sung các chuẩn mực tối thiểu chuẩn về đối xử với tù nhân (Quy tắc chuẩn mực tối thiểu) [161] và là hướng dẫn quốc tế toàn diện đầu tiên giải quyết một loạt các nhu cầu đặc thù của phạm nhân nữ và những người bị áp dụng biện pháp không giam giữ.

Hiến pháp Việt Nam quy định rằng tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, bất kể giới tính[162]. Bộ luật Hình sự xác định hành vi phạm tội hình sự và quy định các hình phạt tương ứng, và Luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) điều chỉnh các thủ tục liên quan đến việc điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm. Quyền và nghĩa vụ của các tù nhân tại Việt Nam được quy định trong Luật Thi hành án hình sự ban hành năm 2010 và Luật Đặc xá và Nghị định số 117/2011/ND-CP.

Bối cảnh xã hội

Như đã phân tích trong Chương một, Việt Nam vẫn còn là một xã hội gia trưởng với các quan niệm khắt khe về các chuẩn mực giới. Điều này cũng được thể hiện trong thái độ xã hội với phụ nữ phạm tội. Ở nhiều nước, trong đó có Việt Nam, tội phạm do phụ nữ gây ra được coi là một vấn đề xã hội ít nghiêm trọng hơn tội phạm do nam giới gây ra. [163] Phụ nữ thường được coi là nạn nhân bị hoàn cảnh "đưa đẩy" phải phạm tội hoặc chỉ có vai trò đồng lõa với tội phạm, và do đó "động lực phạm tội của họ không giống như của nam giới và ít mang tính côn đồ hơn". [164] Theo các thông tin có được, tỷ lệ phạm tội của phụ nữ Việt Nam thấp hơn của nam giới. Thảo luận nhóm với các nhân viên cảnh sát cho biết phụ nữ là bị can và/ hoặc bị kết án chỉ chiếm 10% trong tất cả các trường hợp tội phạm. [165] Theo các bên liên quan được phỏng vấn trong nghiên cứu này, phần lớn phụ nữ bị buộc tội liên quan đến buôn bán ma túy[166], kinh doanh tình dục (ví dụ: chủ cơ sở mại dâm, chứa chấp mại dâm, hay lây truyền HIV/ AIDS cho người mua dâm), [167] buôn bán người,[168] và tội phạm kinh tế như tham nhũng, gian lận, buôn bán hàng cấm. [169] Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu không có dữ liệu đã được kiểm chứng về các loại hành vi phạm tội của phụ nữ, hoặc số lượng phụ nữ bị buộc tội và/ hoặc bị kết án tại Việt Nam.

---

[160] Liên hợp quốc, Hội đồng Kinh tế và Xã hội, *Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ* (Bộ Quy tắc Băng-cốc), 22 tháng 7 2010, E/RES/2010/16, Tham khảo tại: http://www.refworld.org/docid/4d92e5392.html

[161] Liên Hợp Quốc, *Quy chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân*, 30 tháng 8 năm 1955, Tham khảo tại: http://www.refworld.org/docid/3ae6b36e8.html

[162] Việt Nam, Quốc hội, Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, ngày 15 tháng 4 năm 1992: Điều 52.

[163] Hoa Kỳ, Bộ Tư Pháp, Viện Tư pháp Quốc gia (2000). *Nghiên cứu về Phụ nữ và Trẻ em gái trong Hệ thống Tư pháp: Các tham luận tại Hội nghị về Nghiên Cứu và Đánh Giá Tư pháp Hình sự - Tăng cường Chính sách và Thực tiễn thông qua Nghiên cứu,* Số. *3.* Washington, DC. Mahony, Tina (2011). *Phụ nữ và hệ thống tư pháp hình sự.* Ottawa: Thống kê Canada.

[164] JOPSO, NH Quang & Cộng sự (2008). *Báo cáo Khảo sát về Đảm bảo bình đẳng giới trong Hệ thống tòa án ở Việt Nam và trong các hoạt động xét xử*. Hà Nội.

[165] Thảo luận nhóm với công an, ngày 14 tháng 12 năm 2012, Hải Dương.

[166] Phỏng vấn Cục trợ giúp pháp lý (CTGPL) và thảo luận nhóm với công an, ngày 14 tháng 12 năm 2012, Hải Dương.

[167] Các cuộc phỏng vấn với Tiến sĩ Trần Huy Liệu, Cục trưởng Cục trợ giúp pháp lý (CTGPL) thuộc Bộ Tư pháp, 12 tháng 11 năm 2012, Hà Nội, bà Tạ Thị Minh Lý, Hội Bảo trợ tư pháp cho người nghèo Việt Nam (VIJUSAP), ngày 13 tháng 11 năm 2012, Hà Nội.

[168] Phỏng vấn CTGPL và VIJUSAP. Xem Phụ lục 3

[169] Phỏng vấn CTGPL và thảo luận nhóm với công an, ngày 14 tháng 12 năm 2012, Hải Dương.

Phụ nữ là nhóm thiểu số trong các phạm nhân (chiếm khoảng 10% trong tổng số) và 15,5% trong số người bị tạm giam. [170] Theo các dữ liệu hiện có, số phạm nhân nữ tăng từ 9.586 năm 2011 lên 10.807 vào năm 2012, và giảm nhẹ xuống 10.722 vào năm 2013. [171] Nhóm nghiên cứu không xác định được lý do gây nên những biến động này. Trong tổng số phụ nữ hiện đang bị giam giữ, 7,1% đang thi hành án tù dưới hai năm, 23,6% từ hai đến năm năm, 36,3% từ năm đến mười năm, 26,2% mười đến hai mươi năm, và 4,8% đang chấp hành án tù chung thân.[172] Rất khó đánh giá cơ cấu nhân khẩu học trong nhóm phạm nhân ở Việt Nam do thiếu dữ liệu. Hồ sơ cho thấy có 32 phụ nữ và 407 nam giới đã từng bị kết án tử hình tại Việt Nam. [173] Nhóm nghiên cứu cũng không có số liệu về số lượng phụ nữ bị tạm giữ, tạm giam hoặc quản chế hành chính.

Cơ sở hạ tầng và chế độ giam giữ tại Việt Nam không được thiết kế nhằm hướng tới đối tượng phạm nhân nữ. Không có trại giam dành riêng cho phạm nhân nữ ở Việt Nam, và cũng không rõ có bao nhiêu phòng giam dành riêng cho nữ trong các cơ sở cải tạo giam giữ cả nam và nữ phạm nhân. Điều này dẫn tới việc hệ thống có thể bỏ qua các nhu cầu của phạm nhân nữ. Hơn nữa, đa số những người làm việc trong lĩnh vực tư pháp hình sự là nam giới (chỉ có 12,2% nhân viên trong các trại giam là phụ nữ[174]) và điều này tạo ra những động lực mang tính chất giới trong việc xử lý các trường hợp bị can là phụ nữ. Nhóm nghiên cứu chưa đánh giá được đầy đủ những tác động của các động lực này, tuy nhiên chúng có khả năng ảnh hưởng đến trải nghiệm về trại giam của các nữ phạm nhân.

A. Nữ bị can

Thủ tục xử lý vụ án hình sự

Chế độ bảo vệ pháp lý cơ bản trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các thủ tục tố tụng hình sự được dành cho tất cả mọi người, bất kể họ thuộc giới tính nào, và thường được quy định bằng một ngôn ngữ trung tính. Ví dụ, Bộ Luật tố tụng hình sự (BLTTHS) quy định rằng tất cả những người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa[175], được xét xử công khai (trừ các trường hợp đặc biệt)[176], và trình bầy chứng cứ trước tòa. [177] Một số quy định của BLTTHS và các nghị định liên quan khác đã thể hiện sự nhạy cảm hơn về giới, ví dụ, khi khám người thì nam khám nam, nữ khám nữ và phải có người cùng giới chứng kiến. [178] Báo cáo khuyến nghị sửa đổi BLTTHS do UNIFEM thực hiện năm 2009 đề xuất làm rõ trách nhiệm của công an hoặc

[170] Hội nghị chuyên gia ASEAN về việc thực hiện *Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ* (Bộ Quy tắc Băng-cốc) 19- 21 tháng 3 năm 2013. Bảng hỏi quốc gia -Việt Nam: Phụ lục 4.
[171] *Như trên.*
[172] *Như trên.*
[173] Xem Phụ lục 4.
[174] Trả lời chính thức của Bộ Công An tại Hội nghị chuyên gia ASEAN về việc thực hiện *Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ* (Bộ Quy tắc Băng-cốc) 19- 21 tháng 3 năm 2013. Bảng hỏi quốc gia -Việt Nam: Phụ lục 4.
[175] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 11.
[176] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 18.
[177] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 19.
[178] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 142, 152.

giám định viên nhằm đảm bảo tính riêng tư trong trường hợp giám định, cũng như quy định rõ trách nhiệm của giám định viên để đảm bảo rằng, trừ người có thẩm quyền thực hiện giám định hoặc có lý do chính đáng để có mặt, thì chỉ những người có sự đồng ý của người được giám định mới được phép lại trong phòng trong khi tiến hành giám định. [179]

Tạm giữ, tạm giam

Ở Việt Nam, bị can nam và nữ có thể bị tạm giữ trong thời gian ngắn khi cơ quan kiểm sát thụ lý vụ án[180] hoặc cũng có thể bị tạm giam trong thời gian lâu hơn[181]. BLTTHS quy định rõ là không tạm giam bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi mà chỉ áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác[182], trừ một số trường hợp đặc biệt. [183] Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ không phải là đối tượng ngoại lệ khi áp dụng quyết định tạm giữ. Các chuyên gia của Liên hợp quốc khuyến nghị rằng quyết định tạm giữ cũng nên loại trừ đối tượng này, tuy nhiên điều này trên thực tế chưa được thực hiện[184].

---

[179] Chiongson, Rea Abada (2009). *CEDAW và Pháp luật: Nghiên cứu rà soát văn bản pháp luật Việt Nam trên cơ sở quyền và giới qua lăng kính CEDAW*. Hà Nội: Quỹ Phát triển Phụ nữ Liên Hợp Quốc.

[180] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 86(1) Tạm giữ có thể được áp dụng đối với những người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã; (3) Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi ra quyết định tạm giữ, quyết định tạm giữ phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Nếu xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ và người ra quyết định tạm giữ phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ.

Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 87(1) Thời hạn tạm giữ không được quá ba ngày, kể từ khi Cơ quan điều tra nhận người bị bắt.; (2) Trong trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ, nhưng không quá ba ngày. Trong trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai nhưng không quá ba ngày. Mọi trường hợp gia hạn tạm giữ đều phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn; trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị gia hạn và tài liệu liên quan đến việc gia hạn tạm giữ, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn.

[181] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 88(1): Tạm giam có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo trong những trường hợp sau đây: a) Bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội rất nghiêm trọng; b) Bị can, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên hai năm và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội

[182] Việt Nam, Quốc hội, Bộ Luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 88 về tạm giam; Điều 79 về các biện pháp ngăn chặn như bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm hoặc cấm đi lại.

[183] Việt Nam, Quốc hội, Bộ Luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 88(2) Đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng mà nơi cư trú rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ những trường hợp sau đây: a) Bị can, bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã; b) Bị can, bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng tiếp tục phạm tội hoặc cố ý gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra, truy tố, xét xử;c) Bị can, bị cáo phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ cho rằng nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

[184] Chiongson, Rea Abada (2009). *CEDAW và Pháp luật: Nghiên cứu rà soát văn bản pháp luật Việt Nam trên cơ sở quyền và giới qua lăng kính CEDAW*. Hà Nội: Quỹ Phát triển Phụ nữ Liên Hợp Quốc. Đối với quyết định tạm giữ của Viện kiểm sát, các chuyên gia của Liên hợp quốc khuyến cáo rằng, trong trường hợp phụ nữ mang thai hoặc một người phụ nữ yêu cầu hỗ trợ đặc biệt, chẳng hạn như bị bệnh nặng, thời gian bị giam giữ tại các Điều 86 và 87 của Bộ Tố tụng Hình sự được rút ngắn. Các trường hợp như vậy nên được ưu tiên trong việc xác định tính hợp pháp của hoạt động giam giữ.

Bằng chứng từ các nghiên cứu quốc tế cho thấy phụ nữ có trải nghiệm tiêu cực hơn nam giới khi bị tạm giữ/tạm giam do bị phân biệt đối xử về giới, và nguy cơ gặp phải bạo lực[185]. Phụ nữ bị giam giữ thường cảm thấy lo âu vì không biết con cái họ có được gia đình hoặc xã hội chăm sóc tốt không khi họ vắng mặt[186]. Trong các cuộc thảo luận nhóm với các nhân viên cảnh sát, có ý kiến rằng phụ nữ chịu đựng giam giữ kém hơn nam giới vì sự gắn kết tình cảm của họ với con cái[187]. Vì phụ nữ Việt Nam thường là người chăm sóc con cái trong gia đình, họ gặp phải những khó khăn đặc biệt khi bị bắt hoặc bị giam giữ. Thông thường, họ phải nhờ bạn bè và các thành viên khác trong gia đình thay mặt chăm sóc con cái, nhưng khi không có sự hỗ trợ này, có rất ít các lựa chọn thay thế. Theo quan sát ở một số nước, tình trạng này làm tăng nguy cơ tự hại của phạm nhân nữ, giảm sự hợp tác với các cơ quan chính quyền, và ảnh hưởng đến khả năng đàm phán các quy trình pháp lý của họ[188]. Pháp luật Việt Nam quy định rằng cơ quan ra lệnh tạm giữ cần phải chỉ định một người nào đó, thường là họ hàng của của người bị tạm giữ, tạm giam, làm người chăm sóc cho những người phụ thuộc của họ, bao gồm con cái dưới mười bốn tuổi, người già, người ốm hoặc người khuyết tật. Nếu người bị tạm giữ, tạm giam không có họ hàng, thì các cơ quan đó sẽ "giao những người phụ thuộc cho chính quyền địa phương nơi họ sinh sống để được chăm sóc." [189]

Các vấn đề xã hội rộng lớn hơn, như bạo lực đối với phụ nữ, cũng có khả năng tác động tới các phụ nữ bị tạm giữ/tạm giam, và do đó an toàn cho phụ nữ trong môi trường trại giam cần được quan tâm. Hiện tại vẫn chưa rõ thực trạng của vấn đề này. Ví dụ, như đã trình bầy trong các phần trước, trong khi luật quy định nghi phạm nữ được khám bởi cán bộ nữ, nhóm nghiên cứu không xác định được liệu chỉ có nhân viên nữ làm việc trong khu vực giam giữ, và liệu người bị giam giữ có thể dễ dàng tiếp cận được nhân viên nữ hay không. Tuy nhiên một điều chắc chắn là ở Việt Nam, có rất ít cán bộ công an tuyến dưới, cán bộ điều tra hình sự hoặc nhân viên/cán bộ trại giam là nữ giới (điều này sẽ được thảo luận sâu hơn trong Chương Ba). [190]

Nghị định 89 Ban hành Quy chế về tạm tạm giữ, tạm giam [191]	
Điều 15	quy định việc giam, giữ bố trí theo khu vực và phân loại khác nhau trong đó phụ nữ là một nhóm.
Điều 16	quy định việc kiểm tra thân thể người bị tạm giữ, tạm giam là nữ giới do cán bộ nữ thực hiện và được tiến hành trong phòng kín.
Điều 26	quy định người bị tạm giữ, tạm giam là nữ được cấp thêm một số tiền (tương đương 2 kg gạo tính theo thời giá thị trường ở từng địa phương) để mua đồ dùng

[185] Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự (2009). *Đưa giới vào công lý – từ Chính sách đến Thực tiễn: Báo cáo cuối cùng của Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự.* London: Fawcett Society.
[186] *Như trên.*
[187] Thảo luận nhóm với công an, ngày 14 tháng 11 năm 2012, Hải Dương
[188] Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự (2009). *Đưa giới vào công lý – từ Chính sách đến Thực tiễn: Báo cáo cuối cùng của Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự.* London: Fawcett Society.
[189] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 90.
[190] Phỏng vấn với CTGPL, VIJUSAP và thảo luận nhóm với công an trong quá trình xây dựng tài liệu tập huấn của UNODC. See Liên Hợp Quốc, Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (2011). *Công tác phòng chống bạo lực gia đình: Tài liệu tập huấn cho ngành hành pháp và tư pháp tại Việt Nam (tái bản lần thứ 2).* Hà Nội.
[191] Việt Nam, Nghị định về việc Ban hành các Quy định về tạm giữ, tạm giam, số 89/1998/ND-CP, ngày 07 tháng 11 năm 1998.

	cần thiết cho vệ sinh phụ nữ.

Tiếp cận tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý

Tất cả các nghi phạm cần được cung cấp thông tin về quyền được tư vấn và trợ giúp pháp lý. [192] Luật sư bào chữa cần có giấy phép của người thụ lý vụ án (như điều tra viên hoặc kiểm sát viên) để được tiếp xúc với thân chủ cũng như tiếp cận hồ sơ vụ án. Ở Việt Nam, mối quan hệ và sự quen biết đóng vai trò quan trọng trong việc lấy thông tin và xin giấy phép[193] do đó giới tính của luật sự bào chữa có thể là một vấn đề khi làm việc với các cơ quan điều tra hầu như toàn là nam giới. Với những luật sư bào chữa là nữ, cơ hội phát triển các mối quan hệ có thể bị hạn chế và tác động không có lợi cho họ và thân chủ của họ. Một vấn đề đáng lo ngại khác cho các bị can là trong các vụ án có yêu cầu cảnh sát, cơ quan công tố hoặc tòa án chỉ định và thanh toán phí luật sư, [194] các cơ quan điều tra có thể ép nghi phạm ký văn bản đồng ý không cần tư vấn. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu không rõ mức độ phổ biến của hiện tượng này cũng như những ảnh hưởng về giới của nó.

Như đã đề cập ở Chương một, điều kiện để xét trợ giúp pháp lý là mức thu nhập dưới ngưỡng quy định của hộ gia đình chứ không phải năng lực tiếp cận tài chính của nạn nhân. Do phân công trách nhiệm theo giới, phụ nữ Việt Nam có thể gặp khó khăn trong việc tiếp cận sử dụng thu nhập hộ gia đình, đặc biệt là nếu họ bị cáo buộc chống lại một thành viên khác trong gia đình. Do vậy, phụ nữ có thể gặp khó khăn trong việc tiếp cận hình thức tư vấn pháp lý thích hợp mà họ có quyền hợp pháp. Điều này có thể gây những hậu quả tiêu cực đối với việc xét xử vụ án liên quan đến họ. Một người được phỏng vấn quan ngại rằng thiếu tư vấn hoặc tư vấn pháp lý kém chất lượng gây bất lợi cho những phụ nữ bị buôn bán hay bị ép buộc hành nghề mại dâm và có thể dẫn tới việc họ bị buộc tội hình sự[195]. Nhóm nghiên cứu được biết hầu hết các phụ nữ xin trợ giúp pháp lý là nạn nhân của bạo lực hoặc người nộp đơn ly hôn, chứ không phải là bị cáo trong các vụ án hình sự. [196]

Nguyên tắc kết án

Luật của Việt Nam cho phép sử dụng cách tiếp cận tương đối khi quyết định hình phạt. Tòa án có thể xét các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của người phạm tội để làm căn cứ quyết định mức án. Ví dụ, một thẩm phán đã được phỏng vấn trong nghiên cứu này nói rằng sẽ đề nghị án treo nếu bị cáo là người "tốt", phải chăm sóc người phụ thuộc và phạm tội không nghiêm trọng. [197] Một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là việc người phạm tội nữ đang mang thai.[198] Nhóm nghiên cứu không rõ về quá trình thu thập thông tin của thẩm phán để quyết định mức án phù hợp. Tuy nhiên, quá trình mà thẩm phán tiếp cận các thông tin loại này vẫn chưa rõ ràng. Chúng tôi cũng không có thêm thống kê về thực tiễn kết án phân chia theo giới tính, dân tộc, tiền án, tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng.

[192] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự, số 19/2003/QH11, ngày 26 Tháng 11 năm 2003: Điều 58.
[193] Phỏng vấn Luật sư Nguyễn Hùng Quang, 15 tháng 11 năm 2012, Hà Nội.
[194] Phỏng vấn Luật sư Nguyễn Hùng Quang, 15 tháng 11 năm 2012, Hà Nội.
[195] Phỏng vấn Luật sự Tạ Thị Minh Lý VIJUSAP, 13 tháng 11 năm 2012, Hà Nội.
[196] Phỏng vấn CTGPL, 12 tháng 11 năm 2012, Hà Nội.
[197] Cuộc phỏng vấn với thẩm phán cấp huyện, 14 tháng 11 năm 2012, Hải Dương.
[198] Việt nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 Tháng 12 năm 1999: Điều 46.

Tiền sử bị lạm dụng cũng có thể được coi là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. [199] Trên phạm vi quốc tế, người ta ngày càng quan tâm tới mối liên hệ giữa hành vi phạm tội và tiền sử bị bạo hành và lạm dụng. [200] Ví dụ, cứ một trong ba phạm nhân nữ ở Anh cho biết trước kia đã bị lạm dụng tình dục, và hơn một nửa trong số đó bị lạm dụng trong gia đình. [201] Theo Bộ Luật hình sự Việt Nam, các cá nhân có quyền tự bảo vệ mình nhưng phải sử dụng vũ lực một cách hợp lý; và phụ nữ sát hại đối tác đã lạm dụng họ không được coi là đã hành động để tự vệ[202]. Theo ý kiến của một số cán bộ tư pháp, phụ nữ Việt Nam cam chịu hơn phụ nữ ở các nước khác và do đó việc sát hại chồng vẫn bị lên án trong xã hội này. [203] Các nhà chức trách cho biết trong trường hợp bạo lực gia đình, không phải lúc nào cũng rõ là phải buộc tội ai vì người vợ phải tấn công chồng để đáp trả lại hành vi bạo lực của anh ta. [204] Hiện vẫn chưa có chính sách hoặc tập huấn cho các cơ quan có liên quan về cách thức đánh giá ai là người gây sự trước trong những tình huống trên. [205]

Ngoài ra hiện cũng chưa rõ là ở Việt Nam có các hình phạt thay thế hoặc các biện pháp cải tạo không giam giữ được điều chỉnh theo giới hay không. Luật về nghĩa vụ công ích gần đây đã được bãi bỏ vì luật này vô hình chung yêu cầu tất cả công dân Việt Nam tham gia vào các hoạt động công ích bắt buộc. Với việc hủy bỏ luật này, các thẩm phán bị mất một lựa chọn kết án bằng lao động nghĩa vụ công ích[206]. Cũng không rõ liệu các biện pháp cải tạo không giam giữ có bao gồm các chương trình nhằm giải quyết các nguyên nhân phổ biến gây ra sự xung đột của phụ nữ với hệ thống tư pháp hình sự, chẳng hạn như tư vấn, điều trị, giáo dục, vv. Các nghiên cứu quốc tế cho thấy tình trạng phổ biến của các vấn đề sức khỏe tâm thần trong nhóm bị cáo nữ là một điều đáng lo ngại, đòi hỏi phải thúc đẩy mối quan hệ giữa tòa án và các cơ sở sức khỏe tâm thần. [207]

Bộ luật Hình sự[208]

[199] *Như trên.* Một trong các trường hợp được quy định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

[200] Hoa Kỳ, Bộ Tư pháp, Viện Tư pháp Quốc gia (1998). *Can phạm nữ: Nhu cầu đặc thù và cách tiếp cận triển vọng.* Washington, DC.

[201] Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự (2009). *Đưa giới vào công lý – từ Chính sách đến Thực tiễn: Báo cáo cuối cùng của Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự.* London: Fawcett Society. (Số liệu thống kê từ Bromley Briefings, tháng 12 năm 2008).

[202] Đôi khi được gọi là "hội chứng phụ nữ bị hành hạ"- ghi chú trong: Liên hợp quốc, Đại hội đồng (năm 2011). Nghị quyết A/RES/65/228 Tăng cường phòng ngừa tội phạm và ứng phó tư pháp hình sự với bạo lực đối với phụ nữ. Tham khảo tại: http://www.un.org/ga/search/view_doc.asp?symbol=A/RES/65/228

[203] Cuộc họp với các cán bộ của Bộ Tư pháp về ngày 16 tháng 11 năm 2012, Hà Nội.

[204] Thảo luận nhóm với công an, ngày 14 tháng 11 năm 2012, Hải Dương

[205] "Người chiếm ưu thế" hoặc "người gây sự trước" là người gây sự chính và chủ yếu. Cảnh sát phải xác định bên nào là người gây sự chính khiến nạn nhân phải tìm cách bảo vệ mình, do đó có thể quy trách nhiệm cho người phạm tội. Để xác định người gây sự chính, cảnh sát phải hiểu được động lực của bạo lực gia đình và xem xét bối cảnh của hành vi bạo lực bằng cách xác định hành vi kiểm soát của người gây sự chính và sự sợ hãi của nạn nhân. Tổ chức Vận động vì quền con người (2010). *Xác định người gây sự chính*. Tham khảo tại: http://www.stopvaw.org/determining_the_predominant_aggressor

[206] Cuộc họp với các đại diện Hội Phụ nữ trên 20 Tháng 11 năm 2012.

[207] Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự (2009). *Đưa giới vào công lý – từ Chính sách đến Thực tiễn: Báo cáo cuối cùng của Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự.* London: Fawcett Society. (Tháng 5 năm 2009).

[208] Trả lời chính thức của Bộ Công an tại Hội nghị chuyên gia ASEAN về việc thực hiện *Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ* (Bộ Quy tắc Băng-cốc) 19- 21 tháng 3 năm 2013. Bảng hỏi quốc gia -Việt Nam: Phụ lục 4.

Điều 45 quy định rằng khi quyết định hình phạt, Toà án căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.
Luật thi hành án hình sự[209]
Điều 4 quy định nguyên tắc thi hành án hình sự bao gồm (4) Kết hợp trừng trị và giáo dục cải tạo trong việc thi hành án; áp dụng biện pháp giáo dục cải tạo phải trên cơ sở tính chất và mức độ phạm tội, độ tuổi, giới tính, trình độ văn hoá và các đặc điểm nhân thân khác của người chấp hành án.

B. Phạm nhân nữ

<u>Bô Quy tắc Băng-cốc</u>

Phần này trình bày các quy định quan trọng của Bộ Quy tắc Băng-cốc và pháp luật Việt Nam liên quan đến phạm nhân nữ. Ngày càng có sự thừa nhận là phạm nhân nam và phạm nhân nữ có nhu cầu khác nhau do sự khác biệt sinh học (mang thai và nuôi con, nhu cầu vệ sinh) hoặc các vai trò mang tính xã hội (là người chăm sóc chính trong gia đình, nạn nhân của bạo lực giới). Bộ Quy tắc Băng-cốc nhằm đảm bảo điều kiện tốt hơn và an toàn hơn cho phụ nữ trong các nhà tù/trại giam, cũng như chế độ đối xử mang tính đặc thù về giới. Bộ Quy tắc Băng-cốc cho rằng khi xem xét các nhu cầu của can phạm nữ cần công nhận rằng phụ nữ không phải là một nhóm đồng nhất mà có nhu cầu khác nhau tùy theo kinh nghiệm và đặc trưng riêng của mỗi cá nhân. Theo nguyên tắc công bằng, nữ và nam tù nhân phải được đối xử công bằng và phù hợp theo nhu cầu khác nhau của họ.

Một số quốc gia đã phát triển các quy tắc riêng của họ về đối xử với các tù nhân nữ. Ví dụ, khi tiến hành đánh giá rủi ro ban đầu với người bị giam giữ, một số quốc gia đã yêu cầu sử dụng các câu hỏi bắt buộc liên quan đến kế hoạch chăm sóc con cái đối với các phụ nữ có con nhỏ phụ thuộc. [210] Ngoài ra họ cũng đã phát triển các văn bản hướng dẫn và các mô-đun đào tạo riêng biệt để giải quyết các vấn đề liên quan tới phụ nữ cho cảnh sát và các cơ quan ban hành lệnh tạm giam và tạm giữ khác[211].

Một số khía cạnh liên quan của Bộ Quy tắc Băng-cốc sẽ được trình bày dưới đây, mặc dù nhóm nghiên cứu chưa có đủ thông tin về việc thực thi các quy tắc này tại Việt Nam.

---

[208] Hội nghị chuyên gia ASEAN về việc thực hiện *Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ* (Bộ Quy tắc Băng-cốc) 19- 21 tháng 3 năm 2013. Bảng hỏi quốc gia -Việt Nam: Phụ lục 4.

[208] Việt Nam, Quốc hội, Bộ luật Hình sự, số 15/1999/QH10, ngày 21 tháng 12 1999. (Sửa đổi năm 2009: Việt Nam, Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, số 37/2009/QH12, ngày 29 tháng 6 năm 2009.)

[209] Luật thi hành án hình sự, số 53/2010/QH12, ngày 17/6/2010.

[210] Để biết thêm thông tin xem: Dịch vụ nhà tù Bắc Ireland. *Tiêu chuẩn giới đối với làm việc với phạm nhân nữ (2010).* Tham khảo tại http://www.dojni.gov.uk/index/ni-prison-service/nips-publications/policy_reports/gender_specific_standards_for_working_with_women_prisoners.pdf

[211] Reilly, Michael (2011). *Thanh tra trại giam: Tiêu chuẩn bổ sung đối với trại giam phạm nhân nữ tại Ai len.* Văn phòng Thanh tra trại giam Ailen.

Nhu cầu chăm sóc sức khỏe đặc thù về giới

Pháp luật Việt Nam đưa ra một số quy định liên quan tới nhu cầu đặc thù về vệ sinh và chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ (xem Phụ lục 1). Bộ Quy tắc Băng-cốc quy định rằng các đợt khám sức khỏe đầu vào và định kỳ cho tù nhân cần phải xác định các nhu cầu thiết yếu và tình trạng sức khỏe của từng cá nhân, chẳng hạn như các bệnh lây truyền qua đường tình dục, nhu cầu chăm sóc sức khỏe tâm thần, tiền sử sức khỏe sinh sản, tình trạng lệ thuộc ma túy, tiền sử bị lạm dụng và bạo lực tình dục. Tuy nhiên quyền bảo mật thông tin y tế và không phải khám sàng lọc liên quan đến tiền sử sức khỏe sinh sản cần phải được tôn trọng. [212] Bộ Quy tắc Băng-cốc nhấn mạnh rằng trừ tình huống phải có sự can thiệp y học khẩn cấp, phạm nhân nữ có thể yêu cầu được nữ bác sĩ hoặc nữ y tá khám hoặc điều trị. Nếu đề nghị của tù nhân không được đáp ứng và việc thăm khám được thực hiện bởi một nhân viên y tế là nam giới, quá trình thăm khám cần sự có mặt của một nhân viên nữ. Quy tắc này là rất quan trọng đối với phạm nhân nữ, đặc biệt là những người có tiền sử bị bạo lực và lạm dụng. Nhóm nghiên cứu không có đủ thông tin để đánh giá việc thực hiện Quy tắc này tại Việt Nam.

Luật thi hành án hình sự[213]
Điều 43 quy định rằng phạm nhân nữ được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh của phụ nữ. ***Điều 45 (1)*** Phạm nhân nữ có thai nếu không được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì được bố trí nơi ở hợp lý, được khám thai định kỳ hoặc đột xuất, được chăm sóc y tế trong trường hợp cần thiết; được giảm thời gian lao động, được hưởng chế độ ăn, uống đảm bảo sức khỏe. ***Điều 132*** quy định rằng học sinh nữ trong trường giáo dưỡng được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh cá nhân.
Nghị định 117 ban hành Quy chế quản lý phạm nhân và đồ ăn, mặc, ở, hoạt động thường nhật và chăm sóc y tế cho phạm nhân[214]
Điều 8 quy định về khẩu phần ăn cho phạm nhân với đồ ăn cho nữ phạm nhân và con họ. Trường hợp nữ phạm nhân sinh con trong trại giam được phát 7 m vải thường làm tã lót. Điều luật này cũng quy định rằng con của phạm nhân ở cùng cũng được cung cấp quần áo, khăn tắm, xà phòng, v.v… Điều 9 (2) quy định rằng với phạm nhân có con ở cùng, nơi ngủ sẽ rộng hơn và tốt hơn. Điều 16 (1) quy định khẩu phần ăn cho con của phạm nhân.
Nghị định 89 ban hành Quy chế tạm giữ, tạm giam[215]
Điều 26 quy định rằng người bị tạm giữ,tạm giam là nữ được cấp thêm một số tiền (tương đương 2 kg gạo tính theo thời giá thị trường ở từng địa phương) để mua những đồ dùng cần thiết cho vệ sinh phụ nữ.

Sắp xếp và giam giữ riêng các tù nhân

Quy tắc 4 của Bộ Quy tắc Băng-cốc quy định rằng phụ nữ cần được giam giữ tại các nhà tù/trại giam gần nơi họ cư trú[216]. Nhóm nghiên cứu không có dữ liệu về số lượng phạm nhân nữ của Việt

[212] Liên hợp quốc, Hội đồng Kinh tế và Xã hội, Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ (Bộ Quy tắc Băng-cốc), 22 tháng 7 2010, E/RES/2010/16: Quy tắc 6-18.
[213] Việt Nam, Luật thi hành án hình sự, Số. 53/2010/QH12, 17 tháng 6, 2010.
[214] Việt Nam, Nghị định 113/2008/ND-CP "Ban hành quy chế trại giam" ngày 28 tháng 10 năm 2008.
[215] Việt Nam, Nghị định 89/1998/ND-CP "Ban hành quy chế về tạm giữ, tạm giam" ngày 7 tháng 11, 1998.
[216] Liên hợp quốc, Hội đồng Kinh tế và Xã hội, *Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ* (Bộ Quy tắc Băng-cốc), 22 tháng 7 2010, E/RES/2010/16: Quy tắc 4.

Nam bị giam tại các trại giam nằm ngoài vùng cư trú của họ. Luật Thi hành Án hình sự yêu cầu giam giữ riêng các tù nhân căn cứ theo thời gian thi hành án, giới tính và tuổi tác. Như đã đề cập trong các phần trước, không có trại giam dành riêng cho phụ nữ ở Việt Nam, nhưng trong mỗi trại giam có buồng giam riêng biệt cho nam và phạm nhân nữ. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu không rõ là buồng giam nữ có tiếp tục được phân tách theo mức độ vi phạm và tuổi tác (người lớn/vị thành niên) hay không.

Quy tắc số 40 đến 47 trong Bộ Quy tắc Băng-cốc quy định rằng các ban quản lý nhà tù/trại giam phải xây dựng và thực hiện các phương pháp phân loại tù nhân phụ nữ, [217] ví dụ như thực hiện đánh giá rủi ro mang tính nhạy cảm giới, với lưu ý là phạm nhân nữ nhìn chung ít gây hại cho những người khác và cũng như lưu ý về tác hại của việc bị giam giữ tách biệt khỏi xã hội. [218] Nhóm nghiên cứu chưa đánh giá được liệu điều này được có được thực hiện trong các trại giam Việt Nam hay không.

Luật thi hành án hình sự[219]	
Điều 27	về tổ chức giam giữ phạm nhân theo mức án tù (trên 15 năm hoặc từ 15 năm trở xuống) quy định rằng phạm nhân nữ được giam giữ riêng. Luật cũng quy định thêm rằng phạm nhân nữ trong các trại tạm giam cũng được giam giữ riêng.
Điều 51	quy định rằng phạm nhân là người chưa thành niên được giam giữ theo chế độ riêng phù hợp với sức khỏe, giới tính và đặc điểm nhân thân.
Nghị định 117 ban hành Quy chế quản lý phạm nhân và đồ ăn, mặc, ở, hoạt động thường nhật và chăm sóc y tế cho phạm nhân[220]	
Điều 7	***(2)*** quy định rằng con của phạm nhân theo cha hoặc mẹ vào trại giam phải có giấy khai sinh. Trường hợp chưa có, cán bộ trại giam phải làm đăng ký khai sinh theo luật đăng ký khai sinh

Liên hệ với gia đình

Luật Việt Nam cho phép tất cả phạm nhân được gặp thân nhân một tháng một lần tại nơi gặp gỡ người nhà của trại giam với thời gian không quá một giờ. Trong một số trường hợp cải tạo tốt, thời gian gặp có thể lên đến 3 giờ. [221] Luật cũng đặc cách cho phép vợ hoặc chồng được ở lại qua đêm với phạm nhân tại "Phòng hạnh phúc". Phạm nhân được liên lạc điện thoại mỗi tháng một lần, mỗi lần không quá 5 phút và được gửi mỗi tháng 2 lá thư. [222] Tuy nhiên, không có các biện pháp cụ thể nào trong luật giúp làm giảm những bất lợi của phạm nhân nữ khi bị giam giữ xa nơi cư trú hoặc

[217] Liên hợp quốc, Hội đồng Kinh tế và Xã hội, *Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ* (Bộ Quy tắc Băng-cốc), 22 tháng 7 2010, E/RES/2010/16: Quy tắc 40-47.
[218] Liên hợp quốc, Hội đồng Kinh tế và Xã hội, *Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ* (Bộ Quy tắc Băng-cốc), 22 tháng 7 2010, E/RES/2010/16: Quy tắc 41.
[219] Việt Nam, Quốc hội, Luật Thi hành án Hình sự, số 53/2010/QH12, ngày 29 tháng 6.
[220] Nghị định 117/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức quản lý phạm nhân và chế độ ăn, mặc, ở, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm, 12 tháng 12 năm 2011.
[221] Việt Nam, Quốc hội, Luật Thi hành án Hình sự, số 53/2010/QH12, ngày 29 tháng 6, Điều 46(1).
[222] Việt Nam, Quốc hội, Luật Thi hành án Hình sự, số 53/2010/QH12, ngày 29 tháng 6, Điều 46(3).

tạo điều kiện để cho phép mẹ con được tiếp xúc gần gũi trong một môi trường cởi mở hơn. Luật cũng không có quy định về thủ tục hỏi ý kiến phạm nhân nữ về việc ai được phép vào thăm họ. Một quy định như vậy là cần thiết đối với những phạm nhân nữ từng bị bạo lực gia đình, đặc biệt với trường hợp do chồng gây ra. [223]

Phụ nữ có thai, đang cho con bú, và nuôi con nhỏ

Theo quy định của Bộ Quy tắc Băng-cốc, quyết định cho phép trẻ em ở cùng với mẹ trong trại giam phải được cân nhắc trên lợi ích tốt nhất cho đứa trẻ. Với đa số các vụ án ở Việt Nam, luật quy định hoãn chấp hành hình phạt tù đối với phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ. Tuy nhiên, trong trường hợp phụ nữ có thai và bà mẹ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi phải thi hành án tù[224], Luật Thi hành án Hình sự đã có hướng dẫn thực hiện với các trại giam. Hiện tại có 66 trẻ đang sống cùng mẹ trong các trại giam ở Việt Nam[225]. Phạm nhân nữ có con ở cùng trong trại giam sẽ được "tạo cơ hội tối đa có thể để dành thời gian cho con". Qua quan sát trong chuyến thăm trại giam Phú Sơn 4, trẻ có cơ hội sống trong một khu nhà tách biệt trong khuôn viên trại với mẹ, và người mẹ có thể dành thời gian rảnh rỗi sau giờ lao động hoặc cuối tuần với con mình. Cơ sở vật chất đơn sơ nhưng sạch sẽ và rộng rãi hơn buồng giam.

Luật thi hành án hình sự[226]	
Điều 45	Chế độ đối với phạm nhân nữ có thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi 1. Phạm nhân nữ có thai nếu không được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì được bố trí nơi ở hợp lý, được khám thai định kỳ hoặc đột xuất, được chăm sóc y tế trong trường hợp cần thiết; được giảm thời gian lao động, được hưởng chế độ ăn, uống bảo đảm sức khoẻ. 2. Phạm nhân nữ có thai được nghỉ lao động trước và sau khi sinh con theo quy định của Bộ luật lao động. Trong thời gian nghỉ sinh con, phạm nhân được bảo đảm tiêu chuẩn, định lượng ăn theo chỉ dẫn của y sĩ hoặc bác sĩ, được cấp phát thực phẩm, đồ dùng cần thiết cho việc chăm sóc trẻ sơ sinh. Phạm nhân nữ nuôi con dưới 36 tháng tuổi được bố trí thời gian phù hợp để chăm sóc, nuôi dưỡng con. 3. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục đề nghị đăng ký khai sinh cho con của phạm nhân. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phạm nhân chấp hành án có trách nhiệm đăng ký và cấp giấy khai sinh. 4. Phạm nhân nữ có con từ 36 tháng tuổi trở lên phải gửi con về cho thân nhân nuôi dưỡng. Trường hợp con của phạm nhân không có thân nhân nhận nuôi dưỡng, thì trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, phải đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi

[223] Liên hợp quốc, Hội đồng Kinh tế và Xã hội, *Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ* (Bộ Quy tắc Băng-cốc), 22 tháng 7 2010, E/RES/2010/16: Quy tắc 26-28.

[224] Đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng mà nơi cư trú rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ những trường hợp sau đây: a) Bị can, bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã; b) Bị can, bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng tiếp tục phạm tội hoặc cố ý gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra, truy tố, xét xử; c) Bị can, bị cáo phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ cho rằng nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

[225] Cuộc họp nhóm chuyên gia ASEAN về triển khai *Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ* (Bộ Quy tắc Băng-cốc). Bảng hỏi quốc gia - Việt Nam 19-21/3/2013, Phụ lục 4

[226] Việt Nam, Quốc hội, Luật Thi hành án hình sự, số. 53/2010/QH12, 29/6/ 2010.

	phạm nhân chấp hành án chỉ định cơ sở bảo trợ xã hội tiếp nhận, nuôi dưỡng. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải chỉ định cơ sở bảo trợ xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, nuôi dưỡng. Người chấp hành xong án phạt tù được nhận lại con đang được cơ sở bảo trợ xã hội nuôi dưỡng. 5. Trại giam phải tổ chức nhà trẻ ngoài khu giam giữ để chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là con của phạm nhân dưới 36 tháng tuổi và con của phạm nhân từ 36 tháng tuổi trở lên trong thời gian chờ làm thủ tục đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội.

Các biện pháp kỷ luật hà khắc

Luật của Việt Nam quy định không áp dụng các biện pháp kỷ luật hà khắc như cùm chân đối với phụ nữ và người chưa thành niên.[227] Luật cũng không quy định các hình phạt như cấm liên lạc với gia đình hoặc biệt giam đối với phụ nữ có thai, đang cho con bú hoặc nuôi con nhỏ. [228]

Khiếu nại và thanh tra

Ở Việt Nam, Vụ 4 thuộc Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao chịu trách nhiệm kiểm soát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù. Vụ có các giám sát viên là nữ chịu trách nhiệm giám sát điều kiện sống và chế độ đối xử với phạm nhân nữ, bao gồm kiểm tra cơ sở hạ tầng của trại giam, nơi ăn ở và điều kiện lao động của phạm nhân. Vụ 4 có quyền kiến nghị bằng văn bản đến các cơ quan chức năng để sửa đổi những quy định liên quan đến phạm nhân nữ. Vụ cũng có thể hỗ trợ phạm nhân nữ trong quá trình xin giảm án khi họ bị bệnh nặng. Bộ Quy tắc Băng-cốc quy định rằng những người báo cáo là bị lạm dụng ngay lập tức phải được bảo vệ, hỗ trợ và tư vấn, và vụ việc phải được điều tra bí mật bởi các cơ quan độc lập và có chức năng.

Mãn hạn sớm, kết thúc thời gian thi hành án và tái hòa nhập cộng đồng

Mặc dù phụ nữ phải đối mặt với nhiều vấn đề tương tự như với nam giới khi ra tù, số lượng và mức độ nhu cầu của họ có thể rất khác biệt. Phụ nữ có xu hướng bị phân biệt đối xử sau khi ra tù do những định kiến về giới. Họ có thể bị gia đình chối bỏ hoặc mất quyền làm mẹ do sự kỳ thị xã hội. Nếu họ từ bỏ một mối quan hệ do bị bạo hành, người phụ nữ sẽ phải xây dựng một cuộc sống mới với nhiều khó khăn về kinh tế, xã hội và pháp lý, bên cạnh những khó khăn của việc hòa nhập với cuộc sống bên ngoài trại giam.

Nữ phạm nhân cũng gặp phải những vấn đề rất khác so với nam giới nếu gia đình tan vỡ trong thời gian thi hành án tù. Phụ nữ có thể gặp nhiều khó khăn hơn nam giới trong việc tìm nhà và việc làm, tiếp cận các nguồn phúc lợi và dành lại quyền nuôi con. Cựu phạm nhân nữ cần hỗ trợ thêm sau khi ra trại, chẳng hạn như trợ giúp về tâm lý, y tế, luật pháp và trợ giúp thực tế để đảm bảo quá

[227] Việt Nam, Quốc hội Điều 38 Luật thi hành án hình sự và điều 36 Nghị định 113.

[228] Liên hợp quốc, Hội đồng Kinh tế và Xã hội, *Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ* (Bộ Quy tắc Băng-cốc), 22 tháng 7 2010, E/RES/2010/16: Quy tắc 22-24 của Bộ Quy tắc Băng-cốc cấm cả hai hình phạt trên do sự nhạy cảm về giới.

trình tái hòa nhập xã hội thành công. Một mối quan tâm lớn của phụ nữ khi quay lại cộng đồng là việc sum họp với con cái. Hội Liên hiệp Phụ nữ cho biết, nếu được đề nghị, họ sẽ hỗ trợ cựu phạm nhân nữ khi họ trở lại cộng đồng. [229] Dự án giữa tổ chức phi chính phủ X-CONS của Thụy Điển và Hội luật sư Việt Nam (HHLSVN) đã xây dựng Trung tâm Tư vấn pháp luật tái hòa nhập cộng đồng (CRES).[230] Trung tâm là nơi tư vấn pháp lý và việc làm (bao gồm cả tư vấn học nghề) cho phạm nhân hoàn lương, tuy nhiên nhóm nghiên cứu không rõ là có chương trình dành riêng cho phụ nữ hay không.

Trong khi Quy tắc 69 của Bộ Quy tắc Tiêu chuẩn Tối thiểu của Liên hợp quốc về Đối xử với Phạm nhân yêu cầu đối xử theo nhu cầu cá nhân của phạm nhân, thì các chính sách và chương trình hỗ trợ chuẩn bị trước và sau khi ra tù được xây dựng chủ yếu xoay quanh nhu cầu của nam giới và hầu như chưa giải quyết những nhu cầu đặc thù của nữ phạm nhân. Chương trình Quốc gia Phòng chống tội phạm giai đoạn 2012-2015 đề ra mục tiêu là ít nhất 60% số đối tượng vi phạm pháp luật hình sự, người được đặc xá tha tù được bảo lãnh, giúp đỡ, cảm hóa, giáo dục tiến bộ tại cộng đồng dân cư.[231] Quyết định phóng thích cần phải tính đến trách nhiệm chăm sóc con cái của phạm nhân nữ cũng như nhu cầu đặc thù của họ về tái hòa nhập cộng đồng. Dự án 5 của Chương trình phòng chống tội phạm có một mục tiêu là mở rộng và nâng cao chất lượng, hiệu quả của dạy nghề cho phạm nhân. Kế hoạch này bao gồm việc đào tạo nghề hàng năm cho 28.600 phạm nhân, với danh mục nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội gồm: xây dựng dân dụng, mộc dân dụng, sửa chữa công nghiệp, dệt len và chiếu, may công nghiệp và thủ công, tin học văn phòng.[232] Ở Việt Nam, có một xu hướng rõ ràng là phạm nhân nữ được giao việc và dạy nghề liên quan đến các công việc của "nữ giới" và phù hợp với phụ nữ như may mặc, dệt, hàng thủ công, mỹ nghệ hoặc đan lát.[233]

Luật Thi hành án hình sự[234]	
Điều 29	(2) quy định rằng phạm nhân nữ được bố trí làm những công việc phù hợp với giới tính, sức khỏe và độ tuổi; không làm công việc nặng nhọc, độc hại thuộc danh mục cấm sử dụng lao động nữ.
Điều 51	quy định rằng phạm nhân là người chưa thành niên được giam giữ theo chế độ riêng phù hợp với sức khỏe, giới tính và đặc điểm nhân thân (3) quy định với phạm nhân vị thành niên, quản giáo phân công việc phù hợp lứa tuổi, giới tính và điều kiện sức khỏe. Những phạm nhân này không phải làm công việc nặng hoặc độc hại nằm trong danh sách công việc bị cấm thuê mướn lao động vị thành niên.
Nghị định 80 quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp	

[229] Gặp gỡ với đại diện của Hội Phụ nữ, 20 Tháng 11 năm 2012, Hà Nội
[230] Đây là một dự án nhằm hỗ trợ cựu tù nhân ở Thụy Điển và Việt Nam xây dựng lại cuộc đời sau khi ra trại để trở thành những công dân tốt và không tái phạm. Trung tâm tại Hà Nội mở cửa ngày 27 tháng 4, 2012 và Dự án sẽ thực hiện trong 2 năm từ tháng 10 năm 2011 cho đến tháng 9 năm 2013.
[231] Quyết định của Thủ tướng "Phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống tội phạm giai đoạn 2012-2015".
[232] *Như trên*.
[233] Xem Phụ lục 4
[234] Việt Nam, Quốc hội, Luật Thi hành án hình sự, số 53/2010/QH12, 29 tháng 6 năm 2010.

hành xong án phạt tù[235]	
Điều 7	quy định về tư vấn cho phạm nhân sắp chấp hành xong án phạt tù
Điều 8	đề cập đến định hướng nghề nghiệp, nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm cho phạm nhân sắp chấp hành xong án phạt tù.
Luật Đặc xá[236]	
Điều 10	quy định đề nghị đặc xá khi phạm nhân chấp hành tốt quy chế, nội quy của trại giam và đã chấp hành hơn 1/3 thời gian của hình phạt tù và có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, bản thân là lao động duy nhất trong gia đình, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gia đình người đó cư trú.

C. Phụ nữ bị buộc tội vi phạm hành chính

Ở nhiều nước, mại dâm là một vấn đề mang tính chất giới và gây tranh cãi. Việc thực hiện luật mại dâm ở các nước thường mang tính phân biệt đối xử đối với phụ nữ và duy trì các định kiến giới khi kỳ thì phụ nữ.[237] Ở Việt Nam, người bán dâm được coi là những người gây tệ nạn xã hội, và do đó rất bị kỳ thị. [238] Hiện nay, còn thiếu các nghiên cứu và phân tích về giới đối với việc xử phạt hành vi phạm tội liên quan đến mại dâm (cả hình sự và hành chính), đặc biệt là về những người bị khởi tố và sự phân biệt đối xử với phụ nữ bán dâm.

Ở Việt Nam, các tội danh liên quan đến mại dâm, chẳng hạn như chứa chấp mại dâm, môi giới dâm và mua dâm người chưa thành niên được quy định trong điều 254-256 của Bộ luật Hình sự. Pháp lệnh về Phòng chống mại dâm (Pháp lệnh về Mại dâm) quy định rằng phụ nữ bán dâm sẽ bị xử phạt hành chính. Trước thời điểm 1/7/2013, phụ nữ bán dâm, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường hay thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc (Trung tâm "05"). Tuy nhiên, theo Nghị quyết về việc thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính, phê chuẩn vào tháng 7/2013, quy định này đã được xóa bỏ. [239] Đây là một bước tiến quan trọng trong nỗ lực của Chính phủ nhằm làm giảm kỳ thị của xã hội đối với phụ nữ làm nghề mại dâm. Theo những thông tin thu thập được, nhằm góp phần thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính, Bộ Công an đang xây dựng dự thảo Nghị định 06 trong đó có quy định về xử phạt đối với các phụ nữ bị buộc tội bán dâm. [240] Hiện nay, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh về Phòng chống Mại dâm quy định phạt hành chính từ 100.000 đến 1.000.000 đồng đối

[235] Việt Nam, Nghị định 80/2011/ND-CP ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù.
[236] Việt Nam, Quốc hội, Luật đặc xá (số 07/2007/QH12), 5 tháng 12 năm 2007.
[237] Hoa Kỳ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Phòng ngừa Tội phạm và Tư pháp Vị thành niên (2010). *Nguyên nhân và mối tương quan trong hành vi phạm tội của trẻ em gái.* Washington, DC.
[238] Việt Nam, Pháp lệnh về Phòng chống Mại dâm, Số 10/2003/PL-UBTVQH11, ngày 17 tháng 3 năm 2003
[239] Điều 2: Kể từ ngày ban hành Luật Xử lý vi phạm hành chính: 1. không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và không đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với người bán dâm. Người có hành vi mại dâm bị xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật. Quốc hội. Lệnh số 17/2012/LCTN công bố Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Xử lý Vi phạm Hành chính. Tháng 7 năm 2012.
[240] Quyết định của Thủ tướng về việc ban hành Kế hoạch triển khai và Danh mục nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính số 1473/QĐ-TTg, ngày 5 tháng 10 năm 2012 .

với phụ nữ bị buộc tội bán dâm. [241] Tuy nhiên, vẫn chưa rõ quan điểm về giới sẽ được áp dụng như thế nào trong việc quản lý xử phạt hành chính sắp tới đối với phụ nữ tham gia hoạt động mại dâm, như trong các quy định về mức tiền phạt đối với người mua và bán dâm, khả năng nộp phạt của người bán dâm và việc tái hòa nhập những phụ nữ bán dâm bị giam giữ trước đây vào cộng đồng.

Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học Giới, Gia đình, Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA) đã tiến hành một nghiên cứu sơ bộ để hiểu rõ hơn các khó khăn với các phụ nữ làm nghề mại dâm và sự hỗ trợ cần thiết để họ có thể tái hòa nhập cộng đồng. [242] Những phụ nữ này dễ bị tổn thương bởi một số lý do, bao gồm quá khứ bị bạo lực, lạm dụng và lệ thuộc ma túy do chủ chứa mại dâm bắt dùng. Họ cũng có nhiều nguy cơ quay trở lại hoạt động mại dâm hoặc bị buôn bán nhằm mục đích này[243]. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đang xây dựng mô hình can thiệp giảm hại và hỗ trợ tái hòa nhập xã hội cho phụ nữ tham gia hoạt động mại dâm, bao gồm đào tạo nghề, hỗ trợ tái hòa nhập, tạo cơ hội việc làm, và các chương trình giáo dục hiện đang được thí điểm tại 44 trong số 63 tỉnh thành của Việt Nam. [244] Bộ đang trong quá trình xây dựng chính sách mới đối với phụ nữ tham gia hoạt động mại dâm và người sử dụng ma túy. [245] Hội Phụ nữ Việt Nam đang hỗ trợ tư vấn cho các phụ nữ tham gia hoạt động mại dâm và người sử dụng ma túy, và giúp họ phát triển kỹ năng và tìm kiếm việc làm. Hội Phụ nữ cũng đang chờ hướng dẫn của Chính phủ về cách thức hỗ trợ cho 900 học viên trước đây của "Trung tâm 05 " được thả từ mồng 1 tháng Bảy năm 2013. Tuy nhiên, qua thời gian mới đánh giá được ảnh hưởng của việc đóng cửa "Trung tâm 05" đối với các phụ nữ tham gia hoạt động mại dâm nằm trong và ngoài hệ thống tư pháp hình sự.

PHẦN II: NHU CẦU, KHOẢNG TRỐNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Tiến hành nghiên cứu và phân tích sâu hơn để xây dựng các chính sách và các chương trình nhạy cảm giới dựa trên bằng chứng

Một trong những thách thức lớn trong việc thực hiện đánh giá này là thiếu hệ thống dữ liệu toàn diện về vấn đề phụ nữ vi phạm pháp luật tại Việt Nam. Ngoài ra, rất nhiều các dữ liệu hiện có hiện chưa được công bố. Nếu không tiếp cận được các dữ liệu đầy đủ, thì khó có thể hiểu và đánh giá toàn diện tình hình phụ nữ vi phạm pháp luật hình sự và hành chính.

Do đó, khuyến nghị đầu tiên của nhóm nghiên cứu là phải thu thập các thông tin mang tính định tính và định lượng về việc áp dụng các thủ tục, bao gồm Bộ Quy tắc Băng-cốc và trải nghiệm của phụ nữ vi phạm pháp luật khi tương tác với hệ thống tư pháp (hình sự và hành chính). Các thông

[241] Điều 18 Xử lý vi phạm hành chính về hành vi tình dục được quy định trong Điều 23 của Pháp lệnh Phòng chống mại dâm: Người có hành vi mại dâm thì bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng trong trường hợp quan hệ tình dục với nhiều người cùng một lúc. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng trong trường hợp bán dâm có tính chất chất đồi trụy.
[242] Họp với CSAGA ngày 19 tháng 11, 2012.
[243] Như trên
[244] BLĐTBXH. Báo cáo về thực trạng và kết quả thực hiện hoạt động phòng chống mại dâm năm 2012 và kế hoạch năm 2013. 24 tháng 1 năm 2013.
[245] Họp với BLĐTBXH, 15 tháng 11 năm 2012, Hà Nội.

tin cần thu thập bao gồm cách thức tiến hành bắt giữ, khả năng tiếp cận tư vấn và trợ giúp pháp lý, kết án, bao gồm cả các biện pháp không giam giữ, đánh giá rủi ro, an toàn của phụ nữ trong trại giam, và tái hòa nhập cộng đồng sau khi mãn hạn tù. Các dữ liệu phải có độ tin cậy cao, có thể kiểm chứng và phân tách giới, được phân tích từ góc độ giới để hiểu rõ trải nghiệm của phụ nữ trong từng giai đoạn của quá trình tư pháp và đánh giá việc thực thi pháp luật và chính sách hiện hành. Kết quả phân tích cần được sử dụng để làm căn cứ cho quá trình xây dựng pháp luật, chính sách và các chương trình nhạy cảm về giới, đảm bảo đối xử công bằng và phù hợp với phụ nữ vi phạm pháp luật, và làm căn cứ cho danh mục các vấn đề nghiên cứu trong thời gian tới. Nhóm nghiên cứu cũng đề nghị tăng cường phân tích về giới khi xem xét khung pháp luật hiện hành.

Khuyến nghị này bao gồm việc học hỏi các thực hành quốc tế tốt nhất về giải quyết các vấn đề phụ nữ vi phạm pháp luật, và vận dụng chúng vào bối cảnh của Việt Nam. Ví dụ, "Tiêu chuẩn cụ thể về giới đối với nhà tù dành cho nữ" của Vương quốc Anh là một tài liệu toàn diện hướng dẫn về các nhu cầu khác nhau của các nhóm phụ nữ (phụ nữ trẻ tuổi, người già, dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật, phụ nữ có con, người nước ngoài, phụ nữ có án tù chung thân) trong môi trường bị giam giữ. [246] Một ví dụ khác là " Thanh tra trại giam: Tiêu chuẩn bổ sung đối với trại giam phạm nhân nữ tại Ai len" được xây dựng nhằm cung cấp các hướng dẫn cho trại giam tại Ailen và quản lý dựa trên thực hành tốt nhất đối với hoạt động giam giữ phạm nhân nữ và quản lý trại giam dành cho nữ. [247] Văn bản hướng dẫn cụ thể và các công cụ thực tế về giới sẽ rất hữu ích cho các cơ quan tư pháp hình sự và góp phần tăng trách nhiệm áp dụng các thực hành tốt trong lĩnh vực này.

2. Cải thiện việc thực thi các chính sách và pháp luật hiện hành

Do thiếu các dữ liệu cần thiết, nhóm nghiên cứu đã không thể đánh giá toàn diện việc thực hiện pháp luật và chính sách hiện hành. Xây dựng cơ sở bằng chứng (theo khuyến nghị ở trên) là bước đầu tiên để xác định khoảng trống giữa chính sách và thực tế, và cách thức giải quyết vấn đề này, ví dụ thông qua đào tạo, nâng cao nhận thức, xây dựng năng lực cho các cán bộ trong ngành tư pháp và phân bổ đầy đủ nguồn lực. Chúng tôi đề nghị ưu tiên hoạt động tăng cường năng lực của nhân viên trong hệ thống tư pháp hình sự, bao gồm cán bộ, nhân viên trại giam và cơ quan thanh tra, để có một cách tiếp cận nhạy cảm về giới, và áp dụng các tiêu chuẩn và chuẩn mực quốc tế có liên quan, bao gồm Công ước CEDAW và Bộ Quy tắc Băng-cốc. [248] Một trong những đề xuất là lồng ghép vấn đề giới trong chương trình giảng dạy của Học viện Tư pháp thuộc Bộ Tư pháp và cơ sở đào tạo khác có liên quan.

Việc thực hiện pháp luật và các chính sách liên quan đến hệ thống tư pháp hình sự cần được theo dõi và đánh giá đầy đủ và chia sẻ thông tin với các bên liên quan.

[246] Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự (2009). *Đưa giới vào công lý – từ Chính sách đến Thực tiễn: Báo cáo cuối cùng của Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự.* London: Fawcett Society.

[247] Reilly, Michael (2011). *Thanh tra trại giam: Tiêu chuẩn bổ sung đối với trại giam phạm nhân nữ tại Ai len.* Văn phòng Thanh tra trại giam Ailen.

[248] UNODC đã tổ chức các cuộc họp vào năm 2013 để giải thích các quy tắc trong Bộ Quy tắc Băng-cốc cho các cơ quan chính phủ liên quan của Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương.

3. Phê chuẩn Công ước chống Tra tấn và Trừng phạt hoặc Đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo làm mất phẩm giá khác (CAT)

Nhóm nghiên cứu được biết Chính phủ Việt Nam đang xem xét phê chuẩn Công ước CAT.

4. Hỗ trợ tái hòa nhập của các cựu phạm nhân và người bị giam giữ vào cộng đồng

Trong môi trường trại giam, cần phải xây dựng các chương trình tái hòa nhập xã hội với sự nhìn nhận và hiểu biết đúng về động lực giới của xã hội Việt Nam. Bên cạnh đó, hoạt động đào tạo nghề cho các nữ phạm nhân nên tránh đào sâu định kiến giới bằng cách cung cấp các chương trình xây dựng kỹ năng trong mọi lĩnh vực, thay vì các lĩnh vực truyền thống được coi là thích hợp với phụ nữ.

Cần đưa ra các biện pháp toàn diện để tái hòa nhập xã hội hiệu quả các học viên trước đây của các trung tâm giáo dục bắt buộc (" Trung tâm 05"). Chính phủ, phối hợp với Hội Phụ nữ và các tổ chức xã hội dân sự, nên xem xét việc thiết lập một kế hoạch quản lý hoặc hỗ trợ cộng đồng cho học viên được sau khi rời trung tâm.

KẾT LUẬN

Đánh giá này cho thấy các chuẩn mực giới được thừa nhận có thể tác động tới trải nghiệm của phụ nữ với hệ thống tư pháp hình sự. Một cách tiếp cận nhạy cảm giới là cần thiết để đảm bảo đáp ứng các nhu cầu đặc thù của phụ nữ vi phạm pháp luật khi tương tác với hệ thống tư pháp hình sự. Những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc đóng cửa các "trung tâm 05" đối với các phụ nữ tham gia vào hoạt động mại dâm là rất đáng khen ngợi. Mặc dù chưa đánh giá được đầy đủ sự tuân thủ của Chính phủ Việt Nam với Bộ Quy tắc Băng-cốc, nhóm nghiên cứu khuyến nghị rằng Việt Nam nên xem xét các quy tắc này trong quá trình cải tạo hệ thống trại giam. Chương tiếp theo sẽ nghiên cứu trải nghiệm của phụ nữ làm việc trong hệ thống tư pháp hình sự.

CHƯƠNG 3: PHỤ NỮ LÀM VIỆC TRONG HỆ THỐNG TƯ PHÁP HÌNH SỰ

PHẦN I: TỔNG QUAN VÀ PHÂN TÍCH

Như đã phân tích trong hai chương trước, trải nghiệm của phụ nữ trong hệ thống tư pháp hình sự, từ cương vị là nạn nhân và người phạm tội, bị ảnh hưởng bởi các chuẩn mực và định kiến giới xuất phát từ tính chất gia trưởng của xã hội Việt Nam. Phụ nữ làm việc trong lĩnh vực tư pháp hình sự không nằm ngoài các khó khăn đó. Cán bộ, nhân viên nữ chiếm thiểu số trong lĩnh vực này và phải đối mặt với nhiều rào cản tại nơi làm việc, từ thiếu cơ hội thăng tiến để bị quấy rối tình dục. Hầu hết các phụ nữ làm việc trong lĩnh vực tư pháp hình sự nắm giữ các vị trí thấp, và có ít khả năng và ảnh hưởng đến việc ra quyết định. Tuy nhiên, trên bình diện pháp luật phụ nữ có quyền có cơ hội bình đẳng, [249] và cần có đại diện tương ứng trong tất cả các ngành nghề. Ngoài ra, những phụ nữ tham gia vào hệ thống tư pháp hình sự, cho dù là nghi phạm, người phạm tội, nạn nhân hoặc nhân chứng rất đa dạng, do vậy cơ cấu cán bộ, nhân viên tư pháp hình sự cần phải phản ánh sự đa dạng này. Chương Ba sẽ tìm hiểu một số thách thức chủ yếu đối với phụ nữ làm việc trong hệ thống tư pháp hình sự và lý do thiếu lãnh đạo nữ trong lĩnh vực này cũng như các khuyến nghị để cải thiện thực trạng trên.

1. Khung pháp lý

Việt Nam đã tham gia ký kết nhiều điều ước quốc tế, trong đó có Công ước Xóa bỏ mọi hình thức ngược đãi đối với phụ nữ (CEDAW)[250] và Công ước liên quan tới Phân biệt Đối xử về Việc làm và Nghề nghiệp (Công ước số 111) [251]. Việt Nam cũng đã thông qua một số luật và chính sách nhằm tăng cường bình đẳng giới. Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới và nghĩa vụ pháp lý của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động của mình. [252] Luật quyết định thành lập Vụ Bình đẳng giới thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội để làm đầu mối thực hiện Luật và triển khai Chiến lược quốc gia và Chương trình hành động về bình đẳng giới. [253] Chiến lược quốc gia và Chương trình Hành động đề ra các chỉ tiêu liên quan tới việc phụ nữ tham gia lãnh đạo và quản lý. [254] Nghị định 48 quy định chi tiết thực hiện Luật Bình đẳng giới, nêu rõ lao động nữ cần phải chiếm ít nhất 30% lực lượng lao động. [255] Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm phối hợp với các bộ ngành liên quan ban hành quy định về tỷ lệ lãnh đạo nữ.

---

[249] Liên hợp quốc, Đại hội đồng, *Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ*, 14 tháng 12 năm 1990, A/RES/45/124, Điều 7 quy định xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối với phụ nữ trong đời sống chính trị và công cộng. Cả CEDAW và ICCPR đều tuyên bố, phụ nữ phải được hưởng các quyền con người và các quyền tự do trên cơ sở bình đẳng với nam giới.

[250] Liên hợp quốc, Đại hội đồng, *Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ*, 14 tháng 12 năm 1990, A/RES/45/124.

[251] Tổ chức Lao động Quốc tế, Công ước liên quan tới Phân biệt Đối xử về Việc làm và Nghề nghiệp, *C111,* ngày 25 tháng 6 năm 1958, C111, Tham khảo tại: http://www.refworld.org/docid/3ddb680f4.html

[252] Việt nam, Quốc hội, Luật về Bình đẳng giới, Số. 73/2006/QH11, ngày 12 tháng 12 năm 2006: Điều 19(1)(e).

[253] Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới trong giai đoạn 2011-2015 được phê duyệt năm 2011, cùng với Chương trình Hành động Quốc gia về Bình đẳng giới 2011-2020.

[254] Ngân hàng thế giới (2006). *Đánh giá quốc gia giới ở Việt Nam*. Hà Nội.

[255] Việt Nam, Nghị định Quy định về các biện pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới Số. 48/2009/ND-CP, ngày 19 tháng 5 năm 2009: Điều 16.

Chiến lược Quốc gia đặt ra một số mục tiêu như sau về sự tham gia của phụ nữ trong vai trò lãnh đạo và quản lý: a) 30% đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là phụ nữ trong nhiệm kỳ 2011-2015, và trên 35% trong nhiệm kỳ 2016-2020; b) 25% đại biểu Đảng bộ các cấp là phụ nữ trong nhiệm kỳ 2016-2020, và c) các cơ quan và tổ chức Chính phủ duy trì ít nhất 30% lãnh đạo nữ. [256] Chương trình quốc gia cũng bao gồm những hoạt động cụ thể nhằm tăng cường lãnh đạo phụ nữ ở các cơ quan hành chính và lập pháp các cấp, và đại biểu nữ tham gia ứng cử trong cuộc bầu cử năm 2016.[257] Ngoài ra, cũng có một số Nghị quyết của Bộ Chính trị, Đảng Cộng sản chỉ đạo việc thực hiện và giám sát các luật, bao gồm Nghị quyết số 11 ngày 27 tháng Tư 2007, trong đó đặt mục tiêu tối thiểu là 35% đến 40% phụ nữ tham gia Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2020 .

Do lĩnh vực tư pháp hình sự bao gồm các cơ quan thuộc chính phủ, lĩnh vực này cần thực hiện theo các mục tiêu và thực hiện các chỉ tiêu nói trên. Mỗi cơ quan, tổ chức tư pháp hình sự có một Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ (Ban VSTBPN) là nơi hướng dẫn thi hành luật và kế hoạch hành động để thúc đẩy sự tiến bộ của phụ nữ các cấp trong các lĩnh vực tương ứng của họ. Các Ban VSTBPN được điều phối bởi Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ, là cơ chế nhà nước chịu trách nhiệm chính thức về thúc đẩy bình đẳng giới và báo cáo trực tiếp cho Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, mỗi cơ quan nhà nước có một nhóm làm việc về các vấn đề của phụ nữ được kết nối với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nhằm thúc đẩy bình đẳng giới.

Bình đẳng giới đôi khi đòi hỏi phải quy định các biện pháp đặc biệt để giúp phụ nữ vượt qua sự bất bình đẳng về cơ cấu. [258] Mặc dù khung luật pháp không hướng dẫn cụ thể bình đẳng thực chất là gì và nó khác gì với bình đẳng danh nghĩa nhưng một số biện pháp cũng thừa nhận rằng bất bình đẳng giới thường ăn sâu và được thể chế hóa, vì vậy việc đối xử một cách giống nhau giữa nam giới và nữ giới có thể gây bất lợi và khắc sâu thêm sự phân biệt đối xử. Luật Bình đẳng giới và Nghị định 49 quy định một số "biện pháp đặc biệt" để thúc đẩy sự tiến bộ của phụ nữ ở nơi làm việc. Ví dụ, nữ giới được quyền lựa chọn và ưu tiên khi "họ có đủ điều kiện và tiêu chuẩn như nam giới", lao động nữ cần được đào tạo để nâng cao năng lực, và lao động nữ có con nhỏ phải được hỗ trợ

[256] Việt Nam, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong giai đoạn 2011-2020, Số. 2351/QD-TTg, 24 tháng 12.

[257] Việt Nam, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia về bình đẳng giới trong giai đoạn 2011-2015, Số 1241/QD-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011.

[258] Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc thừa nhận rằng " […]nguyên tắc bình đẳng đôi khi đòi hỏi các quốc gia thành viên cần có biện pháp tích cực nhằm xóa bỏ các điều kiện là nguyên nhân hoặc góp phần kéo dài tình trạng phân biệt đối xử vốn đã bị cấm trong Công ước [Quốc tế] về [Các Quyền Chính trị và Dân sự]. Ví dụ, ở một quốc gia nơi mà các điều kiện nói chung của một bộ phân dân chúng có thể cản trở việc thụ hưởng các quyền con người của họ, quốc gia đó nên tiến hành hành động cụ thể nhằm cải thiện điều kiện đó. Những hành động như vậy có thể liên quan đến việc cho phép một bộ phận dân chúng cụ thể trong một giới hạn thời gian nào đó được hưởng một số ưu đãi trong một số vấn đề cụ thể so với bộ phận dân chúng còn lại. Tuy nhiên, chừng nào mà những hành động như vậy còn cần thiết thực chất là nhằm để chống lại sự phân biệt đối xử, đó là trường hợp phân biệt hợp pháp, hợp lý theo Công ước"." Liên Hợp Quốc, Ủy Ban Nhân Quyền (1989). *Bình luận chung số 18 Công ước về các quyền dân sự và chính trị: Không phân biệt đối xử.* http://www.refworld.org/docid/453883fa8.html

để có thể tham gia đào tạo, bồi dưỡng. [259] Tuy nhiên, luật không có hướng dẫn cụ thể về việc giải quyết các nhu cầu của phụ nữ đang làm việc, những người phải gánh trách nhiệm chính trong chăm sóc con cái và quán xuyến việc nhà, cũng như việc xác định lại tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm để phụ nữ không bị bất lợi trong các hoạt động này.

Mỗi cơ quan tư pháp hình sự đã có chính sách và kế hoạch hành động riêng. Ví dụ:
Quyết định 438 của Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao về thúc đẩy bình đẳng giới trong ngành công tố[260]
Quyết định này đề ra các mục tiêu về vị trí quản lý và lãnh đạo đến năm 2015: • Tăng tỷ lệ nữ trong cấp ủy đảng lên trên 25%. • Đảm bảo 90% tổng số các cơ quan trực thuộc Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao có nữ lãnh đạo, quản lý. • Yêu cầu tối thiểu 30% kiểm sát viên là nữ. Quyết định này cũng đặt ra một số mục tiêu để cải thiện chất lượng nguồn nhân lực nữ tới năm 2015: • 25-30% tổng số cán bộ và công chức nữ có bằng sau đại học. • Tối thiểu 40% học viên tham gia các lớp tập huấn là nữ. Quyết định cũng yêu cầu nghiên cứu các quy định về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm và đánh giá nhằm xem xét tác động về giới, sửa đổi và xây dựng một kế hoạch tổng thể để giải quyết các tác động tiêu cực đối với nữ.
Thông tư 07 hướng dẫn đảm bảo bình đẳng giới trong tổ chức cán bộ và hoạt động trợ giúp pháp lý[261]
Cơ quan quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý có trách nhiệm: • Tuyển chọn, thu hút người có khả năng để đảm bảo có đầy đủ hai giới trong đội ngũ lãnh đạo, trợ giúp viên pháp lý và viên chức pháp lý của Trung tâm và Chi nhánh. • Xây dựng các biện pháp khuyến khích để thu hút đảm bảo cân bằng tỉ lệ giới trong đội ngũ cộng tác viên trợ giúp pháp lý. Về đào tạo: • Hàng năm tập huấn nâng cao nhận thức về bình đẳng giới. • Phụ nữ và nam giới đều bình đẳng về cơ hội và điều kiện thuận lợi tham gia vào các lớp tập huấn. • Ưu tiên cử cán bộ nữ, đặc biệt là nữ giới người dân tộc thiểu số đi đào tạo bồi dưỡng. • Trong trường hợp nữ giới có điều kiện, tiêu chuẩn ngang bằng như nam giới mà tỷ lệ nữ đang thấp thì ưu tiên chọn nữ giới. Báo cáo hàng năm về kết quả công tác bình đẳng giới: • Cơ cấu phân chia theo giới số lượng cán bộ lãnh đạo, trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên trợ giúp pháp lý. • Đánh giá năng lực của người thực hiện trợ giúp pháp lý đối với các vụ việc trợ giúp pháp lý liên quan đến bình đẳng giới.

[259] Việt Nam, Quốc hội, Luật về Bình đẳng giới, Số. 73/2006/QH11, ngày 12 tháng 12 năm 2006: Điều 19(1)(e). Việt Nam, Nghị định Quy định về các biện pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới Số. 48/2009/ND-CP, ngày 19 tháng 5 năm 2009: Điều 16.

[260] Bình đẳng giới 2011-2015 trong ngành công tố (được ban hành theo quyết định số 438/QD-VKSTC ngày 29/9/2011 bởi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao).

[261] Thông tư 07/2011/TT-BTP "Hướng dẫn đảm bảo bình đẳng giới trong tổ chức cán bộ và hoạt động trợ giúp pháp lý".

Bối cảnh xã hội

Mặc dù đã có tiến bộ về luật pháp, chính sách và các mục tiêu đề ra nhằm tăng cường cơ hội việc làm cũng như bổ nhiệm lãnh đạo nữ, quá trình thực hiện các luật và chính sách này trong lĩnh vực tư pháp còn hạn chế. Đã có sự gia tăng số lượng nữ cán bộ, đặc biệt là ở cấp thấp, nhưng các vị trí cao hơn và một số công việc như công an, kiểm sát viên và thẩm phán chủ yếu vẫn do nam giới nắm giữ. Nghiên cứu quốc tế khuyến nghị cần có số lượng rất đông cán bộ nữ để thay đổi thực tế thiếu bình đẳng giới hiện có. [262] Đạt được cân bằng giới là một yếu tố quan trọng để tạo ra sự thay đổi đáng kể trong cách tiếp cận các vấn đề tư pháp. Vì thế, việc đặt ra chỉ tiêu nên được nhìn nhận như mục tiêu tối thiểu cần đặt được và là biện pháp đặc biệt khẳng định sự quyết tâm giải quyết vấn đề phân biệt đối xử với phụ nữ đã tồn tại lâu trong các cơ quan này. Tuy nhiên, cũng cần đánh giá đúng các thách thức và rào cản mà cán bộ nữ phải đối mặt để có thể cải tổ hệ thống. Một trở ngại lớn đối với sự thăng tiến nghề nghiệp của phụ nữ là thái độ của nam giới. Một nghiên cứu của Viện nghiên cứu gia đình và giới (IFGS) nhận định rằng phụ nữ cần sự ủng hộ của gia đình, đặc biệt là của người chồng, để có thể thăng tiến trong công việc.

Ví dụ, nhiều người đàn ông không hài lòng nếu người vợ giữ vị trí cao hơn hay "vượt trội " hơn họ, bởi vì họ được xã hội giao cho vai trò trụ cột gia đình hoặc người chủ gia đình. Nam giới không phải đối mặt với những thách thức tương tự để phát triển nghề nghiệp.[263]

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NỮ CÔNG TÁC TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP HÌNH SỰ
Thẩm phán[264]
Tòa án nhân dân tối cao Lãnh đạo: nữ giới 0% Vụ, Cục: 25% là nữ (theo thông tin từ cuộc họp với Tòa án nhân dân tối cao, năm 2012 con số là 10%) Thẩm phán: 29% là nữ (theo thông tin từ cuộc họp với Tòa án nhân dân tối cao, năm 2012 con số là 27%)
Cấp tỉnh Giám đốc Sở Tư pháp: 6% là nữ (theo thông tin từ cuộc họp với Tòa án nhân dân tối cao, con số này không thay đổi trong năm 2012) Phó Giám đốc Sở Tư pháp: 16% là nữ Thẩm phán: 33% là nữ (theo thông tin từ cuộc họp với Tòa án nhân dân tối cao, con số năm 2012 là 18-19%)
Cấp huyện Trưởng Phòng Tư pháp: 16% là nữ (theo thông tin từ cuộc họp với Tòa án nhân dân tối cao thì con số này không thay đổi trong năm 2012) Phó Phòng Tư pháp: 24% là nữ Thẩm phán: 33% là nữ (theo thông tin từ cuộc họp với Tòa án nhân dân tối cao, con số năm 2012 là 25%)
Viện kiểm sát[265]

[262] Hunt, Swanee (2003). Vai trò then chốt của phụ nữ vận động cho hòa bình. *Tạp chí Luật xuyên quốc gia Columbia,* Tập. 41, Số.3. tr.562.

[263] Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới (2008). *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam 2006.* Hà Nội: BVHTT&DL và UNICEF.

[264] Số liệu của năm 2007, trích từ: JOPSO, NH Quang & Cộng sự (2008). *Báo cáo Khảo sát về Đảm bảo bình đẳng giới trong Hệ thống tòa án ở Việt Nam và trong các hoạt động xét xử*. Hà Nội. Số liệu năm 2012 được cung cấp bằng miệng trong cuộc họp vơi TANDTC, ngày 15 tháng 11 năm 2012, Hà Nội.

[265] Số liệu được cung cấp trong cuộc họp với VKSNDTC, 20 tháng 11 năm 2012, Hà Nội.

Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao Lãnh đạo: dưới 12% là nữ Kiểm sát viên cấp cao: 10% là nữ Cán bộ: trên 30% là nữ
Cấp tỉnh Kiểm sát viên: 10-12% là nữ Khoảng 22-25% cán bộ chuyên môn và cán bộ kỹ thuật là nữ
Công an[266]
Điều tra viên hình sự: dưới 1% là nữ Công an làm việc trực tiếp tại cộng đồng: rất ít nữ Sinh viên tuyển vào các học viện cảnh sát: 10% là nữ
Tổng cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm Số nhân viên: 10% là nữ (7% là cán bộ chuyên trách và 3% là cán bộ hỗ trợ)
Cán bộ ngành trại giam[267]
Cán bộ trại giam: 12,2% là nữ (1.087 nữ cán bộ) [268] Người đứng đầu phòng/bộ phận: 5% là nữ
Luật sư[269]
Luật sư: 30% là nữ
Trợ giúp pháp lý[270]
Cục trợ giúp pháp lý Cục trưởng và các phó cục trưởng: 0% là nữ Người đứng đầu các phòng / bộ phận: 60% là nữ Nhân viên: 66% là nữ
Cấp tỉnh Nhân viên: dao động từ 30% cho đến 50% là nữ

A. Rào cản với phụ nữ làm việc trong ngành tư pháp hình sự

Định kiến về giới

Như đã nói ở trên, định kiến giới là vấn đề phổ biến và áp đặt quan niệm về những công việc được coi là phù hợp với phụ nữ. Điều này góp phần tạo ra sự coi thường hoặc đánh giá thấp năng lực và trình độ của phụ nữ, và ngược lại hạn chế cơ hội tiếp cận các vị trí lãnh đạo và ra quyết định của họ. Quan niệm cho rằng phụ nữ là "yếu" và cần được đối xử đặc biệt là một điều phổ biến và phản ánh một thái độ bảo thủ lỗi thời ở Việt Nam. Một tham luận của Bộ Tư pháp tại cuộc Đối thoại chính sách về Lồng ghép giới gần đây chỉ ra số lượng các quy định pháp luật có yêu cầu đối xử đặc

[266] Số liệu năm 2012 được cung cấp trong cuộc họp với BCA, ngày 23 tháng 11 năm 2012 và phỏng vấn công an, ngày 14 tháng 11 năm 2012, Hải Dương.

[267] Phần lớn thông tin được cung cấp trong cuộc họp với Vụ 4, VKSNDTC, ngày 23 tháng 11 năm 2012, Hà Nội.

[268] Hội nghị chuyên gia ASEAN về việc thực hiện *Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ* (Bộ Quy tắc Băng-cốc) 19- 21 tháng 3 năm 2013. Bảng hỏi quốc gia -Việt Nam: Phụ lục 4.

[269] NH Quang & Cộng Sự (2011). *Luật sư chỉ định theo pháp luật tố tụng hình sự và thực tiễn tại Việt Nam.* Hà Nội: Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc. Theo liên đoàn luật sư Việt Nam, trong số 5076 luật sư, 1516 là nữ.

[270] Số liệu thống kê được cung cấp qua phỏng vấn với Cục Trợ giúp Pháp lý 2011. Theo số liệu của Cục Trợ giúp pháp lý cung cấp tháng 6 năm 2013: Cục trưởng và các Phó cục trưởng chiếm……%

biệt với lao động nữ, chẳng hạn như chế độ nghỉ thai sản. Báo cáo còn cho biết "có nhiều văn bản pháp luật khác quan tâm đặc biệt đến nhóm yếu thế trong xã hội, trong đó phụ nữ chiếm một tỷ lệ lớn". Báo cáo này cũng cho thấy quan niệm về phụ nữ là "phái yếu " là phổ biến trong các cơ quan chính phủ. Có thể coi phụ nữ cần được đối xử đặc biệt do đặc tính sinh học như sinh sản (nghỉ thai sản và nuôi con bằng sữa mẹ) và do các phân biệt mang tính cơ cấu lịch sử, tuy nhiên nếu từ đó coi tất cả phụ nữ là "nhóm yếu thế" sẽ góp phần duy trì quan niệm phân biệt giới tính trong xã hội.

Xuất phát từ các quan niệm trên, phụ nữ thường được sắp xếp vào một số đơn vị hoặc giao làm một số công việc dựa trên giới tính mà không tính đến khả năng của từng cá nhân. Điều này được coi là cách đối xử ưu đãi để "bảo vệ phụ nữ" khỏi các công việc nặng nhọc. Ví dụ, nhiều cán bộ cảnh sát nữ mới được tuyển dụng thường được giao cho làm các việc như lưu trữ, cấp chứng minh thư, đăng ký xe, các việc hậu cần và tổ chức hội nghị thay vì các công việc tại hiện trường như đáp ứng các cuộc gọi khẩn cấp hoặc thẩm vấn nghi phạm. [271] Một số cán bộ cho rằng đây là cách đối xử ưu đãi và đặc biệt với cán bộ nữ. Cách sắp xếp cán bộ nữ như vậy khiến họ khó có cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp, kết quả là các vị trí cấp cao hầu như do nam giới đảm nhận. Đáng chú ý, chưa đến 1% các điều tra viên hình sự là nữ giới, [272] không có nữ giám thị trại giam và có rất ít phó giám thị là nữ. Kiểm sát viên thực hiện khám nghiệm hiện trường và giám sát trại giam và trại cải tạo chủ yếu là nam giới. Điều này khớp với kết quả báo cáo của Ngân hàng thế giới, trong đó ghi nhận rằng trong cơ cấu Chính phủ Việt Nam, nam giới chiếm đa số trong các cơ quan luật, tư pháp, kinh tế, ngoại giao và tài chính (khoảng 85-92%) trong khi nữ giới thường được gắn với các cơ quan "nhẹ nhàng hơn" như văn hóa, giáo dục, thanh thiếu niên và các vấn đề xã hội (nhưng vẫn chỉ chiếm khoảng 28 và 37%).[273] Vẫn còn có tư tưởng bảo thủ cho rằng phụ nữ không đủ năng lực để đảm nhận các công việc trên, mặc dù thực tế, phụ nữ và nam giới bình đẳng về năng lực.

Các chuẩn mực do nam giới định ra

Việc nam giới chiếm ưu thế trong các cơ quan tư pháp hình sự dẫn tới việc nam giới định ra các nguyên tắc ứng xử trong tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ nữ. Khả năng làm việc thường bị nam giới phán xét theo các tiêu chuẩn với nam giới mà ít khi tập trung vào các năng lực cần có để tiến hành công việc. Ví dụ, nhóm nghiên cứu được giải thích lý do có ít hoặc không có nữ điều tra viên hình sự là do công việc đó được coi là "quá nặng" hay "quá khó" đối với nữ giới. [274] Cách suy nghĩ này tập trung vào sức mạnh thể chất hơn là yêu cầu cần có để đảm đương công việc, như khả năng thu thập và phân tích bằng chứng, phỏng vấn nạn nhân và nhân chứng, và thẩm vấn nghi phạm. Cách suy nghĩ này khiến phụ nữ khó có thể chứng minh bản thân dựa trên các tiêu chuẩn do nam giới định ra. Các thẩm phán được phỏng vấn cũng có quan điểm tương tự về năng lực đảm nhận công việc thẩm phán của nữ giới, theo đó phụ nữ khó có khả năng chịu áp lực công việc và không có phong thái cần thiết của một thẩm phán. [275] Một số thẩm phán cho rằng, phụ nữ nhạy cảm hơn

[271] Phỏng vấn công an, ngày 14 tháng 11 năm 2012, Hải Dương.
[272] Số liệu năm 2012 được cung cấp bằng miệng trong cuộc họp với BCA, ngày 23 tháng 11 năm 2012 và phỏng vấn công an, ngày 14 tháng 11 năm 2012, Hải Dương.
[273] Ngân hàng thế giới (2011). Việt Nam: *Đánh giá Giới tại Việt Nam.* Hà Nội.
[274] *Như trên.*
[275] Phỏng vấn các Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao Xem phụ lục 3

nam giới, do đó nữ thẩm phán dễ bị tổn thương bởi các chỉ trích của xã hội đối với lời tuyên án của họ. Theo quan điểm của một số nam thẩm phán, khối lượng công việc xét xử hiện nay là "quá nặng" đối với nữ thẩm phán tại một số tòa án. [276] Họ khuyến nghị rằng công việc thẩm phán cần được phân bổ dựa trên yếu tố giới. Tuy nhiên, quan điểm này mang nặng tính phân biệt giới vì các nữ thẩm phán hoàn toàn có đủ khả năng để làm mọi công việc liên quan của thẩm phán.

Quan niệm như trên của các cán bộ công an và thẩm phán phản ánh định kiến đã ăn sâu về giới, có thể tác động tới hoạt động của cán bộ nữ tại nơi làm việc và thậm chí làm cản trở quá trình thực thi nhiệm vụ của họ. Như đã đề cập trong Chương Hai, các luật sư phải quan hệ tốt với các cá nhân trong các cơ quan tư pháp hình sự để xin giấy chứng nhận bào chữa, truy cập hồ sơ vụ án hoặc để được phép gặp bị can. Họ thường phải dựa vào các mối quan hệ, quen biết cá nhân với các điều tra viên và công tố viên để thực hiện các nhiệm vụ trên. Nữ luật sư bào chữa thường ở thế bất lợi trong hệ thống này vì họ thiếu mạng lưới quen biết và quan hệ cá nhân để hỗ trợ công việc một cách hiệu quả. [277] Một cuộc khảo sát về bình đẳng giới trong hệ thống tòa án cho thấy nghĩa vụ của phụ nữ đối với gia đình hạn chế khả năng phát triển "vốn xã hội" của nữ thẩm phán, một điều cần thiết để thăng tiến trong Đảng và trong các tòa án. Phụ nữ phải làm các công việc nhà không được trả lương bên cạnh công việc ở cơ quan, nên họ không có cơ hội phát triển "vốn xã hội" thông qua các tiếp xúc, gặp gỡ xây dựng mạng lưới giống như nam giới sau giờ làm việc.

Việc đối xử thiếu bình đẳng với cán bộ nữ là một điều đáng tiếc vì nữ giới có thể đóng góp những quan điểm và kỹ năng riêng biệt cho các cơ quan tư pháp hình sự. Ví dụ, sự hiện diện của nữ cảnh sát cũng có thể giúp cải thiện sự đáp ứng của các cơ quan thực thi pháp luật đối với các tội phạm liên quan đến tình dục và bạo lực gia đình vì các nạn nhân nữ thường thấy thoải mái hơn khi nói chuyện với các nữ cảnh sát. [278] Các nữ cảnh sát thường được yêu cầu tham gia các nhóm điều tra về các vụ bạo lực gia đình để thực hiện việc thăm khám nạn nhân.

Các nghiên cứu cho thấy việc tăng tỷ lệ phụ nữ trong các cơ quan thực thi pháp luật, đặc biệt ở các vị trí quản lý, giúp làm thay đổi môi trường và văn hóa của tổ chức, làm giảm sự phân biệt đối xử đối với nữ công an cũng như việc sử dụng họ không đúng mức. [279] Nguy cơ quấy rối tình dục cũng giảm đi. Những sự cải thiện này tạo ra một môi trường làm việc thân thiện hơn, đem lại ích lợi cho cả nam lẫn nữ công an cũng như những người có "va chạm" với hệ thống tư pháp hình sự.

Trách nhiệm chăm sóc con cái và gia đình

Ngoài các định kiến về giới, phân công trách nhiệm theo giới đã được thể chế hóa, theo đó trách nhiệm chăm sóc con cái và gia đình [280] và xây dựng gia đình hạnh phúc trước hết là của phụ nữ.

[276] Phỏng vấn các Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao Xem phụ lục 3
[277] Phỏng vấn Ông Nguyễn Hùng Quang, ngày 20 tháng 11 năm 2012, Hà Nội.
[278] Cơ quan Phụ nữ Liên Hợp Quốc (2011). *Sự tiến bộ của phụ nữ thế giới 2011-2012: Theo đuổi công lý.* New York.
[279] Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (2007). *Tiên phong về giới và Quản trị Dân chủ #2: Xây dựng chương trình về Bình đẳng giới và Tư pháp: Tiếp cận bình đẳng về Công lý cho Phụ nữ.* New York.
[280] Ngân hàng thế giới (2011). Việt Nam: *Đánh giá Giới tại Việt Nam.* Hà Nội.

Với quan niệm con hư tại mẹ, người chồng có thể ngăn cản vợ mình theo đuổi sự nghiệp, [281] và người phụ nữ phải tập trung vào việc làm mẹ thay vì đầu tư cho sự nghiệp.

Nghiên cứu cho thấy phụ nữ Việt Nam phải gánh trách nhiệm kép – vừa phải làm việc nhà (vai trò tái sản xuất) vừa phải tạo ra thu nhập (vai trò sản xuất) trong khi xã hội không mong đợi đàn ông phải làm việc nhà.[282] Trách nhiệm kép này cản trở khả năng phát triển sự nghiệp của phụ nữ bởi vì làm việc trong hệ thống tư pháp hình sự thường đòi hỏi cần phải làm việc trong nhiều giờ đồng hồ, làm ca kíp, xử lý công việc đột xuất hoặc đi công tác. Chẳng hạn, đối với bất cứ người nào có trách nhiệm phải chăm sóc con cái thì làm việc quá giờ để tiến hành một vụ bắt giam hoặc đến ngay hiện trường một vụ phạm tội bao giờ cũng khó khăn hơn. Ở Việt Nam, đây là vấn đề của phụ nữ hơn là của nam giới. Những quan điểm như vậy về vai trò của phụ nữ trong gia đình có thể ảnh hưởng đến sự nghiệp của phụ nữ.

Chỉ tiêu, Lãnh đạo và Ra quyết định

Mặc dù có luật pháp, chính sách mạnh, Việt Nam vẫn chưa đạt được các chỉ tiêu quốc gia về việc làm và vai trò lãnh đạo của phụ nữ. Những nỗ lực tập trung vào các khu vực có ít phụ nữ tham gia như vị trí cao trong chính quyền địa phương, công ty nhà nước, công đoàn, công an, quân đội và các ngành khác chưa hoàn toàn thành công. Mặc dù chỉ tiêu đặt ra là phụ nữ chiếm 30-35% các vị trí lãnh đạo, hầu hết các địa phương không thể tìm đủ phụ nữ có thể đáp ứng được các tiêu chí đặt ra. Một cán bộ ngành công an được phỏng vấn cho nghiên cứu này đã đưa ra một ví dụ cho thấy chỉ tiêu, hạn mức có thể gây hại cho các cán bộ nữ, đó là: một số đơn vị ngành công an đã đạt được chỉ tiêu ngành về số lượng cán bộ nữ rồi (10%) ví dụ như bộ phận kinh tế, khi đăng tuyển các vị trí mới, chỉ nhận hồ sơ của các ứng viên nam. Các ứng viên nữ mặc dù có khả năng cũng không được xem xét.[283] Những hoạt động mang nặng tính hình thức như vậy dường như không đem lại tác động tốt. Chỉ đặt ra chỉ tiêu, hạn mức mà không giải quyết tình trạng phân biệt đối xử về giới mang tính thể chế cũng sẽ không thể đảm bảo bình đẳng giới được.[284]

Những phụ nữ giữ vai trò lãnh đạo thường phụ trách các lĩnh vực được coi là "phù hợp với tính nữ" ví dụ như ngành giáo dục, y tế, xã hội, thanh niên hay dân tộc thiểu số, trong khi sự có mặt của họ trong các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, an ninh, quốc phòng chỉ ở mức tối thiểu. Phụ nữ giữ

[281] "Liên quan đến phụ nữ, cần phải thực hiện tốt pháp luật và chính sách về bình đẳng giới để bồi dưỡng, đào tạo nghề, tăng cường giáo dục; xây dựng cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia nhiều hơn vào lãnh đạo và quản lý các cơ quan ở các cấp, các ngành; để chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em, để tạo điều kiện cho phụ nữ thực hiện tốt chức năng làm mẹ, xây dựng gia đình giàu mạnh, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc". Kỷ yếu của Đại hội toàn quốc lần thứ 9 của Đảng Cộng sản Việt Nam (2001)

[282] Tỉ lệ nữ tham gia vào lực lượng lao động: hơn 85% phụ nữ thành thị và 95% phụ nữ nông thôn tham gia vào lực lượng lao động. Trong khi đó một phần ba cho đến gần một nửa nam giới thành thị (tuổi từ 25 – 64) không làm việc nhà gì. Nam giới nông thôn có xu hướng làm việc nhà nhiều hơn nam giới thành thị một chút. Ngân hàng thế giới (2011). *Đánh giá Giới tại Việt Nam*. Hà Nội.

[283] Phỏng vấn cán bộ công an nữ ngày 14 tháng 11 năm 2012 tại Hải Dương.

[284]Một quan ngại về chỉ tiêu, hạn mức là phụ nữ có thể được bổ nhiệm mà không đạt được các năng lực, phẩm chất cần thiết và điều này thực sự sẽ có tác động tiêu cực đến sự tiến bộ của phụ nữ nói chung trong tương lai. Chỉ tiêu, hạn mức có thể tạo ra những quan điểm tiêu cực trong phụ nữ và các nhà lãnh đạo trong khi không giúp giải quyết được nguyên nhân gốc rễ của bình đẳng giới. Quan điểm về chỉ tiêu, hạn mức này được nêu ra trong: 2010. Báo cáo của các tổ chức phi chính phủ về việc thực hiện CEDAW tại Việt Nam. Hà Nội: Mạng lưới Giới và Phát triển Cộng đồng (GENCOMNET)

các vị trí lãnh đạo cấp địa phương cũng rất hạn chế, thậm chí hạn chế hơn cấp trung ương. Hơn nữa, các vị trí mà phụ nữ nắm giữ trong chính quyền địa phương thường là cũng không mang tính chiến lược và họ thường không được giao những trọng trách như của nam giới có cùng vị trí. Kết quả là, tiếng nói và ảnh hưởng của phụ nữ trong quá trình ra quyết định và chính sách trong lĩnh vực tư pháp hình sự tiếp tục hạn chế.

Tuổi nghỉ hưu

Hiện tại ở Việt Nam, tuổi nghỉ hưu chủ yếu được quy định trọng Luật Lao động [285] và Luật Bảo hiểm xã hội[286], trong đó nêu rõ tuổi nghỉ hưu đối với nam giới và phụ nữ là khác nhau (55 đối với nữ và 60 đối với nam). Chính sách này được đưa ra như là một phần thưởng và nhằm bù đắp cho nhiều gánh nặng mà phụ nữ phải gánh vác. Tuy nhiên, trên thực tế, chính sách này lại đang có những tác động tiêu cực đối với các phụ nữ đang làm việc. Quy định phụ nữ nghỉ hưu sớm hơn nam giới không chỉ làm chấm dứt sớm sự nghiệp của phụ nữ, mà còn ảnh hưởng đến các cơ hội được đào tạo và thăng tiến trong sự nghiệp của họ.[287] Khoảng cách về tuổi nghỉ hưu giữa nam và nữ cũng như phụ nữ có xu hướng kết hôn sớm hơn nam giới và có trách nhiệm lớn hơn trong việc chăm sóc gia đình, con cái đã làm rút ngắn khoảng thời gian mà phụ nữ có thể có để tiếp thu kinh nghiệm, bồi dưỡng năng lực cần thiết để có thể phát triển lên các vị trí cao hơn. Chủ sử dụng lao động có thể lưỡng lự khi tuyển nữ giới vì họ có tuổi lao động ngắn hơn. Như vậy, nam giới không chỉ có tuổi lao động dài hơn để phát triển năng lực của mình mà ở những giai đoạn sau của sự nghiệp, số đồng nghiệp nữ có thể cạnh tranh với họ sẽ chỉ còn rất ít. Kết quả là thiếu các ứng viên nữ cho nhiều vị trí cao hơn. Rõ ràng là sự khác biệt trong tuổi nghỉ hưu giữa nam và nữ đã tạo ra sự phân biệt đối xử trực tiếp đối với phụ nữ, và điều này không thể chấp nhận được nhìn từ quan điểm của CEDAW.

Thăng tiến

Tuổi nghỉ hưu sớm hơn so với nam giới có tác động quan trọng tới cơ hội thăng tiến cho phụ nữ, nhưng một số các yếu tố mô tả trên đây cũng ảnh hưởng tới cơ hội phát triển của phụ nữ. Nếu phụ nữ có ít cơ hội đào tạo, phát triển các kỹ năng, họ sẽ có ít cơ hội được bổ nhiệm các vị trí cao hơn, và như vậy đội ngũ cán bộ nữ có đủ năng lực để cạnh tranh với nam giới ở các vị trí cao cũng thưa thớt đi.[288] Nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới cho thấy định kiến và những khuôn mẫu về giới có thể làm ảnh hưởng đến đánh giá công việc của cán bộ nữ .[289] Thay vì sử dụng các tiêu chí đánh giá chuyên nghiệp, khách quan, nhân viên nữ thường bị đánh giá hà khắc hơn so với nhân viên nam, và theo các tiêu chí mà nam giới định ra. Để được thăng tiến, cán bộ thường cần phải tham gia một khóa đào tạo chuyên sâu sau khi đã có đủ kinh nghiệm làm việc cũng như học vấn

[285] Việt Nam, Quốc hội, Luật Lao động, số 10/2012/QH13, ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012

[286] Việt Nam, Quốc hội, Luật Bảo hiểm xã hội, số 71/2006/QH11, ngày 12 tháng 7 năm 2006

[287] Ngân hàng Thế giới (2011). Đánh giá giới tại Việt Nam. Hà Nội. Vấn đề này cũng được thảo luận trong: 2010. Báo cáo của các tổ chức phi chính phủ về việc thực hiện CEDAW tại Việt Nam. Hà Nội: Mạng lưới Giới và Phát triển Cộng đồng (GENCOMNET). Ví dụ Quyết định số 04/2006/QD-BNV ra ngày 25 tháng 1 năm 2006 quy đinh mỗi người "sau khi đào tạo về còn thời gian phục vụ trong cơ quan nhà nước tối thiểu 10 năm", có nghĩa là tuổi tối đa để phụ nữ có thể tham gia các khóa đào tạo tập huấn ở nước ngoài là dưới 40 còn nam giới là dưới 45. Nguyên nhân chính là tuổi về hưu của nữ sớm hơn nam 5 năm. Vì vậy, quyền được có cơ hội bình đẳng trong tham chính của phụ nữ đã bị vi phạm.

[288] *Đã dẫn.*

[289] Ngân hàng Thế giới (2011). Đánh giá giới ở Việt Nam. Hà Nội

phù hợp. Văn hóa làm việc quá giờ cũng có thể được xem là một tiêu chuẩn ngầm để được đề bạt lên vị trí cao hơn. Tất cả những tiêu chí này có thể phân biệt đối xử với phụ nữ. Ví dụ, do những vai trò giới mà xã hội định ra, phụ nữ có con nhỏ có thể không tham gia được một khóa học nào đó xa nhà. Bởi vì nhiều phụ nữ thường bị "đóng đinh" trong một số loại hình công việc cụ thể, họ có thể không có được kinh nghiệm làm việc phù hợp để được thăng tiến. Hơn nữa, phụ nữ cũng không được trao các "danh hiệu" trong thời gian nghỉ thai sản – vốn thường được trao cho những người có thời gian cống hiến liên tục - và do đó có thể không đạt được đủ các danh hiệu để có thể được bổ nhiệm vị trí cao hơn.

Một số ngành trong hệ thống tư pháp hình sự cũng đòi hỏi lãnh đạo phải là đảng viên, có nghĩa là sự phát triển nghề nghiệp vừa có mối liên hệ tới sự thể hiện năng lực chuyên môn vừa có mối liên hệ tới yếu tố Đảng chính trị. Các vị trí lãnh đạo trong các cơ quan Chính phủ phần lớn là Đảng viên. Do đó, có thể nói rằng việc phụ nữ có vai trò như thế nào trong Đảng có hệ lụy quan trọng đến vai trò của họ trong các vị trí lãnh đạo nói chung. [290] Theo Báo cáo Đánh giá của Ngân hàng Thế giới, tỉ lệ phụ nữ nắm giữ các vị trí lãnh đạo đang giảm đi. Tỉ lệ phụ nữ giữ các vị trí Bộ trưởng hoặc tương đương giảm từ 12% trong giai đoạn 2002-2011 xuống còn 4,5% trong giai đoạn 2011-2016. Mặc dù xu hướng này có vẻ khả quan hơn đối với các cơ quan dân cử cấp thấp nhưng nhìn chung tỉ lệ phụ nữ tham gia các vị trí lãnh đạo vẫn thấp. Báo cáo Đánh giá của Ngân hàng Thế giới cũng chỉ ra rằng trình độ học vấn của lãnh đạo nữ nhìn chung là cao hơn so với lãnh đạo nam ở cấp xã. Điều này cho thấy là có thể là phụ nữ cần phải có học vấn cao hơn nam giới thì mới nhận được sự ủng hộ của các Đảng viên cơ sở.[291]

Quấy rối tình dục

Quấy rối tình dục và các hình thức phân biệt đối xử trên cơ sở giới khác có ảnh hưởng bất lợi đối với phụ nữ và làm giảm các cơ hội của họ, cũng như vi phạm các quyền cơ bản của họ tại nơi làm việc. Một đánh giá nhanh do ILO và BLĐTBXH tiến hành[292] chỉ ra rằng tình trạng quấy rối tình dục tại nơi làm việc diễn ra khá phổ biến ở Việt Nam và chủ yếu là ảnh hưởng đến phụ nữ. Bộ Luật Lao Động mới sửa đổi đã nghiêm cấm hành vi này,[293] và ILO và chính phủ đang có kế hoạch xây dựng và thực hiện các hướng dẫn chi tiết, áp dụng đối với cả lĩnh vực tư pháp hình sự.[294] Tuy nhiên, Bộ luật không nêu định nghĩa cụ thể cho khái niệm quấy rối tình dục và việc không hiểu thống nhất khái nhiệm này là một vấn đề cần giải quyết. Ví dụ, các thông tin sẵn có cho thấy, trong ngành Kiểm Sát cũng như là Tòa Án Nhân Dân Tối Cao hầu như không có trường hợp quấy rối tình dục nào được báo cáo, và do vậy các cơ quan này không thấy cần thiết phải có các quy định nội bộ nhằm chống lại các loại hành vi này. Mặc dù nhóm nghiên cứu không thể thu thập được các thông tin về mức độ và bản chất của các hành vi quấy rối tình dục cụ thể trong lĩnh vực tư pháp hình sự,

[290] Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (2009) trích dẫn trong: Ngân hàng Thế giới (2011). Đánh giá Giới ở Việt Nam. Hà Nội.
[291] Ngân hàng Thế giới (2011). Đánh giá Giới ở Việt Nam. Hà Nội
[292] Bộ Lao động Thương binh Xã hội, Tổ chức Lao động Quốc tế (2013). Quấy rối tình dục tại nơi làm việc tại Việt nam: Tổng quan về khuôn khổ pháp lý. Hà Nội.
[293] Việt Nam. Quốc hội. Bộ Luật Lao Động số 10/2012/QH13, ngày 18 tháng 6 năm 2012, điều 8
[294] Tổ chức Lao Động Quốc Tế (2012): Chương trình Việc làm bền vững giai đoạn 2012 – 2016. Hà Nội.

điều đó không đảm bảo chắc chắn rằng nơi làm việc ở trong lĩnh vực này có khác biệt lớn so với các nơi làm việc khác ở Việt Nam.

PHẦN II: NHU CẦU, KHOẢNG TRỐNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Nghiên cứu và phân tích thêm nhằm xây dựng các chính sách và chương trình có nhạy cảm giới dựa trên thực chứng

Phần lớn các thông tin trong Chương này của Báo cáo là thông tin trao đổi có được từ đại diện một số ban ngành như Tòa án, Viện kiểm sát, Công an và cơ quan trợ giúp pháp lý. Do đó, cần thu thập một cách hệ thống các thông tin được phân tách theo giới tính về trải nghiệm của nam và nữ làm việc trong lĩnh vực tư pháp hình sự các cấp. Các thông tin này có thể là mô tả công việc, đánh giá kết quả công việc, tiêu chí tuyển dụng và đề bạt cán bộ, cũng như các quan điểm và đặc biệt là lề lối, phong cách làm việc của các lãnh đạo cấp cao. Các thông tin chi tiết hơn sẽ cho phép phân tích sâu hơn về nguyên nhân gốc rễ và một số rào cản cụ thể đối với sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí cao trong ngành tư pháp, pháp lý, công an, kiểm sát và trại giam, như đã mô tả trong Chương này.

"Quấy rối tình dục" thường không được bàn đến hoặc thừa nhận rộng rãi trong hệ thống tư pháp hình sự. Tuy vậy, Luật Lao động mới sửa đổi gần đây đã tạo điều kiện để có thể thảo luận công khai về vấn đề quấy rối tình dục và bản chất của sự đối xử khác biệt về giới mang tính thể chế trong hệ thống tư pháp hình sự, bao gồm cả phân biệt đối xử trên cơ sở giới (ví dụ do những khác biệt về thai sản). Cần có thêm thông tin về bản chất và mức độ phân biệt đối xử mà phụ nữ làm việc trong hệ thống tư pháp hình sự đã trải nghiệm, về cách mà các cấp quản lý giải quyết vấn đề này. Điều này có thể bao gồm việc rà soát lại các trường hợp đã từng diễn ra cũng như đánh giá lại các Quy tắc ứng xử của tổ chức và các biện pháp trừng phạt với người vi phạm. ĐIều này cũng có thể bao gồm nâng cao hiểu biết về quấy rối tình dục và nghiên cứu những thông lệ quốc tế tốt về phòng, chống quấy rối tình dục.

2. Nâng cao thực thi chính sách pháp luật hiện hành

Vẫn tiếp tục còn khoảng trống giữa chính sách và thực tiễn ở Việt Nam. Khung pháp lý thúc đẩy bình đẳng giới như Luật Bình đẳng giới và các nghị định, thông tư, quyết định liên quan đã ra đời vài năm trước nhưng kết quả hiện tại cho thấy sự chuyển biến chính sách đến thực tiễn còn chậm. Cân bằng giới trong ngành tư pháp hình sự vẫn còn xa mới đạt được, và đại diện của phụ nữ trên tuyến đầu của ngành hành pháp vẫn còn chưa đủ. Các chỉ tiêu đặt ra đã giúp phụ nữ có thể thâm nhập ở mức độ thấp vào một số ngành nhưng số lượng phụ nữ nắm giữ các vị trí cao vẫn không nhiều. Trong một số công việc cụ thể như điều tra viên hình sự, giám thị trại giam chủ yếu vẫn do nam giới đảm nhiệm. Chính phủ cần phải nỗ lực hơn nữa để biến các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới đặc biệt (chính sách đảm bảo bình đẳng giới) có hiệu quả hơn đối với phụ nữ.

Không chỉ cần phải chú trọng đến nâng cao số lượng cán bộ nữ, mà còn cần phải tăng cường nỗ lực nhằm nâng cao năng lực cho phụ nữ để họ có thể phát triển, trưởng thành thành lãnh đạo.

Chính phủ nên xem xét lại tiêu chí tuyển dụng và đề bạt của mỗi cơ quan tư pháp hình sự và điều chỉnh lại nguyên tắc bình xét danh hiệu và khả năng nhằm xóa bỏ những định kiến giới coi trọng các tiêu chuẩn do nam giới định ra. Một lần nữa, rà soát các thực tiễn quốc tế tốt có thể là hữu ích.

Đoàn đánh giá không có điều kiện để xem xét các giáo trình hiện có của các học viện hay cơ sở đào tạo như Học Viện Tư Pháp trực thuộc Bộ Tư pháp hay các trường đào tạo công an, thẩm phán, kiểm sát viên hay luật sư. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy giới cần phải được lồng ghép vào tất cả các khóa đào tạo cho cả nam và nữ. Cần phải có những nỗ lực vượt ra khỏi cách tiếp cận trung tính về giới vốn chỉ giúp duy trì thực trạng, và cần nâng cao năng lực và kỹ năng cho phụ nữ. Sự tham gia của phụ nữ cần được xem là một cách nhằm thách thức vị thế độc tôn của nam giới và thay đổi tư duy phân biệt đối xử hiện hành. Do đó, điều cơ bản là cần phải thực hiện một khuôn khổ giám sát đánh giá toàn diện nhằm đảm bảo luật pháp, chính sách được thực thi đúng đắn và Nhà nước cũng như các cơ quan tư pháp hình sự có trách nhiệm đối với các nghĩa vụ của mình liên quan đến bình đẳng giới.

3. Cân bằng tuổi nghỉ hưu giữa nam và nữ

Quy định hiện hành về tuổi nghỉ hưu là một ví dụ về pháp luật có tính bảo vệ ở Việt Nam cần phải xem xét lại và sửa đổi. Rõ ràng là sự chênh lệch về độ tuổi nghỉ hưu tạo ra sự phân biệt đối xử trực tiếp đối với phụ nữ và như vậy, nhìn từ góc độ CEDAW, không thể chấp nhận được.

4. Xóa bỏ phân biệt đối xử về giới và khuyến khích thay đổi về văn hóa

Như đã phân tích trong chương này, có nhiều thách thức đối với phụ nữ công tác trong hệ thống tư pháp hình sự xuất phát từ những khuôn mẫu giới còn bất bình đẳng trong xã hội Việt Nam. Như đã chỉ ra trong Điều 5 của CEDAW, cần phải có những nỗ lực đồng bộ hơn nữa từ phía Chính phủ, [295] để có thể thay đổi những tiêu chuẩn tạo ra hoặc duy trì những bất lợi của phụ nữ này. Ví dụ, chia sẻ trách nhiệm chăm sóc con cái và làm việc nhà giữa nam và nữ sẽ giúp giảm gánh nặng cho phụ nữ và tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ tham gia bình đẳng vào lực lượng lao động.

Để thay đổi những vai trò giới mà xã hội mong đợi cần phải mất thời gian. Bên cạnh đó, các Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ cần phải giữ vai trò đi đầu để đảm bảo những cán bộ công nhân viên cũng là người chăm sóc gia đình có chế độ giờ làm việc linh hoạt, và đảm bảo phụ nữ không bị bất lợi bởi vì họ nghỉ thai sản. Cuối cùng, Chính phủ cần tìm hiểu thêm và mở rộng các dịch vụ chăm sóc trẻ em để các gia đình có thêm sự lựa chọn, để có thể xóa bỏ gánh nặng cho phụ nữ.

[295] Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, *Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, 14 tháng 12 năm 1990*, A/RES/45/124: Điều 5.

KẾT LUẬN

Phụ nữ công tác trong ngành tư pháp hình sự thường xuyên phải đối mặt với nhiều thách thức. Những khuôn mẫu giới hạn chế cơ hội của phụ nữ và cản trở họ có thể làm việc trong tất cả các lĩnh vực tư pháp hình sự. Thậm chí các biện pháp pháp lý nhằm "bảo vệ" cho phụ nữ cũng có thể dẫn đến những hành vi phân biệt đối xử trên thực tế. Hơn nữa, các quy định của luật về tuổi nghỉ hưu cản trở sự thăng tiến của phụ nữ tới những vị trí ra quyết định. Mặc dù luật pháp và chỉ tiêu của Việt Nam nhằm mục tiêu xóa bỏ sự bất bình đẳng giới này, bằng chứng cho thấy nhiều định kiến vẫn còn tồn tại trên thực tế.

KẾT LUẬN CHUNG

Đánh giá này đã tìm hiểu, phân tích bước đầu về tình hình, trải nghiệm của phụ nữ trong hệ thống tư pháp hình sự, tập trung vào ba lĩnh vực sau: phụ nữ là nạn nhân của tội phạm; phụ nữ là người vi phạm pháp luật, và phụ nữ công tác trong hệ thống tư pháp hình sự. Mỗi lĩnh vực cho thấy phụ nữ đang phải đối mặt với những bất bình đẳng mang tính cơ cấu do sự khác biệt về quyền lực đã ăn sâu và những tiêu chuẩn về văn hóa xã hội ưu tiên nam hơn nữ. Điều này đã làm hạn chế sự tiếp cận đến công lý của phụ nữ, đặc biệt là trong trường hợp bạo lực với phụ nữ. Cũng có nghĩa là những nhu cầu giới cụ thể của phụ nữ có xung đột với pháp luật chưa được chú trọng đầy đủ, và rằng phụ nữ và nam giới làm việc trong hệ thống tư pháp hình sự không có cơ hội như nhau và do đó đại diện của nam và nữ ở tất cả các cấp là không cân bằng. Mặc dù Việt Nam đã cam kết áp dụng một số khuôn khổ pháp lý quốc gia và quốc tế đối với phụ nữ trong hệ thống tư pháp hình sự, đánh giá cho thấy chúng không phải lúc nào cũng được thực thi đầy đủ và đảm bảo nhạy cảm giới. Hơn nữa, những tư tưởng, tâm lý và niềm tin phổ biến trong xã hội mang tính phân biệt đối xử với phụ nữ thực tế có thể sẽ làm sâu sắc thêm bất bình đẳng giới và làm suy giảm hiệu quả của các chính sách.

Đánh giá này đưa ra ba loại khuyến nghị chính:

1) thực hiện thêm nghiên cứu và phân tích để có thể xây dựng các chính sách chương trình có nhạy cảm giới, dựa trên bằng chứng;
2) nâng cao hiệu quả việc thực hiện các luật pháp chính sách hiện hành về bạo lực với phụ nữ và bình đẳng giới; và
3) khuyến khích những thay đổi về văn hóa hướng tới bình đẳng giới.

Quá trình sửa đổi Bộ Luật Hình Sự và Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự hiện nay là một cơ hội tốt cho công cuộc xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ. Việc xóa bỏ các "trung tâm 05" gần đây là một bước đi quan trọng của Chính phủ nhằm giảm sự kỳ thị đối với phụ nữ có liên quan đến mại dâm và điều quan trọng là cần đảm bảo những người đã từng bị giam giữ được hỗ trợ tốt khi họ trở lại cộng đồng. Chính phủ Việt Nam có trách nhiệm với CEDAW, và với hệ thống pháp luật quốc gia trong việc tạo điều kiện để phụ nữ đạt được bình đẳng đầy đủ, toàn diện với nam giới và có thể thực hiện được tất cả các quyền của mình. Cần phải hành động toàn diện và có thể là cần một số biện pháp đặc biệt nhất định trong hệ thống tư pháp hình sự nhằm vượt qua những bất bình đẳng mang tính cơ cấu giữa nam và nữ.

PHỤ LỤC 1. KHUÔN KHỔ PHÁP LUẬT

BỘ LUẬT HÌNH SỰ (những điểm liên quan)

Bạo lực về thể chất	
Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	**Theo Điều 104** Có 4 mức độ thương tích được xem xét về mặt hình sự và mỗi mức độ sẽ tương ứng với một khung hình phạt khác nhau (1) Nếu tỉ lệ thương tật dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp tăng nặng như: dùng hung khí nguy hiểm; gây cố tật nhẹ cho nạn nhân; phạm tội nhiều lần đối với một người; phạm tội đối với phụ nữ có thai, có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm… – thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. (2) Nếu tỉ lệ thương tật từ 11% đến 30% - thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. (3) Nếu tỉ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp tăng nặng nêu trên – thì bị phạt tù từ hai đến bảy năm. (4) Nếu tỉ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp tăng nặng nêu trên – thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.
Tội ngược đãi hoặc hành hạ vợ chồng…	**Theo điều 151** – có hai yếu tố cấu thành tội phạm đó là (1) ngược đãi hoặc hành hạ thành viên trong gia đình và (2) hoặc là gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm. Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC quy định rằng" ngược đãi và hành hạ" được hiểu là việc đối xử tồi tệ về ăn, mặc, ở và về các mặt sinh hoạt hàng ngày đối với người thân như nhiếc móc, bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, mặc rách một cách không bình thường hoặc có hành vi bạo lực xâm phạm thân thể người bị hại như đánh đập, giam hãm làm cho người bị hại đau đớn về thể xác và tinh thần.
Tội hành hạ người khác	**Điều 110** quy định người nào đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm
Tội giết người	**Điều 93** "người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình….. (b) giết phụ nữ mà biết là có thai
Bạo lực tình dục	
Tội hiếp dâm	**Điều 111** "người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự về được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

	Trong một số trường hợp cụ thể, hình phạt sẽ nặng hơn, bao gồm phạm tội nhiều lần; làm nạn nhân có thai; gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%;
Tội cưỡng dâm	**Điều 113** "người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quẫn bách phải miễn cưỡng giao cấu, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm."
Tội cưỡng ép kết hôn	**Điều146** "Người nào cưỡng ép người khác kết hôn trái với sự tự nguyện của họ, cản trở người khác kết hôn hoặc duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải hoặc bằng thủ đoạn khác đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm".
Tội tổ chức tảo hôn, tội tảo hôn	**Điều 148** "Người nào có một trong các hành vi sau đây, đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm: a) Tổ chức việc kết hôn cho những người chưa đến tuổi kết hôn; b) Cố ý duy trì quan hệ vợ chồng trái pháp luật với người chưa đến tuổi kết hôn mặc dù đã có quyết định của Toà án buộc chấm dứt quan hệ đó.
Bạo lực tinh thần	
Tội ngược đãi hoặc hành hạ vợ chồng v.v	Xem **Điều 151** nêu trên Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC quy định rằng quy định rằng "uy hiếp tinh thần" là đe dọa sẽ gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, tài sản hoặc lợi ích thiết thân của người bị đe doạ làm cho người đó có căn cứ để lo sợ thực sự mà phải chịu khuất phục như đe doạ sẽ đốt nhà, giết người thân, tiết lộ bí mật đời tư của người bị đe doạ, bố mẹ hoặc người thân trong gia đình, đe doạ sẽ tự tử. "Hậu quả nghiêm trọng" tức là làm cho người bị ngược đãi hành hạ luôn bị giày vò về mặt tinh thần, bị tổn thất về danh dự, đau khổ về tinh thần hoặc bị thương tích, tổn hại đến sức khỏe.
Tội đe dọa giết người	**Điều 103** "người nào đe doạ giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe doạ lo sợ rằng việc đe doạ này sẽ được thực hiện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm".
Tội bức tử	**Điều 100** "người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm

	nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm".
Tội làm nhục người khác	**Điều 121** quy định một ngưỡng đó là xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm danh dự của người khác.
Buôn người	
Tội mua bán phụ nữ	**Điều 119** "người nào mua bán phụ nữ thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm". Các trường hợp tăng nặng bao gồm (a) mua bán phụ nữ vì mục đích mại dâm
Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em	**Điều 120** "người nào mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm".
Luật phòng, chống mua bán người	**Điều 3. "Các hành vi bị nghiêm cấm** 1. Mua bán người theo quy định tại Điều 119 và Điều 120 của Bộ luật hình sự. 2. Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác. 3. Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác hoặc để thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. 4. Cưỡng bức người khác thực hiện một trong các hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này. 5. Môi giới để người khác thực hiện một trong các hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này. 6. Trả thù, đe dọa trả thù nạn nhân, người làm chứng, người tố giác, người tố cáo, người thân thích của họ hoặc người ngăn chặn hành vi quy định tại Điều này. 7. Lợi dụng hoạt động phòng, chống mua bán người để trục lợi, thực hiện các hành vi trái pháp luật. 8. Cản trở việc tố giác, tố cáo, khai báo và xử lý hành vi quy định tại Điều này. 9. Kỳ thị, phân biệt đối xử với nạn nhân. 10. Tiết lộ thông tin về nạn nhân khi chưa có sự đồng ý của họ hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân. 11. Giả mạo là nạn nhân. 12. Hành vi khác vi phạm các quy định của Luật này."
Các tội liên quan đến mại dâm	

Tội chứa mại dâm	**Điều254** "Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm". Các trường hợp tăng nặng bao gồm cưỡng bức người khác mại dâm và phạm tội đối với trẻ em và người chưa thành niên.
Tội môi giới mại dâm	**Điều 255** "Người nào dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm".
Tội mua dâm người chưa thành niên	**Điều 256** "người nào mua dâm người chưa thành niên…""
Các tội khác	
Tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ	**Điều 130** quy định rằng người nào dùng vũ lực hoặc có hành vi nghiêm trọng cản trở phụ nữ tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, khoa học, văn hóa, xã hội thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm.

Luật Phòng, Chống Bạo Lực Gia Đình 2007

Luật Phòng Chống Bạo Lực Gia Đình năm 2007 liệt kê một số hành vi bạo lực gia đình trong điều 2(1). Phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 110/2009/NĐ-CP là các hành vi bạo lực gia đình theo Luật Phòng, Chống Bạo Lực Gia Đình cần bị xử phạt vi phạm hành chính.

Định nghĩa bạo lực gia đình và liệt kê 9 loại hành động được coi là bạo lực gia đình

Định nghĩa bạo lực gia đình và liệt kê chín loại hành vi được coi là bạo lực gia đình:	
2(1)(a)	Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khoẻ, tính mạng;
2(1)(b)	Lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
2(1)(c)	Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng;
2(1)(d)	Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;
2(1)(đ)	Cưỡng ép quan hệ tình dục;
2(1)(e)	Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;
2(1)(g)	Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình;
2(1)(h)	h) Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ

	thuộc về tài chính;
2(1)(i)	Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở;
Quý định các nguyên tắc và biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình:	
23-29	Các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân (các hỗ trợ về y tế, tư vấn pháp luật, tâm lý, chăm sóc sức khỏe)
20–21	Quyết định cấm tiếp xúc. Nạn nhân có thể yêu cầu Chủ tịch Ủy ban Nhân Dân cấp xã ra quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc (trong thời hạn không quá ba ngày) hoặc yêu cầu Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc (trong thời hạn không quá bốn tháng)
12	Nguyên tắc hòa giải

Luật Phòng chống mua bán người

Luật này đã mở rộng danh sách các hành vi bị nghiêm cấm theo điều 119 và điều 120 của Bộ Luật Hình Sự; bao gồm các điều khoản về tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân; hợp tác quốc tế; và trách nhiệm của các Bộ, ban, ngành v.v.

Các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm :	
i.	Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác hoặc để thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
ii.	Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người để bóc lột tình dục v.v…
iii.	Cưỡng bức người khác thực hiện các hành vi nêu trên
iv.	Môi giới để người khác thực hiện các hành vi nêu trên
v.	Trả thù, đe dọa trả thù nạn nhân, người làm chứng, người tố giác, người tố cáo, người thân thích của họ hoặc người ngăn chặn hành vi vi phạm
vi.	Lợi dụng hoạt động phòng, chống mua bán người để trục lợi, thực hiện các hành vi trái pháp luật
vii.	Cản trở việc tố giác, tố cáo, khai báo và xử lý hành vi vi phạm
viii.	Kỳ thị, phân biệt đối xử với nạn nhân
ix.	Tiết lộ thông tin về nạn nhân khi chưa có sự đồng ý của họ hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân
x.	Giả mạo là nạn nhân
xi.	Hành vi khác vi phạm các quy định của Luật này.

Pháp lệnh Phòng chống mại dâm

Giải thích "bán dâm" là hành vi giao cấu của một người với người khác để được trả tiền hoặc lợi ích vật chất khác.

Các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:	
Mua dâm; bán dâm; chứa mại dâm; tổ chức hoạt động mại dâm; cưỡng bức bán dâm; môi giới mại dâm; bảo kê mại dâm; lợi dụng kinh doanh dịch vụ để hoạt động mại dâm; và các hành vi khác liên quan đến hoạt động mại dâm theo quy định của pháp luật	
Điều22	Xử lý hành chính với người mua dâm bằng hình thức cảnh cáo hoặc phạt tiền
Điều 23	Xử lý hành chính đối với người bán dâm bằng hình thức áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh. Người bán dâm biết mình bị nhiễm HIV mà cố ý lây truyền bệnh cho người khác thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

PHỤ LỤC 2. CÁC SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Bạo lực gia đình

Ở Việt Nam, bạo lực về thể chất là loại hình bạo lực đối với phụ nữ được trình báo thường xuyên nhất. Có 16% đến 37% phụ nữ trình báo rằng họ đã từng bị lạm dụng về thể chất. Tuy nhiên, một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng bạo lực tinh thần cũng xảy ra ở mức cao (19 đến 55%).[296] Bạo lực tình dục trong gia đình, đặc biệt là hiếp dâm trong hôn nhân thường không được trình báo. Các nghiên cứu trên quy mô nhỏ của các tổ chức phi chính phủ cho thấy bạo lực gia đình có thể xảy ra trong bất kỳ gia đình nào, bất kỳ cộng đồng nào và bất kỳ nơi đâu.

Bạo lực thể chất	**Bạo lực tình dục**	**Bạo lực tinh thần**	**Bạo lực kinh tế**
Dữ liệu từ Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam năm 2010			
-32% phụ nữ đã từng kết hôn đã trải qua bạo lực gia đình trong cuộc sống của họ -6% đã trải qua bạo lực về thể chất trong 12 tháng vừa qua -Các kết quả cho thấy bạo lực thể chất thường xảy ra trong	- Có đến 10% phụ nữ đã từng kết hôn cho biết trong các cuộc phỏng vấn là họ đã trải qua bạo lực tình dục trong cuộc sống. - 4% trải qua bạo lực tình dục trong 12 tháng vừa qua - Thường là những phụ	- 54% phụ nữ cho biết đã từng bị bạo lực tinh thần trong cuộc sống -25% cho biết hiện đang bị bạo lực tinh thần	- tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực kinh tế trong cuộc sống là 9%

[296] Vựng và cộng sự 2008, Luke và cộng sự 2007, UNFPA 2007, Lợi và cộng sự 1999 như trích dẫn trong Báo cáo chuyên đề.

thời kỳ đầu của mối quan hệ và giảm đi theo thời gian	nữ cho biết từng bị bạo hành về tình dục cũng cho biết từng bị bạo hành về thể chất		
Bộ Công An (báo cáo năm 2006)			
- Trên cả nước cứ mỗi 2-3 ngày có một người bị giết vì một vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình - Năm 2005, 14% các vụ án giết người có liên quan đến bạo lực gia đình (151/1113 vụ) - Trong 3 tháng đầu năm 2006, tỷ lệ này là 30.5% (26/77 vụ)			
Điều tra gia đình Việt Nam (Bộ VHTT&DL, Tổng cục thống kê, UNICEF và Viện Gia đình và Giới: 2008) Ít nhất một hình thức bạo lực gia đình xảy ra với 21.2% cặp vợ chồng			
Mai và cộng sự, nghiên cứu trên 465 cặp đôi -50% nam giới cho biết họ có đánh vợ, trong khi 37% phụ nữ cho biết họ bị lạm dụng (điều này minh họa cho thực trạng trình báo không đầy đủ)	Điều tra năm 2006 của Văn phòng Quốc hội, Vụ Các vấn đề xã hội - 30% phụ nữ trong cuộc điều tra cho biết họ bị chồng ép quan hệ tình dục	Nghiên cứu Hải Phòng -19.6% phụ nữ tham gia nghiên cứu bị bạo hành về tinh thần do chồng gây ra Vựng và cộng sự, nghiên cứu: -mức độ phổ biến của bạo lực tinh thần là 55%	Trung tâm tư vấn Đức Giang -11% khách hàng đã từng bị bạo lực về kinh tế
Nghiên cứu do UNODC và HEUNI hỗ trợ (Trung tâm Nghiên cứu Giới và Phát triển, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, cùng phối hợp với Tổng cục Thống kê và Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam) nghiên cứu trên 900 phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình			
83% - bị dọa đánh về thể xác 69% - bị ném hoặc bị đánh bằng vật gây đau hoặc gây hoảng sợ 64% - bị đẩy, giật, vặn tay hoặc giật tóc gây đau hoặc gây sợ hãi 90% - bị tát, đá, căn hoặc đấm 29% - bị bóp cổ, cố làm ngạt thở, đốt hoặc làm bị bỏng 37% - bị dùng dao	36% - bị ép hoặc bị âm mưu ép quan hệ tình dục 20% - bị sờ mó đụng chạm ngoài ý muốn	90% - bị trầm cảm, sợ hãi, hoảng loạn và mất ngủ 33% - thủ phạm làm hại hoặc đe dọa làm hại hoặc giết con hoặc người thân thích nào đó 91% - chửi rủa tên và các hình thức lăng mạ khác 59% - phá hủy tài sản, của cải 39% - tìm cách hạn	32% - bị bóc lột về kinh tế

hoặc đe dọa dùng dao/kiếm/sung 38% - bị sử dụng các hình thức bạo lực về thể chất khác		chế liên hệ của người phụ nữ với gia đình, bạn bè	

Số liệu thống kê từ các cơ quan chính phủ cũng đưa ra các thông tin về mức độ, phạm vi của bảo lực gia đình.

- Theo Báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao giai đoạn 2000 – 2005, tỉ lệ phần trăm các vụ ly di trong đó bạo lực gia đình là nguyên nhân chính chiếm tới 53% tổng số vụ ly dị tại tòa.
- Theo Báo cáo của Vụ các vấn đề xã hội, Văn phòng Quốc hội, tỉ lệ này là 60%.
- Dữ liệu từ ngành y tế: một báo cáo của Sở Y Tế Cửu Long (khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long) cho thấy trong năm 2005, 1011 trong tổng số 1319 bệnh nhân tỉnh Cửu Long có ý định hoặc đã tự tử vì bạo lực gia đình, dẫn đến 30 trường hợp tử vong.
- Theo một báo cáo của Sở Y tế Tây Nguyên, trong số 3944 bệnh nhân, có 715 người có ý định hoặc đã tự tử vì bạo lực gia đình, dẫn đến 27 trường hợp tử vong.
- Theo số liệu thống kê của Khoa Bỏng, Bệnh Viện Chợ Rẫy trong giai đoạn từ 1994 – 1997, khoa đã tiếp nhận 114 trường hợp bỏng do tạt a-xít, 90% vụ trong số đó có liên quan đến các vấn đề hôn nhân, gia đình.
- Số liệu thống kê do 18 tỉnh thành cung cấp trong giai đoạn 2002 – 2007 cho thấy 11630 vụ bạo lực gia đình đã xảy ra ở các địa phương này và cần có sự can thiệp của chính quyền địa phương hoặc văn phòng trợ giúp pháp lý. Hầu hết các trường hợp này liên quan đến bạo lực do chồng gây ra cho vợ hoặc do người lớn gây ra với con cái mình. Một số trường hợp có liên quan đến bạo lực giữa các thành viên khác trong gia đình, như con cái đã trưởng thành với cha mẹ già, các thành viên gia đình nhà chồng với con dâu (xem Lê Thị Quý, 2007, 19-20).

Hậu quả của bạo lực gia đình có thể rất nghiêm trọng, thậm chí gây tử vong. Theo như Nghiên cứu quốc gia, 26% phụ nữ đã từng bị bạo lực về thể chất và tình dục do chồng gây ra cho biết họ đã từng bị thương do hậu quả của hành vi bạo lực. Trong số này, 60% cho biết họ đã từng bị thương hơn một lần và 17% đã từng bị thương nhiều lần. Phụ nữ đã từng bị chồng/bạn đời gây bạo lực thường có xu hướng cho biết họ có sức khỏe "kém" hoặc "rất kém". Phụ nữ có con trong độ tuổi từ 6 đến 11 tuổi và đã từng bị chồng/bạn đời bạo hành thường báo rằng con cái của họ có các vấn đề về hành vi (ví dụ ngủ gặp áp mộng, đái dầm, hành vi hiếu chiến hoặc kết quả học tập ở trường kém) , nhiều hơn so với những phụ nữ không bị bạo lực. Hầu như cứ 1 trong số 4 phụ nữ có con dưới 15 tuổi cho biết rằng chồng mình đã từng bạo hành về thể chất với những trẻ em này. Hơn một nửa số phụ nữ bị bạo lực về thể chất do chồng gây ra cũng cho biết con cái của họ chứng kiến sự việc ít nhất một lần. Phụ nữ có mẹ đã từng bị chồng đánh thường có xu hướng bị chồng/bạn đời bạo hành về thể chất nhiều gấp đôi các phụ nữ khác. Và nhóm phụ nữ có mẹ chồng trước đây cũng bị đánh hoặc chính bản thân người chồng cũng bị đánh khi còn bé có xu hướng bị bạo lực về thể chất nhiều gấp ba lần các nhóm phụ nữ khác. Trải nghiệm thời thơ ấu chủa người chồng là một yếu tố rủi ro quan trong có liên quan đến việc anh ta trở thành thủ phạm gây bạo lực sau này.

Hiếp dâm và bạo lực tình dục

Hiện có rất ít nghiên cứu về hiếp dâm và bạo lực tình dục trong cộng đồng. Điều tra quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ đã so sánh giữa bạo lực do chồng/bạn đời và bạo lực do những người không phải chồng gây ra và cho thấy rằng phụ nữ Việt Nam chịu bạo lực do chồng gây ra nhiều hơn gấp ba lần bạo lực do các đối tượng khác gây ra. Khoảng 10% phụ nữ cho biết họ đã từng bị người khác bạo lực về thể chất kể từ khi 15 tuổi. Chỉ khoảng 2% phụ nữ cho biết đã từng bị bạo lực tình dục kể từ khi 15 tuổi. Hầu hết phụ nữ cho biết rằng thủ phạm là người lạ và bạn trai và hiếm khi là người nhà. Các nghiên cứu định tính quy mô nhỏ cho thấy những người làm nghề mại dâm thường xuyên chịu bạo lực từ phía bạn tình thường xuyên, khách hàng, tú bà hoặc chủ nhà chứa.[297]

Quấy rối tình dục

Quấy rối tình dục tại nơi làm việc hay tại gia đình cũng đã được đề cập đến trong các cuộc phỏng vấn trong Báo cáo chuyên đề (2010) nhưng hầu như chưa có/hoặc có rất ít nghiên cứu nào tìm hiểu về mức độ của quấy rối tình dục ở Việt Nam. CSAGA báo cáo trong giai đoạn 1997 – 2003, chỉ có 338 trong tổng số 231.873 cuộc gọi điện đến đường dây nóng có liên quan đến quấy rối tình dục. CSAGA cũng nghiên cứu về quấy rối tình dục trong trường học và thấy rằng có 15,6% học sinh đã từng bị người khác vuốt ve, sờ soạng hoặc hôn vào các bộ phận trên cơ thể và điều đó khiến cho chúng cảm thấy bất an và sợ hãi.[298]

Buôn bán phụ nữ và trẻ em gái

Rất khó tìm được dữ liệu, mặc dù một số báo cáo đã cho thấy hàng ngàn phụ nữ và trẻ em gái đã bị buôn bán, đặc biệt là sang Trung Quốc và Campuchia để bóc lột tình dục.[299]

- Theo Báo cáo Chương trình Hành động Quốc gia về Phòng chống Buôn bán người, từ năm 2004 đến 2009, 1568 vụ buôn người bị truy tố, 4008 nạn nhân và 2888 kẻ buôn người bị bắt giữ. Trong số các nạn nhân, trên 60% bị buôn bán sang Trung Quốc và 11% bị buôn bán sang Campuchia. Nghiên cứu của UN Women cho thấy quy trình tuyển người để buôn bán rất đa dạng, từ những phụ nữ di cư thông qua các kênh hợp pháp như mạng lưới tuyển dụng lao động hay môi giới hôn nhân nhưng họ bị những kẻ môi giới tha hóa lôi kéo vào các kênh nhập cư bất hợp pháp, phụ thuộc vào mạng lưới bạn bè, người thân trong gia đình, hàng xóm.
- Trang web của UNIAP cho thấy có một đơn vị cảnh sát đặc nhiệm chống buôn người trực thuộc Tổng cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm, Bộ Công An và một số tỉnh. Trong giai đoạn 2004-2009, trên cả nước có 1586 vụ buôn người với 2888 tội phạm và 2935 nạn nhân (trong đó 1218 là vụ buôn bán phụ nữ, 191 vụ buôn bán trẻ em và 177 vụ buôn bán phụ nữ và trẻ em). 748 vụ đã được đưa ra xét xử và 1367 kẻ buôn người đã bị buộc tội buôn bán phụ nữ và trẻ em. Đa số những kẻ buôn người bị truy tố theo điều 119, 120 và 275 của Bộ Luật Hình Sự cho hành vi buôn người vì mục đích bóc lột tình dục mang tính chất thương mại.

Mại dâm cưỡng bức

Có rất ít thông tin về mại dâm cưỡng bức. Mại dâm bản thân bị coi là một tệ nạn xã hội và Nhà nước xem những người làm nghề mại dâm là một người vi phạm pháp luật. Vấn đề này được thảo luận kỹ hơn trong phần phụ nữ vi phạm pháp luật.

---

[297] UNSW, HMU 2009; Đỗ Văn Quân 2009; Rosenthal và Oanh 2006) như đã dẫn trong Báo cáo chuyên đề.

[298] Nghiên cứu do CSAGA tiến hành trên 314 học sinh tại 3 trường, Viện Nghiên Cứu Phát Triển Xã Hội và Action Aid, như trích dẫn trong Báo cáo chuyên đề.

[299] Nhóm công tác chuyên đề vùng 2008: 105 như trích dẫn trong Báo cáo chuyên đề

PHỤ LỤC 3. CHUYẾN CÔNG TÁC CỦA UNODC – UN WOMEN

Hà Nội, từ ngày 12 đến ngày 23 tháng 11 năm 2012

Thành viên đoàn đánh giá:

1. Bà Claudia Baroni, Cán bộ phòng chống tội phạm và ma túy, UNODC
2. Bà Eileen Skinnider, Tư vấn, UNODC
3. Ông Vũ Ngọc Bình, Tư vấn về Nhân quyền, UN Women

Chương trình làm việc

Ngày	Thời gian	Tên	Vị trí/ Tổ chức
12/11	**UNODC**		
	09.00-12.00	Bà Zhuldyz Akisheva	Giám đốc Quốc gia
	UNFPA		
	12.30-14.00	Bà Mandeep K. Obrien	Phó đại diện
	Cục trợ giúp pháp lý, Bộ tư pháp		
	14.00-16.00	Ông Trần Huy Liệu	Cục trưởng
13/11	**Hội bảo trợ tư pháp cho người nghèo Việt Nam**		
	08.00-10.00	Bà Tạ Thị Minh Lý	Chủ tịch
	"Nhà tạm lánh" (trực thuộc Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam) cho các nạn nhân của bạo lực gia đình		
	10.30-12.00	Đến thăm và thảo luận với các nhân viên và các nạn nhân	
	UNDP		
	12.15-13.30	Ông Nicholas Booth, Cố vấn chính sách	
	Phái đoàn Liên minh Châu Âu tại Việt Nam		
	13.30-15.00	Ông Bryan Fornari	Phó Ban hợp tác phát triển (Hợp tác kinh tế và quản trị)
		Ông Jean-Pierre Bardoul	Cán bộ chương trình hỗ trợ thể chế
	Chương trình Đối tác tư pháp (JPP), do EU, Thụy Điển và Đan Mạch tài trợ		
	15.00-16.30	Ông Jacob Gammelgaard	Cố vấn trưởng

Ngày	Thời gian	Tên	Vị trí/ Tổ chức
14/11	**Công tác tại tỉnh Hải Dương để phỏng vấn công an địa phương, cán bộ tòa án và các thành viên của Hội Liên hiệp phụ nữ**		
15 /11	**Bộ Lao Động Thương binh Xã hội**		
	09.00-11.00	Ông Nguyễn Văn Thanh (Cựu thẩm phán)	Các bộ, Vụ pháp chế
	Đại sứ quán Canada		
	12.00-13.30	Bà Deborah Chastis	Đại sứ
	Tòa án Nhân dân tối cao		
	16.00-17.30	Ông Lê Văn Minh (thẩm phán)	Vụ trưởng, Vụ thống kê
		Bà Nguyễn Thị Tâm	Cán bộ, Vụ thống kê
		Bà Bùi Thị Nhàn	Chuyên viên chính, Vụ HTQT
16 /11	**Đại sứ quán Israel**		
	09.00-11.00	Bà Meirav Elon Shahar	Đại sứ
	Tổng cục thống kê		
	13.30-15.00	Bà Nguyễn Thị Việt Nga	Cán bộ thống kê, Vụ thống kê xã hội và môi trường
	Bộ Tư pháp		
	15.30-17.00	Ông Trần Văn Dũng	Phó trưởng phòng, Vụ Pháp luật hình sự, Vụ pháp luật hình sự hành chính
		Ông Phạm Hồng Quang	Chuyên viên về luật hiến pháp, Vụ pháp luật hình sự hành chính
		Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Chuyên viên về luật hành chính, Vụ pháp luật hình sự hành chính
17/11	**Trung tâm nghiên cứu Giới – Gia đình và Phát triển cộng đồng (GFCD)**		
	09.30-12.00	Bà Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc
		Bà Nguyễn Thị Hiền	Cán bộ chương trình

Ngày	Thời gian	Tên	Vị trí/ Tổ chức
19/11	**Báo Gia đình và xã hội (Bộ Y tế)**		
	09.00-10.00	Ông Nguyễn Văn Nam	Phó tổng biên tập
	Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học về giới- gia đình - phụ nữ và vị thành niên (CSAGA)		
	14.00-16.00	Bà Nguyễn Vân Anh	Chủ tịch
		Một nạn nhân của bạo lực gia đình	
20/11	**Viện Kiểm sát nhân dân tối cao**		
	09.30-11.30	Bà Hoàng Thị Thúy Hoa	Trưởng bộ phận, Vụ hợp tác quốc tế
	Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam		
	14.00-15.00	Bà Nguyễn Thị Hoài Linh	Trưởng ban Quốc tế
		Bà Phạm Thị Thoa	Phó Ban Gia đình-Xã hội
		Bà Nguyễn Thị Thanh	Cán bộ, Ban Chính sách – Luật pháp
		Bà Nguyễn Thị Kim Ngân	Cán bộ, Ban Quốc tế
	Văn phòng Luật sư NHQuang và Cộng sự		
	15.30-16.30	Ông Nguyễn Hưng Quang	Giám đốc điều hành
21/11	**Hội thảo Đối thoại Chính sách về điều phối đa ngành trong Phòng ngừa và Kiểm soát Bạo lực gia đình nhằm hưởng ứng Ngày Quốc tế xóa bỏ bạo lực với phụ nữ (25/11) do Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch tổ chức**		
	08.30-13.30		
	Hội luật gia Hà Nội		
	14.00-15.00	Bà Lê Thị Ngân Giang	Luật gia
	Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch		
	15.00-16.30	Ông Phạm Quốc Nhật	Cán bộ, Vụ Gia đình
	Hội nghị Tổng kết dự án JUDGE "Chia sẻ và Chúc mừng thành công" do Bộ Tư pháp và dự án JUDGE tổ chức		
	08.30-13.30		

Ngày	Thời gian	Tên	Vị trí/ Tổ chức
22/11	**Cơ quan hợp tác phát triển quốc tế Tây Ban Nha (AECID)**		
	14.00-16.00	Bà Silvia Vaca Satomayor	Giám đốc chương trình
		Bà Pepa Rubio Pueya	Cán bộ chương trình về "Nhà tạm lánh" cho các nạn nhân của bạo lực gia đình
	Chương trình Đối tác tư pháp /EU		
	15.00-16.30	Bà. Jennifer Khor	Chuyên gia, cố vấn kỹ thuật về hỗ trợ cho Liên đoàn luật sư Việt Nam
23/11	**Tham gia Diễn đàn đối thoại chính sách pháp luật về quản lý hành chính tòa án tại Việt Nam do Bộ Tư pháp và UNDP tổ chức để phỏng vấn**		
	08.30-13.30		
	Tổng cục phòng chống tội phạm, Bộ Công An		
	14.00-15.00	Bà Nhữ Thị Minh Nguyệt (Thượng tá)	Phó cục trưởng, Cục chính trị hậu cần/Trưởng ban công tác nữ
	Viện Kiểm sát Nhân Dân Tối Cao		
	15.30-16.30	Bà Nguyễn Thị Yến	• Vụ trưởng, Vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự (Vụ 3) • Phó trưởng ban, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành Kiểm sát nhân dân
		Bà Tố Thị Minh Tâm	• Phó Vụ trưởng, Vụ kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam thi hành án hình sự (Vụ 4) • Ủy viên Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành Kiểm sát nhân dân

PHỤ LỤC 4. CHUYẾN THĂM TỚI TRẠI GIAM PHÚ SƠN 4, TỈNH THÁI NGUYÊN

Đoàn công tác của UNODC và UN Women tới trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào đầu tháng 2 năm 2013 để nắm tình hình phụ nữ trong trại giam Phú Sơn. Các cán bộ của Liên hợp quốc đã được Giám thị Trại giam, các cán bộ cao cấp và Phó Cục trưởng Cục Quản lý trại giam tiếp đón và hướng dẫn. Trong chuyến thăm, các cán bộ Liên hợp quốc nhận thấy như sau:

Về ăn, ở, công việc, giải trí và kỷ luật

- Trại giam Phú Sơn 4 có khả năng giam giữ từ 4000 – 5000 phạm nhân, những người có mức án từ 6 tháng đến chung thân. Có phạm nhân người nước ngoài trong trại giam nhưng đây không phải là những người bị xử lý hành chính.
- Có 1.000 phạm nhân nữ bị kết án với nhiều tội danh khác nhau, chủ yếu là tội buôn lậu ma túy (65%), các tội kinh tế (ví dụ gian lận tài chính), liên quan đến buôn ngời và trộm cắp. Phạm nhân là người dân tộc thiểu số, trong đó có rất ít nữ, chiếm 15-20% tổng số phạm nhân.
- Trại giam có khu vực riêng cho phạm nhân nam và phạm nhân nữ, cho vị thành niên dưới 16 tuổi. Buồng giam tiêu chuẩn giam từ 30 – 50 phạm nhân, chỗ nằm của phạm nhân nữ và có diện tích 3m2 và chỗ nằm của phạm nhân nam có diện tích 2m2.
- Phạm nhân nữ được phép giữ vật dụng cá nhân.
- Phạm nhân nữ không làm các việc nặng nhọc, độc hại có trong danh mục cấm sử dụng lao động nữ và người chưa thành niên của nhà nước. Họ làm việc trong các xưởng may, sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ, đan và làm thảm len, trồng chè, trồng rau dưới sự giám sát.
- Giống như các phạm nhân khác, phạm nhân nữ lao động trong ngày, đó là một phần của công tác cải tạo và giam ở chỗ nằm từ 7 giờ tối đến 5 giờ sáng.
- Tất cả trang thiết bị gồm chỗ nằm, bếp, nhà vệ sinh được thông gió tốt, sạch và ngăn nắp.
- Thức ăn, theo tiêu chuẩn toàn quốc, được ban quản lý trại giam cung cấp và do phạm nhân nấu. Họ có thể bổ sung vào bữa ăn các loại rau tự trồng.
- Phòng giải trí và phòng đọc, dù tối thiểu nhưng ngăn nắp.
- Phạm nhân được phép nhận quà và tiền định kỳ từ người thân.
- Phạm nhân vi phạm quy chế trại giam trước hết sẽ bị nhắc nhở, sau đó cảnh cáo và cuối cùng là giam cách ly. Tuy nhiên, không áp dụng các biện pháp kỷ luật cùm chân đối với phạm nhân nữ và vị thành niên. Không có các biện pháp kỷ luật như cấm gặp gia đình, hoặc giam riêng phụ nữ đang mang thai hoặc phụ nữ đang cho con bú hoặc có con sơ sinh.

Mang thai, làm mẹ và chăm sóc sức khỏe

- Phạm nhân mang thai được phép nghỉ trước và sau sinh như những người lao động khác theo Luật Lao động. Trại giam có nơi cho con bú mặc dù phạm nhân nữ có thể được chuyển tới bệnh viện địa phương trong trường hợp sinh con. Trại giam cũng áp dụng các chế độ đặc biệt đối với phạm nhân nữ bao gồm cấp 2 khăn mặt, 2 bộ quần áo và đồ vệ sinh cá nhân.
- Phụ nữ, tương tự như nam giới, được phép gặp chồng mình trong "phòng hạnh phúc". Họ được cấp bao cao su nhằm tránh mang thai ngoài ý muốn. Trong trường hợp mang thai, nữ phạm nhân sẽ có thể được chuyển tới bệnh viên để nạo thai.

- Đoàn đi thăm một "nhà trẻ" với chừng 10 cháu nhỏ dưới 3 tuổi có mẹ đang ở trại giam Phú Sơn. "Nhà trẻ" nằm trong một khu nhà nhỏ tách biệt trong khuôn viên trại. Nhà trẻ đơn sơ nhưng sạch sẽ.
- Đoàn đi thăm bệnh xá, có một nữ bác sỹ đang trực, và gặp một số bệnh nhân là người lớn tuổi. Không nhận được thông tin gì hoặc khiếu nại gì từ những phạm nhân được nhập viện về công tác điều trị và chất lượng dịch vụ

<u>Cán bộ nữ</u>

- Nhìn chung, phụ nữ làm việc trong các trại giam ở Việt Nam không nhiều. Trong các đơn vị này, nam giới vẫn chiếm đa số vì quản lý trại giam được xem là công việc nguy hiểm, vất vả không dành cho nữ giới. Tình hình ở trại giam Phú Sơn cũng tương tự như vậy. Chỉ có vài cán bộ nữ trong trại giam chịu trách nhiệm về các phạm nhân nữ.

Nhu cầu trực tiếp do ban quản lý trại giam và nữ phạm nhân xác định

Ban quản lý:

- Tập huấn thêm cho cán bộ trại giam về phòng ngừa và điều trị ma túy và HIV
- Có thêm cán bộ nữ trong trại giam được tập huấn về các nhu cầu đặc thù của phạm nhân nữ
- Thêm các khóa dạy nghề cho phạm nhân Phạm nhân nữ:

Phạm nhân nữ:

- Dạy nghề phù hợp và hỗ trợ tái hòa nhập (ví dụ được cung cấp cơ hội việc làm)
- Hỗ trợ nâng cấp buồng giam

PHỤ LỤC 5. HỌP NHÓM CHUYÊN GIA ASEAN về Triển khai Bộ Quy tắc của Liên Hợp Quốc về đối xử với phạm nhân nữ và các biện pháp không giam giữ với can phạm nữ (Bộ Quy tắc Băng cốc), Băng cốc, tháng 2 năm 2013

BẢNG HỎI QUỐC GIA – VIỆT NAM

Câu hỏi		Trả lời
1	Hiện có bao nhiêu phạm nhân nữ tại quốc gia của anh/chị?	Số lượng: ___10.722_____
2	Số liệu của hai năm trước là bao nhiêu?	Số lượng: 2012: __10,807____ Số lượng: 2011: ___9,586_____
3	Các biện pháp hoặc hình phạt không giam giữ hiện có là gì? (ví dụ: phạt tiền, bảo lãnh, án treo, v.v…)	*Hãy liệt kê các hình phạt ở đây:* Ở Việt Nam, các biện pháp không giam giữ (cho cả nam và nữ can phạm) bao gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất và án treo. Ngoài ra, một hoặc một số hình phạt bổ sung có thể được áp dụng như: Cấm đảm nhiệm chức vụ; Cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; Cấm cư trú; Quản chế; Tước một số quyền công dân; Phạt tiền khi không áp dụng là hình phạt chính; Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính Các biện pháp tư pháp có thể được áp dụng: Tịch thu vật hoặc tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; Buộc công khai xin lỗi; Bắt buộc chữa bệnh. Các biện pháp tư pháp đối với tngười chưa thành niên bao gồm: Giáo dục tại xã/phường nơi cư trú; Đưa vào trường giáo dưỡng (trung tâm giáo dục vị thành niên).
4	Có bao nhiêu can phạm nữ hiện đang được áp dụng các biện pháp hoặc hình phạt không giam giữ tại quốc gia của anh/chị?	Số lượng: __(Hiện chúng tôi không có đủ dữ liệu)_____

5	Tỷ lệ phụ nữ chưa bị buộc tội và kết án trong trại tạm giam (có nghĩa là: phạm nhân trước khi xét xử)?	Tỉ lệ: __15,51%_____
6	Các tội danh mà nữ can phạm phạm phải trong 3 năm vừa qua?	*Liệt kê các tội danh ở đây*: *(Hãy cho biết tỷ lệ nữ can phạm theo từng tội danh)* Hiện chúng tôi không có dữ liệu *(trả lời của Bộ Công an)*
7	Mức án mà nữ can phạm nhận trong ba năm vừa qua là gì? ***Hình phạt cải tạo không giam giữ*** *(Hãy liệt kê số lượng hoặc tỷ lệ nữ can phạm của từng hình phạt không giam giữ như phạt, án treo, lao động công ích, v.v…)*	Hiện chúng tôi không có dữ liệu (*trả lời của Bộ Công an)*
8	***Án phạt tù*** *(Hãy liệt kê số lượng hoặc tỷ lệ nữ can phạm cho từng mức án tù. Nếu số liệu được phân chia theo cách khác, xin vui lòng vẫn cung cấp thông tin thống kê)*	Độ dài án tù: Dưới 2 năm: __7,14%_____ 2 đến 5 năm: ____23,6%_____ 5 đến 10 năm: ____36,29%_____ 10 đến 20 năm: ____26,23%_____ Chung thân: ____4,81%_____

9	***Tử hình***	Số lượng: 439 người, trong đó có 32 nữ
10	Có bao nhiêu cán bộ làm việc trong trại giam dành cho nữ phạm nhân hoặc khu vực trại giam dành cho nữ phạm nhân?	Số lượng: __8.908_____
11	Giới tính của cán bộ làm việc trong trại giam dành cho nữ hoặc khu vực của trại giam dành cho nữ phạm nhân?	Số cán bộ nữ: ___1.087_____ Số cán bộ nam: ____7.821_____
12	Các vị trí của cán bộ làm việc trong trại giam dành cho nữ hoặc khu vực của trại giam dành cho nữ phạm nhân? *(Hãy nêu số lượng đối với từng công việc)*	Vị trí cán bộ nữ đảm nhiệm: __ nhân viên y tế, tài chính, hậu cần, cán bộ giáo dục, tư vấn, đào tạo kỹ năng, quản giáo giáo dục phạm nhân nữ, bảo vệ, trực ban (cho khu vực nữ phạm nhân). Vị trí cán bộ nam đảm nhiệm: đảm bảo an ninh, duy trì trật tự, thực hiện kiểm tra an ninh, bảo vệ, trực ban, tư vấn, cán bộ giáo dục, quản giáo giáo dục, áp giải phạm nhân.
13	Trẻ em có thể sống trong trại giam với mẹ đến bao nhiêu tuổi?	3 tuổi (36 tháng)
14	Hiện đang có bao nhiêu trẻ em đang sống cùng mẹ tại các trại giam?	Số lượng: ___66_____
15	Có chương trình tái hòa nhập nào cho từng giới cụ thể – ví dụ được thiết kế cụ thể nhằm hỗ trợ can phạm nữ/phạm nhân nữ làm lại cuộc đời một cách tích cực?	Có X Không
16	Nếu có, hãy cung cấp ví dụ về các chương trình này và số phụ nữ tham gia, nếu có thể. *(Hãy sử dụng thêm giấy nếu phần trống cho trả lời bên dưới không đủ).*	
	Chương trình: Chương trình giáo dục chung và các chương trình với nội dung bổ sung cho nữ như: giáo dục về quyền phụ nữ, giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục, gia đình, đào tạo kỹ năng sống, kỹ năng tìm việc, kỹ năng đối đầu với khó khăn và thách thức trong cuộc sống, v.v… với sự tham gia của hàng ngàn nữ phạm	Số phụ nữ tham gia: Hàng ngàn phụ nữ

	nhân.	
	Chương trình	Số phụ nữ tham gia
	Chương trình	Số phụ nữ tham gia
17	Tỉ lệ tái phạm trong số cựu phạm nhân nữ trong ba năm vừa qua?	Tỉ lệ: (Hiện tại, Việt Nam đang tiến hành điều tra quốc gia và sẽ có số liệu vào cuối tháng sáu) _____
18	Tỷ lệ này so sánh với tỷ lệ tái phạm trong nam giới như thế nào?	Tỉ lệ: ___như trên_____
19	Tỷ lệ tái phạm trong cựu nữ can phạm đã hoàn thành hình phạt không giam giữ trong ba năm vừa qua?	Tỉ lệ: ___như trên_____
20	Tỷ lệ này so sánh với tỷ lệ tái phạm trong cựu nam can phạm đã hoàn thành hình phạt không giam giữ như thế nào?	Tỉ lệ: ___như trên_____
21	Tỉ lệ đối tượng nữ trong các trại tạm giam có tiếp cận với luật sư là bao nhiêu?	Tỉ lệ: __100%_____
22	Có bao nhiêu nữ phạm nhân quốc tịch nước ngoài trong quốc gia của anh/chị?	Số lượngr: ____54_____
23	Có bao nhiêu nữ phạm nhân người dân tộc thiểu số trong quốc gia của anh/chị?	Số lượng: ____1.890_____
24	Có bao nhiêu phạm nhân nữ trong độ tuổi vị thành niên trong quốc gia của anh/chị ?	Số lượng: __39_____

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Trung tâm Kinh tế học quốc tế. *Phân tích nghèo Việt Nam*. Canberra. Tham khảo tại : http://www.ausaid.gov.au/Publications/Documents/vietnam_poverty_analysis.pdf

Chiongson, Rea Abada (2009). *CEDAW và Pháp luật: Nghiên cứu rà soát văn bản pháp luật Việt Nam trên cơ sở quyền và giới qua lăng kính CEDAW*. Hà Nội: Quỹ Phát triển Phụ nữ Liên Hợp Quốc.

Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự (2009). *Đưa giới vào công lý – từ Chính sách đến Thực tiễn: Báo cáo cuối cùng của Ban Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự.* London: Fawcett Society.

Phối hợp Hành động đối với các Vi phạm Quyền con người (2008). *Yếu tố giới trong các vi phạm quyền con người: Trường hợp bạo lực giữa những người thân. Báo cáo cuối cùng giai đoạn 2004-2007.* Luxembourg: Văn phòng Xuất bản chính thức của Cộng đồng châu Âu.

Gardsbane, D., Vũ, H.S., Taylor, K., Chanthavysouk, K. (2010). *Bạo lực trên cơ sở giới: Báo cáo chuyên đề.* Hà Nội: Liên hợp Quốc tại Việt Nam.

Hunt, Swanee (2003). Vai trò then chốt của phụ nữ vận động cho hòa bình. *Tạp chí Luật xuyên quốc gia Columbia,* Tập. 41, Số.3.

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới (2008). *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam 2006.* Hà Nội: BVHTT&DL và UNICEF.

Tổ chức Lao động Quốc tế (2013). Mặc dù tỉ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động cao, khoảng cách lương về giới tăng. Ngày 7 tháng 3 năm 2013. Tham khảo tại: http://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS_206104/lang--en/index.htm

Johnson, H., Ollus, N., Nevela, S. (2008) *Bạo lực với phụ nữ: từ góc độ quốc tế.* Helsinki: Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI).

JOPSO, NH Quang & Cộng sự (2008). *Báo cáo Khảo sát về Đảm bảo bình đẳng giới trong Hệ thống tòa án ở Việt Nam và trong các hoạt động xét xử*. Hà Nội.

Mahony, Tina (2011). *Phụ nữ và Hệ thống tư pháp hình sự.* Ottawa: Thống kê Canada.

NH Quang & Cộng Sự (2011). *Luật sư chỉ định theo pháp luật tố tụng hình sự và thực tiễn tại Việt Nam.* Hà Nội: Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc.

Reilly, Michael (2011). *Thanh tra trại giam: Tiêu chuẩn bổ sung đối với trại giam phạm nhân nữ tại Ai len.* Văn phòng Thanh tra trại giam Ailen.

Liên Hợp Quốc (2008). Họp Nhóm chuyên gia về Thực tiễn tốt trong pháp luật phòng chống bạo lực với phụ nữ, Báo cáo cuối cùng. Vienna.

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (2007). *Những kiến thức cơ bản về Giới và Quản trị Dân chủ số 2: Bình đẳng giới và Chương trình tư pháp: TIếp cận công lý bình đẳng cho phụ nữ.* New York.Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (2011).

Diễn đàn Đối thoại chính sách pháp luật lần thứ tư: *Lồng ghép giới trong xây dựng và thực thi pháp luật: Vai trò của ngành tư pháp trong giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới và bảo vệ quyền của phụ nữ*. Hà Nội.

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (2011). *Diễn đàn Đối tác pháp luật lần thứ tám: Tăng cường cải cách pháp luật và tư pháp*. Hà Nội.

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (2012).*Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền ở Việt Nam. Số 6* .

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc, Bộ Tư Pháp Việt Nam (2011). Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền ở Việt Nam. Số 3,5.

Cơ quan Phụ nữ Liên Hợp Quốc (2012). *Pháp luật của chúng ta có thúc đẩy bình đẳng giới? Sổ tay Nghiên cứu rà soát pháp luật dựa trên công ước CEDAW.* Bangkok: UN Women.

Cơ quan Phụ nữ Liên Hợp Quốc (2012). Trung tâm Tri thức điện tử nhằm Chấm dứt bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái. Tham khảo tại: http://www.endvawnow.org/

Cơ quan Phụ nữ Liên Hợp Quốc (2011). *Sự tiến bộ của phụ nữ thế giới 2011-2012: Theo đuổi công lý.* New York.

Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (2011). Phát hiện và khuyến nghị của Hội thảo Liên bộ về những Thách thức và Giải pháp nhằm Xử lý Hiệu quả Bạo lực Gia đình, Tăng cường Bảo vệ Nạn nhân ở Việt Nam. Hội nghị do Tổng Cục Phòng Chống Tội Phạm, Bộ Công An chủ trì tại thành phố Hạ Long trong hai ngày 1 & 2 tháng 12 năm 2011.

Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc, Viện châu Âu về Phòng ngừa và kiểm soát tội phạm (HEUNI), Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển (2010). *Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam*.

Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc, Bộ Tư pháp (2009). *Tóm tắt đánh giá thực tiễn xử phạt hành chính và hòa giải hiện nay khi giải quyết các vụ việc bạo lực gia đình tại Việt Nam.* Hà Nội.

Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2012). *Ước tính thiệt hại kinh tế do bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam.* Hà Nội.

Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2012). *Thảo luận chuyên đề: CEDDAW, Quyền phụ nữ và tuổi nghỉ hưu ở Việt Nam.* Hà Nội. Liên Hợp Quốc, Ủy ban về Xóa bỏ phân biệt đối với phụ nữ (1992) *Khuyến nghị chung số 19 và 20 của CEDAW: Bạo lực với phụ nữ.* Tham khảo tại: http://www.refworld.org/docid/453882a422.html

Liên Hợp Quốc, Ủy ban về Xóa bỏ phân biệt đối với phụ nữ (1992) *Khuyến nghị chung số 21: Bình đẳng trong hôn nhân và quan hệ gia đình.* Tham khảo tại:

http://www.refworld.org/docid/48abd52c0.html

Liên Hợp Quốc, Ủy ban về Quyền trẻ em (2003). *Khuyến nghị chung số 4 của Công ước về Quyền Trẻ em: Sức khỏe vị thành niên và Phát triển trong Bối cảnh Công ước về Quyền Trẻ em.* Tham khảo tại: http://www.refworld.org/docid/4538834f0.html

Liên Hợp Quốc, Ban Các vấn đề kinh tế và xã hội, Phòng Vì sự tiến bộ của phụ nữ (2010). *Sổ tay pháp luật về bạo lực với phụ nữ.* New York: Liên Hợp Quốc.

Liên Hợp Quốc, Đại Hội Đồng (2004). *Nghị quyết số 58/147: Loại bỏ bạo lực gia đình với phụ nữ.* Tham khảo tại:
http://daccess-dds-ny.un.org/doc/UNDOC/GEN/N03/503/40/PDF/N0350340.pdf?OpenElement

Liên Hợp Quốc, Đại Hội Đồng (2011). *Nghị quyết A/RES/65/228: Tăng cường phòng ngừa tội phạm và ứng phó tư pháp hình sự với bạo lực đối với phụ nữ.* Tham khảo tại:
http://www.un.org/ga/search/view_doc.asp?symbol=A/RES/65/228

Liên Hợp Quốc, Ủy Ban Nhân Quyền (1989). *Bình luận chung số 18 Công ước về các quyền dân sự và chính trị: Không phân biệt đối xử.* Tham khảo tại:
http://www.refworld.org/docid/453883fa8.html

Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (2011). *Tài liệu Hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý trong các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình.* Hà Nội.

Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (2011). *Công tác phòng chống bạo lực gia đình: Tài liệu tập huấn cho ngành hành pháp và tư pháp tại Việt Nam (tái bản lần thứ 2).* Hà Nội.

Quỹ Dân Số Liên Hợp Quốc (2012). *Phòng, chống và ứng phó đối với bạo lực gia đình ở Việt Nam: Bài học từ mô hình can thiệp tại tỉnh Phú Thọ và Bến Tre.* Hà Nội.

Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (2010). *Sự tham gia của phụ nữ vào nền kinh tế Việt Nam: Chương trình hành động.* Washington, DC.

Bộ Tư Pháp Hoa Kỳ, Viện Tư pháp Quốc gia (2000). *Nghiên cứu về Phụ nữ và Trẻ em gái trong Hệ thống Tư pháp: Các tham luận tại Hội nghị về Nghiên Cứu và Đánh Giá Tư pháp Hình sự - Tăng cường Chính sách và Thực tiễn thông qua Nghiên cứu,* Số. *3.* Washington, DC.

Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, Viện Tư pháp Quốc gia (1998). *Can phạm nữ: Nhu cầu đặc thù và cách tiếp cận triển vọng.* Washington, DC.

Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, Văn phòng Phòng ngừa Tội phạm và Tư pháp Vị thành niên (2010). *Nguyên nhân và mối tương quan trong hành vi phạm tội của trẻ em gái.* Washington, DC.

Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ (2012). *Báo cáo Tình hình Buôn người năm 2012.* Washington, DC.

Bộ Lao động, Thương binh, Xã hội, Tổ chức Lao động Quốc tế (2013). *Quấy rối tình dục tại nơi làm việc tại Việt nam: Tổng quan về khuôn khổ pháp lý. Hà Nội.*

Tổng cục Thống kê Việt Nam (2010). *Kết quả Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: "Chịu nhịn là chết đấy".* Hà Nội.

Walmsley, Roy (2012). *Danh mục nữ phạm nhân thế giới (tái bản lần 2).* London: Trung tâm Nghiên cứu Trại giam Quốc tế.

Ngân hàng Thế giới (2006). *Đánh giá Giới ở Việt Nam.* Hà Nội.

Ngân hàng Thế giới (2011). *Đánh giá Giới ở Việt Nam.* Hà Nội.

Tổ chức Y tế Thế giới (2013). *Ước tính về Bạo lực với phụ nữ phạm vi toàn cầu và khu vực: tính phổ biến và tác động đối với sức khỏe của bạo lực do bạn đời gây ra và bạo lực không phải do bạn đời gây ra.* Geneva.